

Wason  
DS 522  
V 651

## Thẻ-lệ mua Tạp-chí

do Bộ Quốc-Gia Giáo-dục và Thanh-niên xuất-bản

THỜI-HẠN MUA TẠP-CHÍ	GIÁ MUA			
	VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN		GIÁO-DỤC NGUYỆT-SAN (bậc Trung-học)	
	BẮC-VIỆT	TRUNG-VIỆT và NAM-VIỆT	BẮC-VIỆT	TRUNG-VIỆT và NAM-VIỆT
MỘT NĂM (10 SỐ)	120\$	130\$	200\$	210\$
MỖI SỐ	12\$	13\$	20\$	21\$

**CHÚ-THÍCH.** — 1) Đối với các tư-nhân, lệ mua tạp-chí phải trả tiền trước (Chỉ gửi tạp-chí khi nhận được ngân-phiếu).

2) Bài soạn đăng tạp-chí xin gửi về Ô. PHẠM-XUÂN-ĐỘ, Chánh-sự-vụ Sở Văn-hóa Mỹ-thuật tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh-niên Hà-nội.

3) Thư-từ mua tạp-chí và ngân-phiếu xin gửi về : Ô. BÙI-ĐÌNH-SAN, Quản-lý báo-chí tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh-niên Hà-nội.

Nhà in Vũ-Hùng — Hà-nội — Kiểm duyệt số 1608 ngày 16-5-1952.



# Văn Hóa

## NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN TRUYỀN-BÁ  
GIÁO-DỤC, KHOA-HỌC VÀ VĂN-HÓA



WCL

NĂM THỨ NHẤT  
THÁNG BẢY NĂM 1952

July

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

# MỤC - LỤC

Số trang	Số trang
<b>I - Luận-thuyết</b>	
Tinh-thần dân-chủ trong nền Văn-hóa Việt-Nam ( <i>Vị-Hoàng</i> ) . . . . .	259
Văn-minh Nhật thời Minh-Trị ( <i>Giám-mục Hoàng-v-Đoàn</i> ) . . . . .	266
Chung quanh vấn-đề chủng tộc ( <i>Huyền-Thanh</i> ) . . . . .	273
Cảm-tưởng về ngày kỷ-niệm Quốc-Tổ ( <i>Trịnh-dinh-Rư</i> ) . . . . .	276
Vấn-đề Đại-học ( <i>Nguyễn-dũng-Thục</i> ) . . . . .	280
<b>II - Văn-chương</b>	
Đêm khuya nghe đàn ( <i>Trương-Chính-Đạo</i> ) . . . . .	284
Ưu-tư ( <i>Trương-Chính-Đạo</i> ) . . . . .	—
Khóc con . . . . .	285
Cảm-hứng . . . . .	286
Truyện ngắn : Lương Tam-Lang với đức hiếu-sinh . . . . .	288
( <i>Trương-Chính-Đạo</i> ) . . . . .	292
Giới sắc ( <i>Kỳ-Hoa, Ng-v-Trước</i> ) . . . . .	293
<b>Dịch thơ cổ</b>	
Xuân-nhật ( <i>Đông-Minh</i> ) . . . . .	294
Hý đề Bàn-Thạch ( <i>Đông-Minh</i> ) . . . . .	—
Dy-môn ca . . . . .	—
Thu-phong-tử ( <i>Kỳ-Hoa, Ng-v-Trước</i> ) . . . . .	295
<b>Vịnh sử</b>	
Ngày giỗ Tô Hùng-Vương . . . . .	296
( <i>Kỳ-Hoa, Ng-v-Trước</i> ) . . . . .	297
Đồng-Thiên-Vương ( <i>Kỳ-Hoa, Ng-v-Trước</i> ) . . . . .	297
Trần-Quốc-Toản ( <i>Kỳ-Hoa, Ng-v-Trước</i> ) . . . . .	—
Vua Quang-Trung ( <i>Kỳ-Hoa, Ng-v-Trước</i> ) . . . . .	—
Trận Đống-Đa ( <i>Kỳ-Hoa, Ng-v-Trước</i> ) . . . . .	298
My-nương . . . . .	326
Tết Nhâm-Thìn ( <i>Kỳ-Hoa, Nguyễn-văn-Trước</i> ) . . . . .	287
— Xen hoa quỳnh nở ( <i>Bà Nguyễn-dinh-Quang</i> ) . . . . .	306
— Tâm-sự mẹ ( <i>Bà Nguyễn-dinh-Quang</i> ) . . . . .	312
<b>Kịch</b>	
Dự-Nhượng phục-thù. ( <i>Linh-Tâm</i> ) . . . . .	299
<b>III - Khảo-cứu</b>	
— Tô-dông-Pha và Vương-an-Thạch ( <i>Nguyễn-văn-Nhân</i> ) . . . . .	307
— Nền chính-trị và hành-chính Việt-Nam ( <i>Nguyễn văn-Thanh</i> ) . . . . .	308
<b>IV - Khoa-học</b>	
— Thám-hiềm Bắc-Cực ( <i>Nguyễn-hữu-Bằng</i> ) . . . . .	313
— Nhiệt-độ nhân-tạo ( <i>Ng-v-Phúc</i> ) . . . . .	315
<b>V. - Mỹ-thuật</b>	
— Đồ-dông-thanh Thanh-Hóa ( <i>K</i> ) . . . . .	318
— Lược-khảo về đình ở Bắc-Việt ( <i>K</i> ) . . . . .	321
<b>VI - Văn-hóa các nước</b>	
— Một tháng trên đất Anh ( <i>Nguyễn-văn-Ngọc</i> ) . . . . .	327
— Tổ-chức Văn-Hóa Liên-hiệp-quốc ( <i>Huyền-Thanh</i> ) . . . . .	331
<b>VII - Phê-bình thời-cực</b>	
— Văn-hóa với Bộ Quốc-Gia Giáo-dục ( <i>Nguyễn-dinh-Bộ</i> ) . . . . .	337
— Vấn-đề binh-dân giáo-dục. (B.) . . . . .	341
<b>VIII - Tin-tức văn-hóa</b>	
— a) Công-văn . . . . .	345
— b) Tin trong nước . . . . .	XXX 352
— c) Tin các nước . . . . .	XXX 354
<b>IX - Từ-ngữ hành-chính</b>	
<i>Nguyễn-dinh-Khanh</i> . . . . .	—
<i>Nguyễn-Hữu-Túy</i> . . . . .	—
<i>Bùi-quang-Khánh</i> . . . . .	356





## Tinh-thần DÂN-CHỦ trong nền Văn-Hóa Việt-Nam



RƯỚC hết, ta nên tự hỏi: thế nào là dân-chủ? Theo định-nghĩa thường thấy trong các tự-điền, dân-chủ là tinh-cách một chính-thể, trong đó chủ-quyền thuộc về toàn-thể nhân-dân. Song, lời giải-thích quá ư trừu-tượng này không thể hiện ta một quan-niệm xác-đáng, tinh-vi. Muốn hiểu rõ hơn, ta nên so-sánh những tài-liệu cụ-thể, hoặc lấy lượng được ở thực-tế.

Vậy, ta thử lần giở cuốn « Pháp-Ý » (1) của Mạnh-Đức Tư-Cưu, xem trong đó, nhà đại văn-hào cách-mệnh về thế-kỷ thứ XVIII, đã bàn về hai chữ dân-chủ ra sao. Theo tác-giả, trên thế-giới, người ta thường phân-biệt ba loại chính-thể: chuyên-chế, quân-chủ tuyệt-đối và dân-chủ.

Bản-tính của chính-thể chuyên-chế là quyền độc-đoán của một người cầm đầu, — một quyền-thể cần phải dựa vào lòng sợ-hãi. Thật vậy, với chế-độ này, người đứng đầu trong nước tất phải có một bàn tay sắt, để đập tan hầu hết các mưu-mô; nhưng lẽ tự-nhiên là không chóng thì chầy, chính-sách tàn-ác kia sẽ sụp-đổ, vì người ta kiểm-soát chặt-chẽ đến đâu, cũng không thể dè-nén được các nổi phẫn uất sôi-nổi trong tâm can...

của  
VỊ-HOÀNG

Còn bản-tính của nền quân-chủ tuyệt-đối là quyền-hành của một người đứng ra cai-trị bằng những phương-pháp đã ấn-định. Theo Mạnh-Đức Tư-Cưu, trong một nước như vậy, tất có những người làm môi-giới giữa quốc-vương và

(1) « Esprit des lois ». Người Trung-hoa đã dịch là Vạn-pháp tinh-lý.

dân-chúng; đó tức là những qui-tộc và những công-chức cao-cấp. Tác-giả tin rằng: nguyên-lý chính của chế-độ này là lòng *vinh-dự*; nhưng nhà văn-hào đã dùng chữ *vinh-dự* ở đây, với một ý-nghĩa riêng-biệt và tâm-thường, để trở tính hiếu danh, vụ lợi. Người ta cần dựa vào các người môi-giới, các nhà cầm quyền, nên cố mua chuộc họ bằng cách ban-phát tiền-của hay chức-tước, để họ, vì lòng ích-kỷ, mà trung-thành giúp-đỡ. Song, một chính-sách căn-cứ vào những tính-tình nhỏ-mọn và mong-manh như vậy, tất không sao tồn-tại được.

Sau hết, theo Mạnh-Đức Tư-Cưu, bản-tính của nền dân-chủ là đặc-điểm của toàn dân được tham dự chính-quyền. Tác-giả thêm rằng: nguyên-lý của chính-thể này là *công-tâm*. Nếu chính-sách chuyên-chế cần làm cho lòng người khúg-khiếp, chính-thể quân-chủ tuyệt-đối khêu gợi lòng ích-kỷ của hạng thượng-lưu, thì trái lại, trong một nước dân-chủ, hầu hết các tầng lớp nhân-dân phải tha-thiết với quyền-lợi chung. Thật vậy, ở đây, chính các người thảo-soạn pháp-luật hoặc đứng ra thi-bành, lại phải tuân theo như kẻ khác; nếu không biết nghĩ đến đoàn-thể thì các người ấy dễ sinh ra lạm quyền, và đi đến chỗ chuyên-chế một cách bất ngờ. Ngay các người thường-dân cũng cần phải có công-tâm; vì họ không thể tự-do hoạt-động, làm rối loạn

trật-tự, không nghe theo cả những người cầm quyền do họ bầu lên. Mạnh-Đức Tư-Cưu lại giải-thích thế nào là công-tâm, và cho đây là lòng yêu nước. Bởi đó là một tinh-cảm chứ không phải một nhận-thức, nên ai nấy, dù chẳng phải là kẻ tri thức, cũng có thể hiểu biết được. Nhà văn cách-mệnh còn nghĩ rằng: những người chất-phác và ít học, một khi đã lĩnh-hội được một quan niệm hay, một nguyên-tắc đúng, thường lại tin-trưởng một cách vững-chắc hơn là những nhà học rộng tài cao, những bậc thông-minh lỗi-lạc, nhưng hay có tính dẫn-đo, suy-nghĩ...

Xem như vậy, tác-giả cuốn « Pháp-ý » đã công-nhận rằng: chính-thể dân-chủ là một chính-thể dành chủ-quyền cho dân, nhân đó, nó hơn hẳn chế-độ quân-chủ tuyệt-đối, và nhất là chế-độ chuyên-chế tàn-bạo.

Nhưng ngày nay, dư-luận hoàn-cầu nêu lên những lập-trường hơi khác với ý-kiến của Mạnh-Đức Tư-Cưu. Trước hết, các chính-khách thường chia các quốc-gia ra làm hai khối: một bên là khối độc-tài không kể gì đến quyền-lợi của cá-nhân hay của dân-lộc, một bên là khối tự-do dân-chủ, khiến con người ta có thể an-cư lạc-nghiệp. Như vậy, các nước tân-tiến không còn chia các chính-thể ra làm ba hạng như nhà văn-hào Mạnh-Đức

Tư-Cưu, và chỉ còn biết hai xu-hướng chính-trị vô cùng rõ-rệt, như ngày và đêm.

Hai là, trên trường quốc-tế hiện-thời, hai chữ « dân-chủ » chỉ có nghĩa là tinh-cách một chế-độ trọng chủ-quyền của dân, biết tha-thiết đến số-phận của dân, chứ không còn trở riêng một chính-thể nào, như trong cuốn « Pháp-Ý ».

Nhân đây, chúng ta nên hiểu rằng: giữa quần-chúng cũng như trong các học-đường, ít nhiều bạn thanh-niên thường lầm lẫn ý-nghĩa của hai tiếng: « dân-chủ » và « cộng-hòa ». Đó là một điều ngộ-nhận đáng tiếc, ta cần phải đánh tan, không những để hiểu những cuộc tuyên-truyền sáo-trá. Danh-từ « cộng-hòa » do người Tàu đặt ra, để trở một chính-thể đã thành-lập trên đất nước họ từ thời thượng-cổ, và chẳng có gì là tối-tàn. Nguyên năm ấy là năm 867 trước công-nguyên, sau khi Chu-Lệ-Vương chạy trốn ra đất Phê, Chu-Công và Triệu-Công cùng nhau cầm chính-quyền trong 14 năm trời. Sử Tàu gọi chính-thể ấy là Cộng-hòa hành-chính, và đời ấy là đời Cộng-hòa. Ngày nay, tiếng « Cộng-hòa » tiêu-biểu một chính-thể, trong đó các người do dân bầu lên, cùng giữ quyền-bính, và có một người đứng đầu, thường gọi là Tổng-thống, như ở Pháp hay Hợp-chúng-quốc chẳng hạn. Một

nước cộng-hòa có Tổng-thống, cũng như một nước quân-chủ có Vua. Còn dân-chủ như trên đã nói, chỉ là một đặc-tính của những chính-thể thiên về quyền-lợi của dân; nó trái nghĩa với những từ-ngữ phát-xit, độc-đoán, độc-tài, chuyên chế, v.v... Tóm lại, quân-chủ, cộng-hòa, quả đầu chính-trị, . . . đều là những chính-thể; còn các danh-từ chuyên-chế hay dân-chủ chỉ là những tiếng dùng để mô-tả và phê-bình tinh-cách một nền cai trị. Vì vậy, ta thấy có những nước cộng-hòa coi rẻ quyền lợi của dân, tức là thiếu hẳn tinh-thần dân-chủ, như nước Đức quốc-xã của Hitler chẳng hạn. Trái lại, có những nước quân-chủ lập-biến, rất trọng dân-quyền như nước Anh, nước Nhật... Như thế, một quốc-gia có xu-hướng dân-chủ chỉ là một nước biết tha-thiết đến dân, biết trọng các tự-do của dân, không cứ đó là một nước quân-chủ hay một nước có chính-thể nào khác.

Trở lên trên, ta đã nhận-định thế nào là dân-chủ. Nay, ta thử đứng vào địa-vị khách-quan mà xét xem nền văn-hóa nước nhà có thật có tinh-cách dân-chủ chăng.

Chúng tôi không nhắc lại, các bạn đọc cũng thừa biết rằng người ta đã chỉ trích bằng những lời quá ư khắc-nghiệt, chế-độ phong-kiến của xã-hội nước nhà, Nhưng nhìn



qua các trang sử, ta thấy rằng từ thế-kỷ thứ IV trước công-nguyên, dân-tộc ta không hề biết đến chế-độ phong-kiến là gì. Đặc-tính của tổ chức ấy trao cho các qui-tộc được đặc-quyền cha truyền con nối. Dưới thời Hồng-Bàng, Lạc-Hầu và Lạc-Tướng là những bậc giữ trọng-trách trong nước, và có những thái-áp vua ban, lại có thể dành địa vị và quyền lợi của mình, để từ-tôn thừa hưởng, hết đời họ sang đời kia. Nhưng, từ hồi Trưng Vương đến suốt các thời kỳ độc-lập, tục-lệ kia đã bãi bỏ, không thấy có di tích trong sử sách. Hơn nữa, trong toàn quốc, các làng xã đều có một hội-đồng quản-trị, để điều-khiển việc hương-thôn một cách dân-chủ. Hội-đồng kỳ-mục ghi chép trong sổ sách những tục lệ thích-hợp với dân-quê, mà Chính-phủ bao giờ cũng thừa-nhận. Muốn nhận rõ tinh thần dân-chủ của giống nòi, ta chỉ cần nhắc nhở đến vài câu tục-ngữ, ca-đạo, hiện không mấy ai là không biết :

- *Phép vua thua lệ làng*
- *Quan có cần mà dân không vội,*  
*Quan có vội quan lợi quan đi.*
- *Hơn nhau cái áo cái quần,*  
*Thả ra mình trần, ai cũng như ai.*
- *Công-chúa lấy kẻ bán than,*  
*Nó đem lên ngàn, cũng phải đi theo...*

Chế độ điền-địa giữa chốn hương-thôn, cũng có một tính cách

binh-dẳng và xã-hội chẳng kém gì. Cứ ba năm một lần, công điền công thổ lại được chia đều cho các trang đình để cày cấy, trồng-trọt.

Về cách tuyển-dụng các nhà cầm quyền, thì ai nấy ở chốn khoa-trường xuất-thân đều có thể giữ những địa vị vẻ-vang để gánh vác việc công.

Hơn nữa, qua các thời đại, mỗi khi Quốc-gia gặp cơn nguy-biến, các nhà chức-trách hiểu biết phải dựa vào quần-chúng, để trên dưới một lòng, mới chống nổi kẻ thù; và lúc đó, họ không quên hô-hào đoàn-kết, khiến ta thấy tính cách dân-chủ biểu-lộ một cách rõ-rệt, không ai chối-cãi được. Về thế-kỷ thứ I, muốn người như một đã xen vai sát cánh, để phát cờ khởi nghĩa chung quanh hai vị nữ anh hùng, và đánh đuổi kẻ tham-tâu Tô-định, nên thời đó, một câu hát đã vang dội trên khắp giải non sông :

*Nhiều điều phủ lấy giá gương,*  
*Người trong một nước thì thương nhau cùng.*

Dưới đời Trần, năm Giáp-Thân (1284), quân Nguyên hội tại Hồ-Quảng, sắp kéo qua mặt Lạng-Sơn sang chiếm nước ta. Vua Nhân-Tôn lo ngại, bèn triệu-tập các bộ lão dân-gian tại hội nghị Diên-Hồng, để thảo-luận xem nên hòa hay nên chiến. Khi mọi người đều

đồng thanh yêu-cầu kháng-cự, nhà vua mới quyết-tâm chống giữ, dù tỏ rằng xưa nay dù các vị vua chúa cũng để ý đến dư-luận của nhân-dân. Ta hãy thử đọc qua mấy vần dưới đây, trong đó thi-sĩ Thao Thao đã mô-tả hùng khí thời bấy giờ.

*Năm Giáp-Thân, tháng chạp,*  
*cuối mùa đông,*

*Trên đường xanh, có những*  
*đầu bạc trắng.*

*Người quốc-thước, quen rã-rầu*  
*mưa nắng,*

*Kẻ già - nua gậy trúc chống*  
*lom-khom.*

*Lũ lượt sau, đàn con cháu om-*  
*xòm,*

*Theo hầu-hạ tráp triều, điều ông.*

*Họ ra đi với một trời m-*  
*mộng...*

*Điện Diên-Hồng đủ văn võ bách*  
*quan,*

*Đủ đại diện của toàn-quốc*  
*dân-gian.*

*Vua cảm - động, tả tình - hình*  
*quán giặc*

*Đang hăm-hè, hó vang trên ải*  
*Bắc!*

*Chỉ nay mai là chúng vượt*  
*biên-thùy.*

*Chúng tràn sang là nước mất*  
*dân nguy.*

*Một bách quan xa-xăm, rặng*  
*nghiến lại;*

*Gậy lão-niên rung rung hèn tẻ tái.*

- *Hỡi các người muốn sống*  
*hãy nghe ta.*

*Muốn yên thân, muốn gìn-giữ*  
*son-hà,*

*Muốn đời đời hưởng ơn vua*  
*lộc nước,*

*Thì tất cả, cả dân-gian toàn*  
*quốc,*

*Phải một lòng, phải quyết-liệt*  
*như nhau,*

*Phải tiến-lên, phải nhất luật*  
*đương đầu.*

*Trẻ xông-pha, phải tung-hoành*  
*nơi chiến địa,*

*Già giúp uy, theo sau làm*  
*hậu-thuần.*

*Có như thế thì giặc Bắc mới*  
*chần,*

*Có như thế thì nước mất mới*  
*còn,*

*Hỡi các người, ta trung cầu*  
*ý-kiến,*

*Hỡi các người, nên hòa hay*  
*nép chiến?*

- *« Nên chiến, nên chiến, chiến*  
*đến cùng! ».*

*Tiếng reo hô rung chuyển điện*  
*Diên-Hồng!...*

Đến đời Lê, năm Đinh-vị (1428),

khi Bình-Định Vương bại quân

Minh, Ngài cũng hạ lệnh cho bậc

đệ nhất công-thần Nguyễn-Trãi làm

bài « Bình-ngô đại cáo », một là

để võ-vệ nhân-dân, sau mười năm

tán-khò, hai là để công-chúng hiểu

biết rằng : Ngài chỉ muốn cứu vãn

muốn nhà, mới ra công trừ khử kẻ

ngoại-xâm. Chỉ một đoạn văn sau

đây cũng đủ cho ta tế nhận lòng tha thiết đến quần-chúng của các chính khách cũng như của các văn-nhân thời đó :

« Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân, quán điều phạt chỉ vì khử bạo... Vừa rồi, vì họ Hồ chính-sự phiền hà dễ trong nước nhân-dân oán-hận. Quân cuồng Minh đã thừa từ-ngược, bọn gian-là còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Chước đổi đủ muốn nghìn khố, ác chửa ngót hai mươi năm. Bại nhân nghĩa nát cả càn-khôn, nặng khoa liêm vết không sơn-trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu, nào hồ bẫy hươu đen, nào lưới dò chim chẻ. Tàn hại côn trùng, thối mọt, nheo-nhóc thay ! Quan-quả điển liên. Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bấy no-nê chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa. Nặng-nề về những nỗi phu phen, bắt bớ mất cả nghề canh-cải. Độc ác thay ! nước bể khôn rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần nhân nhện đực (1)... »

Riêng đứng về phương-diện văn-học, ta nhận thấy : các thi-văn nước nhà, từ ngàn xưa tới ngày nay, đã có một tính-cách bình-dân rõ-rệt. Trước đời Trần, văn-nhân thi-sĩ đều dùng Hán-tự, để thảo-luận những vấn đề trừu-tượng, cao siêu,

không khác gì xưa kia, các học-giả Âu Tây dùng tiếng la-tinh ; nhưng từ ngày Hán-Thuyên làm bài văn tế bằng chữ nôm cho tới thời sau, quốc-văn mỗi lúc một thịnh-đạt, và không còn lãng quên quần-chúng. Dân dần, người ta đã thấy những thi-sĩ như Hồ-xuân-Hương hay Trần-Tế-Xương, với một giọng văn bình-dị, luôn luôn tỏ tình thiện-cảm với đám thường dân. Gần đây, từ Nam chí Bắc, lại biết bao cây viết dẫn-dõi, tài-tinh, đã gột rửa những màu sắc trường-giã, để say sưa phân tích những nỗi uẩn-khúc của nhóm cần-lao, của những kẻ cơ-hàn, thậm chí có những nhà văn xuất chúng không ngại trà-trộn với các nông dân giữa nơi « bùn lầy, nước đọng », với những kẻ « lấm than, khốn nạn », với hạng « cơm thầy, cơm cô », với công-nhân xe kéo, mà người ta đã gọi là « ngựa người », với những mẹ góa con côi, những người kéo lê một cuộc đời tàn-tạ đầy « mưa gió » ... Chịu ảnh-hưởng của Âu Tây, các sử-gia không còn giữ tập-quan chỉ lưu tâm đến các nhà quyền quý, hay các chiến trận lớn-lao; trái lại, nét bút vô-tư của họ đã mô-tả một cách tỉ-mỉ, công-phu, sự sinh-hoạt của nhân-dân... Từ năm sáu năm nay, ba chữ « dân vi quý » không những được làm châm-ngôn cho các nhà cầm quyền, mà còn gieo

(1) Bản dịch của Trần-trọng-Kim.

những tiếng vang dội sâu-xa, trong trẻo trên chốn tao-đàn, và hướng dẫn những ngọn bút quan hoài, danh thép, đến những quan-niệm bình-dân. Ba nguyên-tắc : khoa-học hóa, dân-tộc hóa và đại-chúng hóa đã chẳng được áp-dụng trong hầu hết các ngành văn-hóa đó sao?

Đồng thời, người ta lại biết thưởng-thức hơn bao giờ hết, những hoa thơm cỏ lạ trong rừng tục-ngữ, ca dao từ ngàn xưa để lại, và thường bắt chước những giọng điệu ấy, để phát biểu những ý-tưởng cao xa. Ta hãy thử nghe câu ca-

hát như sau, trong đó, tác-giả ngộ những lời khuyên-răn kín đáo :

« Con sông đã nặng lời nguyện,  
« Đừng non tay lái cho thuyền lật  
ngang !..

Hay câu :

« Thuyền ai đậu bến Tuần-Tranh,  
« Có về Nam-định cho anh nhân nhò?  
« Nhân có hàng sách ngày xưa,  
« Năm xe kinh sử bảy giờ đáng bao?...

Xem như vậy, ai còn dám bảo nền văn-hóa nước nhà không có sẵn một màu sắc bình-dân đáng kể, không hướng theo một tinh-thần dân-chủ thanh cao?



Đừng non tay lái...



Một vài tài-liệu để chấn-hưng Văn-hóa

## VĂN - MINH NHẬT THỜI MINH - TRI

**T**HƯA Quý-vị thính-giả. (1)

Chúng tôi được may mắn quen biết nhiều bậc trí-thức có tâm-huyết. Là những người có thiện-chí với việc công, giữa nỗi đau thương của đồng bào, giữa cảnh điêu-linh của đất nước, các vị ấy thường hay đàm-đạo đến cách nâng cao trình-độ tinh-thần và vật-chất của quần-chúng, để xoa dịu những vết thương của giống nòi và giảm bớt nỗi đau khổ của Tổ-Quốc.

Hơn nữa, các nhà *thức-thời* đó muốn cho Việt-Nam có một nền văn-minh chân-chính, khiến giang-son vinh-quang và giống nòi rạng rỡ.

Vì vậy, khi tiếp được quý thư của Phạm-quân, Chánh-Sự-Vụ sở Văn-Hóa, thúc giục chúng tôi nói chuyện về văn-minh của một nước Á-Đông, chúng tôi rất lấy làm nghĩ ngợi và thận trọng lưu-tâm đến vấn đề này. Chúng tôi đang phân-vấn thì đồng-thời lại tiếp được quý thư của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục yêu-cầu chúng tôi cố nhận. Không dám phụ lòng yêu của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và tinh thần-ái của Phạm-quân, chúng tôi vui lòng nhận lời nói chuyện cùng quý vị bữa nay, mong các ngài lượng xá những khiếm điếm tất nhiên phải có trong một bài lược-khảo.

Chúng tôi xin nói về văn-minh Nhật-Bản đời Minh-Tri Thiên-Hoàng. Chúng tôi chọn đầu đề này, vì theo thiên ý chúng tôi: Nhật-bản có một nền văn-minh vừa thủ-cựu vừa canh-tân. Nhật-bản chịu ảnh-hưởng của văn-minh Ấn-độ, Trung-hoa

và Âu-Mỹ, nhưng không theo một cách mờ quáng như ai. Dân Phù-Tang có tinh thần tự-lập cùng với đức-tính khôn ngoan sáng suốt, biết thấu thái tinh-hoa của người để dung-hòa với các mỹ-tục của mình, gây thành một nền văn-minh đặc-sắc, có tinh cách Quốc-gia, khác hẳn nhiều nước khác chỉ nhắm mắt theo người một cách nô-lệ.

Chúng tôi lại nói riêng về thời Minh-Tri Thiên-Hoàng, vì thời Minh-Tri khai trương một kỷ-nguyên mới trong lịch-sử nước Mặt Trời: Thời-đại một nước Tân Nhật-bản tiến-hóa dưới quyền chủ-trương khôn ngoan của một ông vua có tâm-tri rộng rãi.

Chúng tôi chia bài diễn-thuyết này ra làm ba chương:



Núi Phú-sĩ nước Nhật

(1) Tài-liệu lấy ở cuộc diễn-thuyết ngày 7-2-1952, do Bộ Quốc-gia Giáo-dục tổ-chức, và có Ngài Tổng-Trưởng Bộ An-Ninh kiêm Thủ-Hiến Bắc-Việt chủ tọa.

### CHƯƠNG I

Bàn về hai chữ « văn-minh ».

#### CHƯƠNG II

Nói về thân-thể và sự-nghiệp vua Mục-Nhân, vị đã khai-trương thời Minh-Tri.

#### CHƯƠNG III

Nói về văn-minh thời Minh-Tri.

*Các tài liệu đã nghiên-cứu.*—Trước khi nhập đề, chúng tôi xin lược kê các tài-liệu mà chúng tôi đã dùng qua trong khi thảo soạn tập diễn văn này.

1) Trước hết, tôi đã có dịp gặp gỡ Cha Wanatabé, người Nhật, khi tôi ở Hương-cảng. Cha này đã du học ở Tây-ban-Nha và Gia-nã-đại, sau làm giáo-sư ở Hương-cảng hiện nay ở Shinkokou. Khi ở Hương-cảng, tôi có đàm-đạo với người về vấn đề Nhật-Bản và biên chép những ý-kiến ngài về nước Nhật và văn-minh Nhật trong thời kỳ cải cách Minh-Tri.

2) Tôi cũng đã xem mấy cuốn sách bàn về Nhật-bản như:

a) *Things Japanese* by Basil Halb Chamberlain.

b) *Tally Japanese history* by W. Aston.

c) *Japanese literature* by W.g. Aston.

d) *Japanese girls and Women* by Alice Mabel Bacon

e) *Commentaries on the constitution of the Empire of Japan* by count Hirobami Ito; translated by Miyoji Ito.

f) *Le Japon politique, économique et social* par Henry Dumolard giáo-sư luật tại Đại-học đường Tokio.

g) *Histoire de la civilisation japonaise* par M. Revon.

h) *Le Japon de nos jours* par Bousquet

i) *La question ouvrière au Japon* par Sai to Kashiro.

### CHƯƠNG I

#### Văn-minh

Trước hết, tôi xin định nghĩa hai chữ văn-minh, sau nói về yếu-tố văn-minh và động-lực của văn-minh.

#### a) Ý nghĩa hai chữ văn-minh

Văn-minh.— Theo tự nguyên: văn là vẻ đẹp, minh là vẻ sáng. Đối với cá nhân, văn-minh làm cho con người hủ-lậu, thô-tục trở nên tinh hoa, tế-nhĩ.

Đối với xã-hội, văn minh làm cho xã-hội tiến-hóa từ trình-độ thấp đến trình-độ cao. Sự tiến hóa ấy tức là sự phát triển tinh-thần và vật chất trong mọi phương diện. Do hình thức tiến hóa phát-triển khác nhau mà phát sinh ra nhiều thứ văn-minh khác nhau, như văn-minh Ai-cập, văn-minh Hy-lạp, văn-minh La-Mã, văn-minh Trung-Hoa, văn-minh Nhật-Bản, văn-minh Ấn-Độ, văn-minh Việt-Nam v. v. . .

— Văn-minh khác với mọi-rợ. Mọi-rợ không có sáng kiến, không có sáng tác, không có tổ-chức, thiếu dự bị quan phòng sống ngày nào hay ngày ấy. Không xem đến tương-lai, không nhìn đến dĩ-vãng, không kinh-doanh việc lớn, không gây nên những công việc vĩ đại để lại cho người đời sau. Bởi thế, trải bao thế-hệ, từ đời này sang đời khác, mà dân man-ri vẫn ở vào cái trình-độ sơ-khai, và không có cái gì lưu-truyền vĩnh-viễn cho hậu-thế, để nhờ đó mà gây nên một nền văn-minh trường-cửu.

— Trái lại, dân tộc văn-minh có sáng-kiến có tổ-chức hay quan phòng dự bị. Nhìn nhận vào hiện-tại mà xét đoán đến việc tương-lai. Trông vào quá-khứ mà rút kinh nghiệm cho hiện-thời. Nghĩa là dân-tộc văn-minh có cơ-quan, có thể-lệ tổ chức để chi phối nỗ-lực cần-cù, hành động, tiến hóa. Công nghiệp thời trước để cho người đời nay, và công nghiệp của người thời





Đã bàn về văn minh, bây giờ tôi xin nói đến thân thể, sự-nghiệp vua Mục-Nhân, vị đó khai trương cái thời Minh-Trị.

## II. Thân-thể và sự nghiệp của vua Mục-Nhân

Minh-Trị là miếu-hiệu của vua Mục-Nhân. Sau khi Ngài thăng-hà, dân chúng bỏ tên Mục-Nhân, mà chỉ còn gọi là Minh-Trị, vì Ngài đã có cái công to tát khai-sáng ra cái thời Minh-Trị, tức là cái thời-đại sán lạn của dân Nhật, sống trong cảnh thịnh-trị, tiến hóa và văn-minh.

Mục-Nhân là Vua thứ 121 nước Nhật, sinh tại Kyoto ngày 3-11-1852, và là con thứ của Vua Komei.

Ngày 10-11-1860, Mục-Nhân được sắc chỉ Vua cha tuyên-bố là Hoàng Thái tử có quyền thế-vị; ngày 13-2-1867, Ngài lên ngôi và ngày 12-10-1868, lễ *dâng-quang* đã cử-hành tại Kyoto. Cũng ngày 23 tháng ấy, nhà vua lấy niên-hiệu là Minh-Trị.

Vua có tính thân dân. Từ trước đến nay, các Vua Nhật cũng như nhiều Vua ở Đông-phương, sống một cách riêng-biệt, xa quần-chúng. Một nhà chép sử Nhật đã viết: « Vua của chúng ta đã bao nhiêu đời cứ sống ở đằng sau bình phong, không hề đặt chân xuống đất; những sự biến-chuyển ở ngoài, không bao giờ vang dội tới Cửu-Trùng. Trái lại, vua Minh-Trị một lòng yêu dân và chăm lo việc nước. Muốn cho thân dân, từ nhà cầm quyền cao cấp đến công-nhân, ai ai cũng được bênh vực, che chở, ai ai cũng có thể sống trong cảnh an nhàn, mưu hạnh phúc cho gia-đình, cho Tổ-quốc và cho bản thân.

Vua lại là bậc thông minh, sáng suốt, thức thời, có một nhận định thực tế. Biết văn-minh không thể có-lập và tồn cô quá đáng, cần phải theo thời mà tiến

hóa, vua bèn cương quyết hướng dẫn công việc cải cách. Song việc cải cách không dễ dàng nào, vì nước Nhật thuở ấy cũng như nhiều nước Á-Đông ngày nay đã có hai phái: phái tiến-thủ và phái thủ-cụu. Phái tiến-thủ gồm những người trí thức đã tiếm-nhiệm học-thuật Âu-Mỹ, hiểu nhiều biết rộng, chứ không phải bọn học thức giả danh, những phường dong chơi lêu-lồng, mượn lối văn-minh bề ngoài mà lừa dối thiên hạ. Phái trí thức chính cống này lại giàu lòng yêu nước, thương nòi, cùng nhau bàn về văn-minh tiến-hóa. Họ cho người xưa là cổ, văn-minh cổ truyền là không hợp thời, phải đem cái văn-minh mới mà thay thế cái văn-minh cũ.

Trái lại, phái thủ-cụu gồm đa số các vị lão thành, khôn ngoan, giàu kinh nghiệm, am hiểu nhân tình thế-thái, lo xa nghĩ rộng về vận-mệnh quốc-gia, chứ không phải những cụ già nệ cổ, chỉ biết khu khu giữ gìn thói cũ, chẳng nhìn đến nền văn-minh hiện đại. Các vị lão thành bảo-thủ này thiết tha với nền văn-minh cổ truyền, cho bọn tiến-thủ là phóng khoáng, vong bản, không biết duy-tri lễ-giáo nghi-tiết ngày xưa.

Bởi vậy, người ta đã tranh luận kịch liệt.

Lúc mới cải cách, người ta phản đối không theo học thuyết Khổng Mạnh. Nhưng từ năm 1880, đạo đức cổ truyền lại được phục hưng, chiếm một địa-vị ưu-tú trong nền giáo-dục quốc-gia. Các sách giáo khoa từ bậc sơ đẳng đến bậc cao đẳng đều tiếm-nhiệm tinh thần Khổng giáo. Tuy nhiên, phong trào này lại không đứng vững, vì năm năm sau nghĩa là năm 1885, người ta lại đưa nhau theo Tây học như cũ đầu mới cải cách, ai nấy nhiệt liệt hoan hô, ca tụng khoa học và phương pháp khoa học Thái tây. Song phong trào thứ hai này cũng chỉ sôi nổi trong quãng 3 năm nghĩa là hồi đầu,

khí Y-Đặng (Ito) mới ở Âu-Mỹ về và cùng đưa về với mình những khoa học Âu-Mỹ, những nguyên tắc pháp luật để áp dụng mà lập nên một hiến pháp tân thời. Song rồi, dân trí lại sinh chán nản; nên năm 1887, mới có phong trào phản đối Tây học, đến nỗi người ta cho sự dùng chữ số Roma trên mặt các đồng tiền là phi lý, là một điều xỉ nhục cho quốc-gia. Người ta coi sự đọ đặc tính toán theo phương pháp Âu-tây là một việc có hại đến thanh-danh của tổ-quốc.

Giữa các dư luận phức tạp và trái ngược nhau như thế, giữa sự mâu thuẫn của tân và cựu, nếu không có người đứng ra chỉ huy quần chúng, trấn định nhân tâm, và nêu cao gương sáng thì cuộc tranh-luận kể trên, sự phân-vân, do dự của quần-chúng trước hai đường lối, chỉ có thể làm tâm trí hoang mang, tinh-thần bạc nhược, chẳng có lợi gì cho tiền đồ dân-tộc. Giữa lúc ấy, một minh-quân sáng-suốt và cương-quyết, đã xuất hiện, đó là vua Minh-Trị. Lòng trời đã muốn cho nước Phù-Tang thịnh-đạt. Vua Minh-Trị quả quyết đứng làm trung-gian để dung hòa cả hai phái. Vua long trọng tuyên bố: « Trẫm muốn cho nước Trẫm chẳng chịu thua kém nước nào. Để được như vậy, Trẫm muốn cho dân Trẫm thụ nhận những điều tốt, và khử-trừ những điều xấu ». Trong chỉ-dụ vua ban bố ngày 30 tháng 10 năm 1890, có mấy đoạn tỏ rõ lập trường của vua về sự cải cách như sau:

« Các Tiên-Đế đã sáng lập nước trên nền tảng rộng rãi chắc chắn. Nền tảng ấy là nhân đức mà các đế vương muốn cho ăn sâu rễ vào tâm hồn quốc-dân. Thân-dân ta nhất tề trung-hiếu từ đời này sang đời khác đã chứng tỏ việc các Đế vương Tiên-Đế là mỹ-hào, và đó là cái vinh-dự của nước ta; nguồn mạch giáo-dục của giống nòi cũng do cái đức trung-hiếu

mà phát khởi. Hỡi các thân-dân, đối với cha mẹ, các người hãy hiếu thảo, đối với anh chị em, các người hãy thương yêu; trong gia-đình hãy hòa hợp, trong sự giao-du với bầu bạn, các người hãy trung thành, hãy ăn ở cho nhã nhặn, tiết-độ. Hãy hảo tâm thiện chí với mọi người. Hãy luyện tập các khoa học và nghệ-thuật. Hãy tiến triển các khả năng trí thức. Hãy phát huy các lực lượng luân lý. Hãy quan tâm đến công lợi công ích. Hãy kính trọng hiến pháp, hãy gìn giữ luật-lệ. Khi cần thiết, hãy đưa vai gánh vác giang-sơn. Hãy ăn cần bảo vệ nền thịnh-vượng quốc-gia. Làm như vậy, các người sẽ là những dân tốt và giúp vào việc duy trì nền văn-minh, thịnh-vượng, khiến cho dân-tộc Đại-Nhật hành-diện với các nước văn-minh ».

Ngoài chỉ-dụ này, Vua lại còn ra một hiến-chương và hiến-pháp để ban bố những qui-mô về việc cải cách duy tân, như chúng tôi sẽ nói trong chương sau. Cuộc cải cách do vua Minh-trị chỉ dẫn, thật là to tát, khó khăn; song nhờ có vua Minh-Trị cao-minh mà can-đảm, kiên nhẫn mà nhiệt thành, tận-tụy với việc cải cách trong suốt 45 năm liền, đã đưa dân Nhật đến chỗ văn-minh hùng-cường, đứng vào địa vị liệt-quốc trong thế-giới. Một nhà sử-học khi bình luận đến việc cải cách của vua Minh-Trị có chép « Nước Nhật trong quãng 10 năm trời đã vượt qua chặng đường tiến-hóa, mà Âu-Mỹ phải mất năm thế kỷ mới vượt qua ».

Vua Minh-Trị lại có đức tính rất tốt của những người muốn làm việc lớn, là biết dùng nhân-tài. Vua đã thu-dụng những bậc chân-chính, như nhà đại chính-trị Y-Đặng Bác-văn-Công, một nhà chính-trị sáng suốt đã lừng danh nổi tiếng khắp năm châu.

Vua Minh-Trị lại còn là ông vua mến mỹ-thuật, chuộng văn-chương; chính vua là một nhà thi-sĩ biệt-tài đã chép nhiều bài thơ, thu thập trong một cuốn sách gọi là Tân-Ca (Tanka). Tập thơ này còn được truyền tụng. Đọc tập thơ này, ta tự thấy tâm can hồi hộp, tinh thần phấn khởi, muốn canh cải duy tân theo lời tác giả.

Sự nghiệp vua Minh-trị vĩ-đại, khiến dân dân quí mến, và thế giới cảm phục. Chúng tôi xin kể 3 tích sau đây chứng tỏ việc đó :

Khi vua lâm bệnh trầm trọng, toàn dân lo ngại cho tính-mệnh ngài, lúc ấy một thiếu-nữ có bộ tóc tiên, một làn mày không khác gì ngọc-mạo hay hào quang, làm cho có thêm vẻ sinh tươi. Thế mà cô quyết định cắt nó đi để đưa vào đền thờ, dâng cúng bách vị chư thần, cầu cho vua bình-phục. Việc cô làm có vẻ thơ ngây, song nó cũng là tiếng dội của lòng dân Nhật yêu quý nhà vua.

Năm 1912, khi vua tháng-hà, lúc bắt đầu cử hành tang lễ, thì Nãi-Mộc Hy-điền Bá tước (Nogi Maresuke) cùng phu nhân hiền-ngang tuần-tàng chết theo đấng nhân-quân, để tỏ lòng tôn sùng một vị anh hùng có công khai hóa cho giống nòi.

Khi vua đã mất, nhân dân sùng kính, thường treo ảnh Ngài trong tư gia và

công sở. Một hòm, học-đường kia có treo chân-dung vua Minh-Trị bị hỏa-hoạn. Thần lửa muốn thiêu hủy cả nhà trường. Chân-dung vua Minh-Trị treo trên tường cũng hầu bị ngọn lửa vô tình thiêu đốt, thì một thiếu niên xông vào, giật lấy chân-dung vua, không chịu để đốt cháy. Song ngọn lửa bốc mạnh chung quanh mình thiếu niên. Lúc ấy, thiếu niên thấy có con dao gần đấy, liền cầm lấy để mổ bụng, nhét chân-dung vua vào, rồi thả để cho xác mình chết cháy, còn hơn để cho chân-dung vua bị lửa thiêu đốt.

Ngày vua tháng-hà, Luân-Đôn Thời-báo trong mục tử-nhân lý-lich, có đăng rằng: « Với sự thắng hà của vua Minh-Trị, nước Nhật mất một vị anh-quân khả kính, khả ái, thế-giới mất một vị vĩ-nhân, nước Anh mất một người bạn trung-thành, thân ái. Triều-đại của Ngài sẽ được ghi tạc bằng chữ vàng trong lịch-sử nước Nhật. Dưới triều-đại thịnh-trị của Ngài, nước Nhật đã bỏ xiềng xích, ràng buộc mình từ bao nhiêu đời, đã vùng trời dậy, thần nhiên chiếm địa vị giữa các cường quốc thế-giới. Vua Minh-Trị đã hướng dẫn cuộc tiến hóa canh tân này, và đưa hết nghị-lực giúp nước Nhật trên con đường tiến, khiến sử sách lưu-danh Ngài thiên-cổ ».

(Còn nữa)

Linh mục HOÀNG-VĂN-ĐOÀN



## CHUNG QUANH VẤN-ĐỀ CHUNG-TỘC

*Ở Nam-Phi, hiện đang diễn ra một cuộc khủng hoảng mà ảnh hưởng về phương-diện pháp-lý cũng như về phương-diện chính-trị sẽ vang-dội trên khắp thế-giới.*

*Nguyên-nhân cuộc khủng-khoảng làm mỗi chia rẽ giữa dân-tộc. Nam-Phi hiện thời là vấn-đề chung-tộc.*

L. T. S.

Xem qua lịch-sử bang-giao quốc-tế, chúng ta nhận thấy những sự bất-hòa giữa các dân-tộc đều do ba nguyên-nhân sau đây :

1. — tình-hình chính-trị,
2. — bất đồng chính kiến (tôn-giáo, chủ-nghĩa),
3. — vấn-đề chung-tộc.

Hãy nói qua hai điểm trên. Trong loại nguyên-nhân thứ nhất thuộc về tình hình chính-trị, thông-thường nhất là cạnh-tranh giữa hai khối, một khối muốn chiếm địa-vị ưu-thế. Trên trường quốc-tế, rõ rệt

HUYỀN-THANH

nhất về phương-diện này là sự bất hòa cổ-truyền giữa nước Pháp và nước Đức. Trong một quốc-gia, cũng có thể xảy ra những sự cạnh-tranh như vậy, thí-dụ như mối căm hờn chia rẽ dân Serbes và dân Croates ở Nam-tư, đã từng gây ra một thời đẫm máu.

Trong loại nguyên-nhân thứ hai, chúng ta có thể kể những sự xích mích có tính-cách tôn-giáo. Lịch-sử Tây Phương qua bao thế-kỷ không kể xiết những cuộc xung-đột đời

khi vô cùng ác-liệt giữa tín-đồ đạo-giáo và hồ-giáo, rồi đến giữa tín-đồ đạo-giáo và tín-lành.

Cuộc xung-đột hiện-thời giữa những chủ-nghĩa phát-xít, cộng-sản, dân-chủ, nếu thường diễn ra dưới hình-thức một cuộc tranh-danh ảnh-hưởng chính-trị, cũng phát-nguyên từ sự bất đồng về xu-hướng. Trong cuộc xung-đột về tư-tưởng ấy, thường một bên có thành-kiến rằng đối-phương chỉ biết phụng-sự tư-lợi và gieo-rắc khủng-bổ. Thành-kiến đó càng ăn sâu vào óc tín-đồ bao nhiêu thì cuộc xung-đột càng khốc hại bấy nhiêu.

Lịch-sử loài người từ ngày khai thiên lập địa, đã chứng-kiến những cuộc xung-đột do hai nguyên-nhân nói trên gây nên. Nguyên-nhân thứ ba là vấn-đề chung-tộc, trái lại, là một hiện-trạng mới xuất-hiện chừng hai thế-kỷ nay. Sở-dĩ hiện-trạng chung-tộc có cơ bản-trường được là do một chủ-trương khoa-học biến thể một cách quá-khí. Chủ-trương đó gieo-rắc ở các nước Tây-Phương



chứ tuyệt nhiên chưa nảy nở ở Đông-phương. Ngay từ đời thượng-cổ và trung-cổ, nhiều nhà bác-học đã nhận-xét thấy nhiều điểm dị-đồng về hình-thể loài người, nhưng vẫn công-nhận rằng dù thân-thể có khác nhau, tất cả mọi người đều thuộc một loài, tức là loài người khác hẳn súc-vật. Tiếp đến thế-kỷ thứ XVIII và XIX, những nhà sinh-vật-học, trong khi nghiên-cứu sự phân-loại các sinh-vật, liền dựa vào cách phân-loại các giống-vật mà chia loài người ra năm giống, hơn kém khác nhau. Những nhà bác-học hiện-thời áp-dụng phương-pháp khoa-học trong việc nghiên-cứu, liền vội định-chính quan-niệm sai lầm đó và chủ-trương rằng tất cả mọi người đều cùng một nguồn-gốc sinh ra, các giống người về sau dần dần mới xuất-hiện, vì vậy không thể nói rằng giống nọ hơn giống kia. Tuy nhiên, quan-niệm sai lầm nói trên không khỏi bành-trướng, bắt rễ trong óc nhiều dân-tộc, gây nên bầu không-khí tranh-luận sôi nổi có thể gọi chung là cuộc tranh-luận về vấn-đề chủng-tộc.

Những yếu-tố nào đã gây nên thuyết chủng-tộc? Những người bênh-vực thuyết chủng-tộc thường viện ra những lý lẽ sau đây:

1. — Những điểm dị-đồng về phương-diện vật-chất cũng như về phương-diện tinh-thần giữa các giống người đều có thể giải-thích bằng truyền-thống và sinh-vật-học.

Theo thuyết đó, những người da đen thường kém thông-minh người da trắng; hiện-trạng đó căn-cứ vào truyền-thống, chứ không thể sửa chữa bằng sự thay đổi màu da.

2. — Những tập quán, cử-chỉ, tín-ngưỡng của chúng ta đều được quy-định ngay từ trước khi chúng ta sinh ra đời. Cũng vì thế, theo thuyết này, ta thường cho rằng, những người Do-thái có thiên-tính trở nên những nhà doanh-nghiệp nhiều mảnh khóc, và người Nhật có tinh thâm-trầm trong khi hành động.

3. — Những điểm dị-đồng giữa một thiểu số với một đa số đều coi như là những dấu-hiệu hèn kém. Theo thuyết này, ít nhiều người cho rằng tôn-giáo Do-thái, là tôn-giáo của giống người da đen, đều kém tôn-giáo tin-lành của giống người da trắng.

4. — Những cuộc kết-duyên giữa hai người khác giống thường không đem đến kết-quả tốt đẹp; con cái sinh ra suy nhược, phong-tục của giống nòi không được tôn-trọng. Cũng vì vậy, những gia-tình Do-thái cấm ngặt con gái không được kết-hôn cùng một người khác giống, cũng như nhiều gia-đình da trắng không muốn kết giao với những gia-đình da đen.

Ngày nay, quan niệm chủng-tộc vẫn không lùi bước; nó càng tiến mạnh và càng bành-trướng ở một

vài nước Tây-phương để trở nên nguồn gốc của mọi thành-kiến. Thành-kiến chủng-tộc này gây một ảnh-hưởng sâu-xa trong cuộc bang-giao giữa một số dân-tộc.

Những giai-đoạn lịch-sử sôi nổi nhất của phong trào phân biệt chủng tộc đã diễn ra trên đất Mỹ hiện thời, tức là một cường-quốc có tinh cách dân-chủ rõ-ràng. Mỗi tôi đầu thế kỷ thứ XIX, việc mua bán, xử-dụng người da đen như một nô-lệ vẫn được coi là một chế-độ hợp pháp. Chế-độ đó không gặp một sự phân đối nào; song không ai có ý giải thích hiện-trạng đó bằng một thành kiến chủng-tộc, mà chỉ viện những lý lẽ thuộc phạm-vi kinh-tế hoặc lịch-sử; hơn nữa, có nhiều người, kể cả một số lớn điền chủ có rất nhiều nô-lệ, cũng đã chủ trương phế bỏ chế-độ. Đôi khi, có những nô-lệ được giải-phóng tùy theo tài năng hoặc việc làm của chúng. Ta có thể tin chắc rằng hồi ấy, thành-kiến chủng-tộc chưa phát-triển, nên chưa có cơ-hội làm đảo lộn chế-độ nô-lệ.

Lâu dần, với sự tiến triển của nền kinh-tế, chế độ nô-lệ biến thành một nguồn lợi quan trọng. Với sự phát-minh máy đập bóng, với việc khai phá ra phương-pháp làm đường bằng mìa, giữa lúc nền thương mại quốc-tế đang đà phát-triển, miền Nam Mỹ-châu đã trở nên một miền phồn-thịnh. Muốn duy-trì sự phồn-thịnh này, điều

chủ, kỹ nghệ gia phải tìm một nhân công vừa rẻ, vừa chịu kham khổ. Nhân công tự do thiếu thốn, vì vậy người ta phải « nhập cảng » một số lớn nô-lệ da đen, mặc dầu hồi đó, chế-độ mồi-nỏ đã bị coi là bất-hợp-pháp. Do đấy, việc trồng trọt mìa và bông rất phát đạt, nhiều điền chủ và kỹ nghệ gia làm giàu trong một thời gian kỷ-lục; cũng vì vậy mà miền Nam trú phủ đã chiếm một địa vị ưu-thế. Nhưng địa-vị ưu-thế đó không thể tồn-tại được lâu ngày. Mỹ-châu đã thức tỉnh, trước tình trạng bóc lột hà-lạm, coi rẻ giá-trị con người. Phong trào đòi thủ-tiêu chế-độ nô-lệ nổi dậy; chế-độ ấy càng ngày càng tỏ ra vô nhân đạo. Hơn nữa, về phương diện thực-tế, một số người da trắng nghèo nàn cực-lực phản đối chế độ đã cho những người chủ đám nô-lệ nhiều đặc quyền. Trước dư luận công-kích, phe bênh-vực tục-lệ mồi-nỏ phải chủ-trương một thuyết chủng-tộc, cho rằng dân da đen còn ở thời ấu-trĩ; nên họ phải sinh hoạt ở một mực sống hèn kém hơn người da trắng và phải làm việc cho những người này cũng là vì quyền lợi, tương lai của họ, và cũng vì văn minh nhân-loại. Quan-niệm đó không khỏi bắt cội rễ từ đó.

Cũng quan-niệm này dưới một hình thức khác, đã lan tràn ở Âu-Châu vào khoảng cuối thế kỷ thứ XIX. Âu-châu suốt trong thời

Ấy đã sống sôi nổi trong phong trào bài Do-Thái: nhà độc-tài Bismarck khéo léo lợi dụng phong trào để củng cố địa vị mình; dưới thời Nga-hoàng, cả một chương trình khủng bố Do-Thái đã được nghiên cứu và thi hành; bên Pháp, trong việc Dreyfus, óc bài Do-Thái cũng được lợi dụng cho mục-tiêu chính-trị.

Cho đến trận đại chiến thứ hai, trên thế giới vẫn còn nhiều trung tâm điếm của thuyết chủng tộc; hai nhà độc tài Hitler và Mussolini mở kỷ nguyên phát-xít, mưu-đồ

bá chủ nhân loại, cũng vì tự hào dân-tộc Đức, và Ý là dân-tộc đàn anh.

Nói tóm lại, óc chủng-tộc là cả một tổng hợp những tập quán, những tư-tưởng đã ăn sâu vào nền văn-minh của một nước (có thể nói là chỉ riêng ở ít nhiều nước Âu-Tây), dân-tộc nước này không có ý tưởng phải tôn trọng những tập quán và tư-tưởng của các dân tộc khác. Một khi thuyết chủng-tộc đã bành trướng trong đa số, tất nhiên thiểu số sẽ chịu những ảnh hưởng không hay do uy-lực và thành-kiến của đa số gây nên.

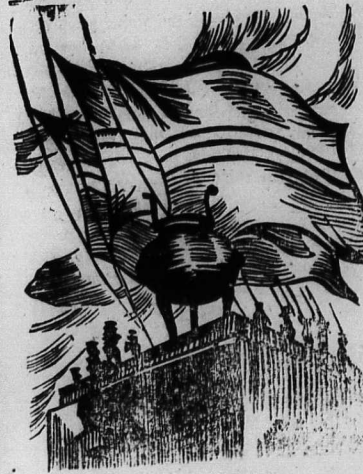
## Cảm - tưởng về ngày Kỷ - niệm Quốc - Tộc (mồng 10 tháng 3 âm - lịch)

NGÀY mồng 10 tháng 3 âm-lịch, là hỷ-nhật vua Hùng-Vương đệ nhất, đức quốc-tổ đã gây dựng ra nước Việt-Nam ta. Còn nhớ 8, 9 năm trở về trước, cứ đến ngày hôm ấy, tại đền Hùng-Vương trên núi Hùng-sơn thuộc hạt Lâm-Thao, Phú-Tho, có làm lễ kỷ-niệm rất long-trọng, Đấng-bào các tỉnh xa gần, trong cõi Bắc-Việt, ai có lòng nhớ ơn quốc-tổ đền nô-nức rủ nhau lên lễ đền Hùng, nhất là vào khoảng năm 1920-1921, sau khi lăng miếu được sửa sang lại, đường lối phong quang, hội đền Hùng lại càng đông vui, náo-nhiệt. Tại các tỉnh ly, mỗi năm đến hôm ấy, đều có làm lễ ở vọng-cung, các nhà trong phố đều phải treo cờ, kẻ cũng đã là một ngày lễ chính-giới công nhận là trọng; song lễ

ấy vẫn chưa phổ-cập đến toàn dân, vì hầu hết các chốn thôn quê chưa nhận rõ hôm ấy là ngày quốc-lễ. Từ khi Chính-phủ Quốc-gia thành lập, ngày lễ này mới được công nhận là một ngày kỷ-niệm đặc-biệt long-trọng trong những ngày trọng lễ của dân tộc ta, vì nhờ quốc-tổ có công đề-tạo mới có giải đất gấm vóc, để cho con cháu sinh-tụ và nối dõi cho đến ngày nay, Trái bao phen đau bẽ mà non sông vẫn còn, nòi giống vẫn đông đúc; uống nước ta phải nhớ nguồn, thì yêu nước ta há quên được gốc nước? Nhất là ngày nay nước nhà bắt đầu dựng nền độc-lập, ta càng phải nhớ đến đức Tổ đã gây nên độc-lập tự ngàn xưa.

Cũng như năm ngoái, ngày mồng mười tháng 3 năm nay, toàn cõi Việt đã cử

hành buổi lễ kỷ-niệm quốc-tổ một cách trọng thể. Trước bàn thờ quốc-tổ, đồng bào các giới hẳn đã có một ý niệm chung: tổ lòng thành kính nhớ ơn người xưa, ta lễ trước bàn thờ cũng như là ta được thân đến đền Hùng-Vương mà chiêm bái lăng miếu của ngài vậy.



Bàn thờ Tổ-Quốc

Cứ theo cổ-lễ, một gia-tộc nào đã có văn-hóa thì gặp ngày giỗ tổ, sau khi hành lễ, phải có một người trong nhà đem gia-phả đọc và thuật lại hành-trạng, công-nghiệp của tổ cho mọi người trong gia-tộc đều nghe mà cùng ghi nhớ. Một nước cũng như một gia-tộc có lịch-sử để xét, cũng như có gia-phả để tra, vậy nên hỷ-nhật quốc-tổ, chúng ta tưởng cũng nên kính cần nhắc qua về đoạn lịch-sử của ngài dựng nước và công việc trị nước của ngài để cùng đồng-bào ta cùng ôn lại:

### Xét về thế-phô

Đức Quốc-tổ ta, Hùng-Vương đệ nhất, họ Hồng-Bàng, là con trưởng vua Lạc-Long. Cứ theo sử chép thì họ Hồng-Bàng dựng nước bắt đầu từ Kinh-Dương-Vương, húy Lộc-Tục, con vua Đế-Nghi bên Tàu, được phong sang làm vua phương Nam-Kinh-Dương-Vương dựng nước vào khoảng năm 2879 trước tây-lịch, sinh ra Lạc-Long-Quần, người nối ngôi ngài, rồi Lạc-Long-Quần lấy bà Âu-Cơ sinh ra Hùng-Vương.

Vậy thì trước vua Hùng-Vương đã có hai vua, sao nay ta lại công-nhận Hùng-Vương là quốc-tổ? Vì theo các sử-gia nghiên-cứu rõ ràng thì từ Kinh-Dương-Vương đến Lạc-Long-Quần mới là dựng nước Xích-Quí ở khoảng đất giữa những tỉnh Hồ-Nam, Tứ-Xuyên bên Tàu bây giờ, mà cũng chỉ là liên-lạc một số bộ-lạc linh-tinh, chưa đủ thành một quốc-gia. Đến vua Hùng-Vương được vua Lạc-Long cho sang dựng nước Văn-Lang mới định rõ đất nước, chia đất làm 15 bộ, có triều-đình, có chính-trị, nước ta mới thành một quốc-gia từ đó. Vậy vua Hùng-Vương đệ-nhất mới thật là quốc-tổ ta.

### Xét về chính-trị

Vua Hùng-Vương đã định đất nước' đóng đô ở Phong-Châu, dựng ra triều-đình, đặt rõ danh-hiệu quan-tước, như Lạc-Hầu, Lạc-Tướng, Bồ-chính, v. v... vẫn võ gồm đủ. Quyền chính-trị thì cứ cha truyền con nối, gọi là phụ-đạo.

Đổi với dân, thì vua thương yêu, bênh- vực, dạy cách làm ăn. Lúc đó, dân thuận, việc ít, và, dân tộc đương ở trình-độ bắt đầu đi đến bán-khai thì thiết-tướng đầu ở nước nào cũng chưa thể có một nền chính-trị đặc-sắc được. Tuy vậy, trong đời Hùng-Vương xét ra cũng đã có mọi việc lễ-nghi như cưới xin, tế lễ... Vua Hùng-Vương lại cho dạy dân khai-khân



ruộng đất ở một vài chỗ, gọi là Lạc-diền, như vậy thì những việc lễ-ngĩa và việc canh-nông, tự đời Hùng-Vương đã có rồi, không phải là hoàn toàn đợi đến Tích-Quang, Nhâm-Diên bên Tàu sang dạy ta mới có.

### Xét về ngoại-giao

Ngay buổi đầu, vào đời nhà Đào-Đường bên Tàu, Đức Hùng-Vương ta đã sai sứ sang Tàu tâng vua Nghiêu một con rùa lớn, nhân thế vua Nghiêu mới làm ra qui-lịch, lại sai làm ra khúc « Sắt-tháo » để hát mừng xứ ta. Nối theo chính-sách vua tổ, vua Hùng-Vương sau, vào khoảng năm 1109 trước tây-lịch, lại sai sứ sang tâng vua Thành-Vương nhà Chu một đôi bạch-trĩ và nhận được xe chỉ-nam của tướng nhà Chu Cơ-Đán chế ra để đưa đường cho sứ-giã trở về. Sự giao-thiệp để gây tình thân-thiện giữa hai nước thật cũng là một cái chính-kiến văn-minh của vua Hùng ta trong thời-đại mà các nước còn bế quan tỏa cảng, nghĩa là đóng cửa quan khóa cửa bể, không đi lại giao-thiệp cùng nước ngoài.

### Xét đến sự truyền nối

Bắt đầu từ Hùng-Vương đệ nhất, truyền 17 đời đều xưng là Hùng-Vương. Trước sau 18 đời vua, trị nước cộng được hơn 2000 năm, đó là một điềm đáng ngờ trong lịch-sử, vì có 18 đời vua, hay kể cả Kinh-Dương-Vương và Lạc-Long-Quần nữa là 20 đời, mà lâu tới hơn 2000 năm thì mỗi vua đều phải sống đến hơn 100 tuổi! Dù là người đời thường-cổ nữa, cũng khó lòng mà có nhiều người sống lâu được như thế! Lễ ấy, một nhà làm sử đã nói rõ. Song ta nên biết: lúc bấy giờ sử-sách chưa có, theo tục-truyền thì tất phải có chỗ sai: 18 đời vua hay 28 đời cũng chưa hẳn đã rõ, ta chỉ nên nhận rằng: Họ Hồng-Bàng dựng nước từ đời vua Nghiêu bên Trung-Hoa, đối với sử Trung-quốc thì trải đời

Nghiêu, Thuấn, qua Hạ, Thương, Chu, đến đầu đời nhà Tần, vua Thục mới sang chiếm nước Văn-Lang, thì quãng đời ấy quả đúng hơn 2000 năm thật. Như vậy thì họ Hồng-Bàng cai-trị nước ta quả thật là bền lâu.

Một nền độc-lập đến hơn 2000 năm, kẻ thật cũng đã tỏ-điềm cho non sông rạng vẻ và gây cho chúng-tộc thêm phần đổng đúc. Theo sử cũ, truyện « Một bọc trăm trai » tuy là câu truyện huyền-hồ không chắc, song ta chỉ biết: ban đầu mà liên-lạc được cả các bộ-lạc, gây dựng thành nên Bách-Việt thì tất phải là một bậc anh-hùng xuất-chúng mới có được cái thủ-đoạn như thế! Vậy vua Tổ, họ Hồng-Bàng, tất phải là một bậc Thần-minh dựng nước, nhờ thế dân-tộc ta từ đó tới nay mới có thể tự-hào là con Hồng, cháu Lạc, giống-giống thần-minh, vẻ vang cùng thế-giới.

Xét ra phần nhiều chúng-tộc các nước, ban đầu mở-mặt, ai cũng muốn tìm cái gốc-tích mình ở chỗ thần-tiên, để rạng vẻ giống nòi; do đó mà cổ-sức tiến-thủ để tranh-hùng với các chủng-loại khác. Bởi vậy, người Trung-hoa mới tự-phụ là con cháu Tam-Hoàng, giống-giới thần-thánh, đã gây nên cái văn-minh « Hoa-hạ » rồi đời đời muốn đem cái văn-minh ấy để cảm-hóa các dân-tộc khác. Những giống Mông, Mãn xâm-chiếm được họ mà rồi cũng bị họ đồng-hóa, ấy là bởi họ có cái sứ-tin-tưởng về « tổ-truyền », nên chúng-tộc của họ dù có lúc thịnh, lúc suy, kết-cục cũng không thể nào tiêu-diệt được.

Nhất là người Nhật-Bản, họ thường tự-nhận là giống-giống của Thái-Dương Thần-Nữ, được sai xuống Phù-Tang Tam-Đảo, ký cho làm tron hỗn-phần đất nước, giúp nòi, hết hạn lại được về thượng

giới. Do cái tin-tưởng ấy mà người Nhật ai ai cũng hy-sinh vì nước, coi cái chết nhẹ như lông hồng! Sự hy-sinh của người Nhật đã khiến được hoàn-cầu cảm-kích, cụ Tăng Bạt-Hổ ta cũng đã viết:

« *Giương Nhật-Bản đất A-Đông,*

« *Giống ta, ta phải soi chung kéo làm* » vào khoảng cụ còn ở hải-ngoại, hơn 40 năm trước.

Đối với người Tàu, người Nhật, người mình thì xưa há phải chịu phần thua kém? Ta hãy lần giở lịch-sử tranh-đấu của dân tộc: từ Trung-Vương dựng nên độc-lập cho đến vua Quang-Trung thẳng trận Đổng-Đa, kể có bao phen nước mình oanh-liệt, vẻ-vang? Không những Bắc-chinh, ta lại còn Nam-tiến, không những giữ vững đất-đai, ta lại còn mở-mang bờ-cõi. Giải đất từ cửa Nam-quan đến mũi Cà-Mâu, nghiêm nhiên thành một đư-đờ thống-nhất, như vậy con cháu Rồng, Tiên há phải là tầm-thường!

Ngày nay, cuộc đời đổi thay, nước nhà đã trải bao biến-cổ, Chính-Phủ Quốc-Gia đã tốn bao nhiêu tâm-lực, công-phu, mới dựng lại được nền độc-lập để mưu hạnh-phúc cho toàn-dân. Lúc này, chính là lúc tổ-quốc bắt đầu cải-tạo, vậy gặp ngày kỷ-niệm quốc-tổ, đồng-bào ta, ai là kẻ yêu nước, nên có cảm-tưởng thế nào?

Trước hết, ta phải cùng nhắc: Tổ-tiên gây dựng nên cái đất-đai này không phải là dễ, mà cái đất-đai còn được tới nay lại càng không phải là dễ, thì giữ-gìn đất nước cho được bền vững là nhiệm-vụ chung của chúng ta, bọn con cháu ngày nay.

Sau ta lại nên cùng biết: Cùng một đất nước, cùng một nòi giống, tức là con cháu một họ, một nhà, phải thân-ái, phải quây-quần để cùng phấn-đấu thì mới mong tồn-tại và tiến-hóa được.

Muốn vậy, ta cần phải đoàn-kết chặt-chẽ để ủng-hộ Chính-Phủ Quốc-Gia, một Chính-Phủ đã cứu-vãn cho nhân-dân khỏi đi sai đường lạc lối, một Chính-Phủ đã ra công bảo-vệ tổ-quốc, đem lại an-ninh trật-tự cho dân-tộc. Ta hết lòng ủng-hộ Chính-Phủ Quốc-Gia, tức là ta biết noi theo chính-ngĩa, ta biết thương yêu tổ-quốc.

Quốc-Tổ đã dựng ra nước ta, tất phải mong cho dân ta lúc nào cũng biết quý mến cái giải đất gấm vóc, lúc nào cũng biết thân yêu bính-vực người đồng-chúng; hơn nữa phải hợp lực, gắng sức tiến lên, để cho nước nhà mỗi ngày một thêm bành-trướng. Ngày nay, hỗn quốc-tổ còn anh-linh, tất không khi nào lại muốn cho con cháu có người đứng ra chia rẽ giống nòi, phá-hoại nền-nếp, mà ủa theo cái chủ-ngĩa không chính-đáng để gieo rắc cho đồng-bào cái vạ làm than cực khổ. Những kẻ đó thực là có tội với tổ-quốc, với giống nòi.

Vậy thì bọn phận quốc-dân đồng-bào không những là phải củng-cố nền độc-lập, lại cần phải đá-đảo những kẻ chực phá-hoại nền độc-lập này. Trước bàn thờ Tổ-quốc, ta nên cùng nhau phát-nguyên: Non sông của Tổ-tiên để lại, ta quyết không chịu để có một vết nào làm nhòa, nòi giống của thần-minh di-truyền, ta quyết không chịu để có một sức gì chia rẽ. Ta phải đoàn-kết, phải quyết tiến để đưa Tổ-quốc lên đường vinh-quang, đưa đồng-bào đến cõi tự-do đầy hạnh-phúc. Ấy là cái mục-dịch duy-nhất của chúng ta.

Ta nhớ Quốc-Tổ, ta thương Tổ-quốc, ta quyết một lòng ủng-hộ quốc-gia. Cầm về dĩ-vãng, nghĩ tới tương-lai, ta hãy một lòng tin tưởng ở non sông đất nước.

TRỊNH-ĐÌNH-RU.

Giáo-sư Trường-Trung-Học Thái-Bình

## VẤN - ĐỀ ĐẠI - HỌC

**TRIẾT - GIA** Đức là Natorp và về sau lại có nhà giáo thụ Nga trừ-danh là Hessen từng khu phân đạo-đức giáo-dục làm ba giai-đoạn là : « dị-thường » giai - đoạn, « tha-luật » giai-đoạn và « tự-luật » giai-đoạn. Thế nào là dị-thường, tha-luật và tự-luật.

Thời-kỳ trước khi nhập học, con trẻ còn thuộc phạm - vi gia - đình giáo-dục và ấu-trì-viên giáo-dục, ấy là thời-kỳ dị-thường. Ở thời-kỳ giáo-dục này thì nên lấy tự-do làm cơ-sở, không cần quy luật nghiêm khắc. Gọi là giáo-dục, chẳng qua là chơi đùa mà thôi.

Thời-kỳ sơ-đẳng và trung-đẳng giáo-dục là thời-kỳ tha-luật. Từ chơi đùa du hí, trẻ em đã biến sang giai-đoạn thụ-lĩnh sự chỉ đạo của giáo sư và tuân theo qui luật của nhà trường.

Thời-kỳ tự-luật ấy là thời-kỳ giáo-dục của đại-học là giáo-dục để tạo thành người. Thời-kỳ tự-luật này căn cứ vào sự tự-giác và tự-động của học sinh. Học sinh có thể không cần đến sự bắt buộc và huấn lệnh của nhà trường. Sự tự-do của học sinh ở thời-kỳ này chỉ bị hạn chế bởi phương-pháp khoa-học và thể-lệ của tri-thức, và chỉ

cần sự chỉ-dẫn của các nhà chuyên khoa mà thôi. Do đấy mà chúng ta có thể nhận thấy giáo-dục đại-học có một tinh-chất đặc-biệt, cùng với sơ-đẳng và trung-đẳng giáo-dục thật không giống chút nào. Nhà nước mà quan tâm đến chính sách của đại-học không thể không suy nghĩ kỹ về tinh chất đặc-biệt của nền cao-đẳng giáo-dục này vậy. Mục-dịch của đại-học là để giải-quyết ba vấn-đề tuy không giống nhau mà tương quan với nhau là :

- a) Sự phát-triển tinh-cách khoa-học.
- b) Dự-bị cho việc chuyên-nghiệp bác-học.
- c) Truyền-bá tri-thức cho đại-chúng.

Muốn làm tròn công việc thứ nhất, đại-học nên có một bộ-phần nghiên-cứu đặc-biệt hoàn toàn độc-lập và tự-do. Công việc thứ hai cần có sự chỉ-đạo và giám-đốc của nhà nước, vì các nhân-viên ở chức-vụ cao-cấp đều do nơi dự-bị này mà ra cả, và chẳng nền đại-học tất nên làm thế nào cho các khoa trình thích - hợp với sự nhu yếu của Quốc-gia. Công việc cuối cùng của đại-học là căn cứ vào sự hợp-tác

tự-do với các công hội cùng các đoàn-thể nhân-dân và tổ-chức khác của xã-hội, như thế để khỏi hoàn toàn hạn chế vào qui luật của Chính-phủ. Lễ tự nhiên, vấn-đề thứ nhất và cuối cùng đều phải cần đến sự khuyến-kích cổ võ và sự hợp lực giúp đỡ của quốc-gia để mưu tính giải-quyết cho có hiệu lực, song nếu quốc-gia can thiệp vào khoa trình cùng phương-pháp giáo-dục thì chỉ phương hại cho sự tự-do nghiên-cứu và sự giảng diễn công cộng mà thôi. Do đấy mà chúng ta nhận thấy rằng chính sách đại-học đứng về nguyên-tắc mà nói nên lập cơ sở vào sự tự-do và độc-lập nghiên-cứu, chỉ nên ở một phương-diện nhất định nào chịu sự giám - đốc của quốc - gia tương-đương với phương-diện ấy. Nhưng chẳng may trên lịch-sử của đa số đại-học đã chứng tỏ rằng phần lớn nền đại-học các nước đã đi xa với lý-tưởng ấy.

### Chính-sách đại-học

Nói về chính-sách đại-học, chúng ta có thể chia ra làm ba loại. Loại thứ nhất thuộc về chủ-trương bất can thiệp. Ở đây, nền đại-học được hoàn toàn tự-do, đã không chịu sự giám-đốc của Chính-phủ lại cũng không chịu sự hỗ-trợ về tài-chính của Chính-phủ. Song căn-cứ vào lịch-sử mà xét thì đại-học độc-lập đối với Quốc - gia trên đây lại thường ý-lại vào giáo-hội. Muốn thấy một kiểu mẫu đại-học chân-

chính độc-lập đối với Quốc-gia thì chỉ có ở Mỹ-quốc là trường đại-học cận đại có tinh-cách không dựa vào Chính-phủ mà cũng không dựa vào giáo-hội.

Chính-sách đại-học thứ hai là nền đại-học chịu sự giám - đốc nghiêm khắc chặt-chẽ của Quốc-gia, không còn có được một phương-diện tự-chủ nào hết. Nước Pháp và nước Nga có thể nói là những nước đã thực-hiện cái lệ này vậy. Đại-Học đường Paris xưa kia cho chỉ cơ-quan giáo-dục cao-đẳng ở thời trước đại cách-mệnh 1789 đều bị cuộc Pháp - quốc cách - mệnh giải-tán. Nã-Phá-Luân còn thiết-lập ra cơ-quan mới gọi là « Đế-quốc Đại-học ». Song đế-quốc đại-học này không phải là một cơ-quan đơn-nhất, mà còn bao-hàm nhiều học-hiệu đặc-biệt phân lập riêng. Chữ *Université* cũ biểu-tượng cho sự liên - hợp và thống - nhất các khoa học đã bị dả phá, mỗi cơ-quan chỉ phát-triển môn học của mình mà thôi. Đồng thời sự tự-chủ nghiên-cứu ngày trước bị thủ-tiêu, các giáo-thụ biến thành công-bộc phổ-thông tùy Chính-phủ bổ-nhiệm. Về sau, do sự cải-cách hiến-pháp ở nước Pháp mà có sự cải-cách tinh-chất của nền đại-học Nã-Phá-Luân. Dự án cải-cách 1896 ở nước Pháp mới đem các trường chuyên-khoa mà cải-tổ lại, thống-nhất thành một đại-học, cho nền đại-học được hưởng quyền tự-chủ. Nhân đấy mà



sự nghiên-cứu khoa-học với tinh-cách độc-lập và thống-nhất mới khôi-phục lại được. Song người hiệu-trưởng trường đại-học kiêm khu-trưởng thì vẫn theo tục cũ do bộ giáo-dục lựa chọn và bổ-nhiệm. Giáo-thụ đại-học không do hội-đồng giáo-thụ tuyển lựa, quyền bổ-nhiệm giáo-thụ vẫn do các bộ-trưởng giáo-dục bổ-nhiệm. Tuy nhiên, bộ-trưởng giáo-dục khi thi-hành các quyền chức thường tham-khảo ý-kiến chung của cơ-quan đại-học và ở thực-tế thì đại-học nước Pháp hiện tại gần giống tinh-cách tự-chủ của đại-học nước Đức. Ở nước Nga, người ta thi-hành chính-sách thống-chế Quốc-gia. Nền đại-học của Nga-quốc ngày xưa đã bị giải-tán và người ta thiết-lập thêm nhiều học-viện phân-lập. Tất cả đều không có quyền tự-chủ, đều chịu sự quản-trị riêng-biệt của ủy-viên hội mà người ủy-viên thì lại do Chính-phủ đề-cử lấy ở trong đảng-viên Cộng-sản không nhất-định là có quan hệ mật-thiết với sự sinh-hoạt của đại-học.

Chính-sách đại-học thứ ba là chính-sách tự-chủ của Cao-Đẳng giáo-dục Quốc-gia dân-chủ. Quốc-gia là nguồn gốc chủ-yếu để duy-trì kinh-tế cho đại-học, bởi vì trong sự quản-lý đại-học, cần có sự tham dự của Quốc-gia để bảo-chứng sự nhu-cầu thực-tiến. Cho nên phép giải-quyết dân-chủ là kết-hợp sự tự-chủ của đại-học với giám-đốc

chỉ-đạo tương-đương của Chính-phủ trung-vương. Sự tham-dự ấy chỉ giới-hạn trong phạm-vi quản-lý về kinh-phí và khảo-sát các loại chính-thức chứng-thư mà thôi. Đến như nội-bộ sinh-hoạt của đại-học, khoa trình nghiên-cứu, giáo-thụ, đều do đưong-cục tự-chủ của đại-học đảm-nhận lấy. Quốc-gia với Chính-phủ không nên đa sự can-thiệp vào vậy.

Nền Đại học của Mỹ đầu tiên là trường Oxford gần có tinh cách độc lập. Kể từ khi hầy còn là thuộc địa của Anh đã có trường Trung-Học William và Marry lập nên từ 1693 tại xứ Virginie. Đến thời kỳ độc lập, nền giáo-dục Cao-Đẳng có một động-lực mới để sinh hoạt và các xứ theo nhau lập nên các trường Đại-Học như trường Đại-Học Washington thành lập năm 1782, trường Đại-Học Bắc Caroline thành lập năm 1791. Đến thế-kỷ XIX, chính-sách Đại-Học ở đây vẫn kế tiếp thi hành theo chính-sách độc-lập, mỗi xứ đều có cơ-quan Cao-đẳng giáo-dục. Từ 1800 đến 1820, trường Đại-Học tăng thêm sáu cơ-sở nữa; từ 1820 đến 1850 thêm lên tám cơ sở, cho đến cuối thế-kỷ 19 thì cơ-quan giáo-dục cao-đẳng thì nhau mọc lên như nấm, rất là phát đạt. Phải chăng sự phát đạt ấy là nhờ có công-sức của các giáo-hội và đoàn-thể tư-nhân. Nước Mỹ hiện nay có ba mươi tư sở Đại-Học và viện phân-khoa nghiên-cứu, 19 cơ-quan

cao-đẳng giáo-dục và công nghệ. Đây là kẻ trước thời kỳ thế-giới chiến tranh. Có thể chia Cao-đẳng giáo-dục và chuyên môn học hiệu ở Mỹ ra làm ba loại.

- 1) Địa phương tự trị.
- 2) Cơ quan tự lập của giáo hội hoặc của đoàn thể tư nhân.
- 3) Ban địa phương tự trị, do địa phương hợp với tư nhân duy trì và quản lý.

Nền hành chính Đại-học của Mỹ không cứ là tự lập hay công lập đều theo một định thức. Thông thường thì có một ban Đồng-lý Sự-vụ, ở học hiệu tư thì do tư nhân hay giáo hội đảm phụ phi tồn. Ở học hiệu của địa phương thì do trường quận hay nghị hội phụ trách. Ban Đồng-lý Sự-vụ được quyền tuyển lựa hiệu trưởng, đề cử giáo-thụ, nghị định trường qui, chia các kinh phí và tùy thời quyết định chính sách phát triển về giáo-dục. Hiệu trưởng phụ trách hành chính Đại-Học có quyền lực gần như độc tài; phạm những phương hướng hoạt động của các giáo-sư ở Đại-học

thì đều do hiệu trưởng quyết định. Chức vụ của hiệu trưởng Đại-học ở đây thực là sản vật thuần túy của Mỹ, chứ ít thấy ở các quốc-gia khác. Thực là một sự quái lạ, một tinh cách độc tài trong chế độ dân-chủ giáo-dục. Đây là một điều mà giáo-giới ở Mỹ quốc hiện không được mẫn ý và đòi hỏi sự cải cách.

Năm 1915, Giáo-thụ ở Mỹ-quốc báo cáo về Cao-đẳng giáo-dục tự do có thuyết minh tinh hình như sau: « Về phương diện lợi ích cho xã-hội, điều nhu yếu phi thường là Cao-đẳng giáo-dục phải chuyên sự nghiên cứu về chân lý. Người ta đem những kết luận của ban Cao-đẳng giáo-dục mà ứng dụng vào thực tế, chứ không phải theo dư luận của thế-tục hay ý kiến cá nhân của người quản lý đại-học. Vậy thì với tinh thần dân chủ Quốc-gia, không nên đề cho dư luận thế-tục hay ý kiến cá nhân làm áp bách sự tự do hoạt động của Cao-đẳng Giáo-dục. Đại-học nên là một sở thực nghiệm của trí tuệ, hữu ích cho Quốc-gia hay cả thế-giới nữa vậy.

### Chú-thích

Trong Văn-hóa Nguyệt san số 2, mục Luận thuyết, trang 147, có đăng bài « Nền quốc-học xưa và nay » do có Mai-thị-Từ nữ giáo sư trường Trung-học Trưng-Vương (Hà-nội) soạn và do Sở Học-chính Bắc-Việt chuyển tư. Vậy bản báo ghi thêm chi tiết đó cho được rõ-ràng.



### Đêm khuya nghe đàn

To nhỏ khen tài khéo lựa dây,  
Đờn ai canh vắng gợi lòng này,  
Phù trầm tự suối tuôn rừng bắc,  
Giục-dã như rèm bọc gió tây.  
Khởi khúc đoan trường người chích bóng,  
Hòa câu ly hận én lia bầy,  
Nổi niềm trăm mối càng ngợ-ngần,  
Rồng cá mơ màng nhớ nước mây.

Cần-thơ, 8-8-48

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

### Ưu-tư

Sự thế ai ai cũng thế mà,  
Người thì lo bầy, kẻ lo ba.  
Lo khi mưa dạt đau lòng chuổi,  
Lo nổi gió mai sót dạ cà.  
Lo giữa ban trưa gà gáy quỉ,  
Lo trong đêm tối chó tru ma.  
Lo quanh lo quần lo không siết,  
Lo thuở đầu xanh đến tuổi già...

Sadec, 16-10-49

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

### Khóc con <sup>(1)</sup>

#### I

Nghe tin sừng-sốt nói không lời,  
Còn mắt tuy nhiên mạng tại trời.  
Ngợ-ngần tựa hồ khô nước mắt,  
Mặt-mờ như thề quáng con người.  
Nuôi con cầu thọ dư trăm tuổi,  
Thương trẻ hưởng đời chưa mấy mươi.  
Tre lại khóc măng đau đớn bầy,  
Sầu giăng vắng-vặc hận chơi vui...

#### II

Gác tấm lòng sầu nghĩ khúc nhôi,  
Soi gương, ói đã bạc đầu rồi.  
Cha già đành chịu phần hiu-quạnh,  
Con trẻ thương vì số ngẩn-ngoi.  
Phân nghĩa đệ huynh đà thống-thiết,  
Cắt tình phụ tử để pha phối.  
Suối vàng hội ngộ nguyên cùng trẻ,  
Chờ kiếp phù-sinh mãi vậy thôi.

28-11-46

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

(1) Hai cậu Luân, Hải bị kẻ thù bắt tại Mỹ-thọ ngày 23-9-1945, dẫn lên Tháp-Mười, rồi sát hại tại Ngã-tư Căn-Lố (Cao-Lãnh — Sadec) ngày 2-1-1946, tức 29 tháng một ta.



**Cảm - hứng**

(Nguyên-văn bằng chữ Hán)

## I

## Phiên-âm

Món tiền lai vãng thị hà nhân ?  
 Kiến diện nan phân tuế kỷ tuần,  
 Bạch-phát phong phiêu khiêu ngã ý,  
 Khúc yêu tương tự trạng ngô quán.  
 Cao-niên lịch trị thường văn-đạo,  
 Thượng mã bất tri cánh tiện cầm.  
 Cờ hữu Hoàng-Trung năng lược trận,  
 Lão năng như thử khả chung thân.

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

## Dịch-nghĩa

Trước nhà qua lại khách là ai ?  
 Thấy mặt khôn lường tuổi mấy mươi.  
 Tóc bạc dễ xui lòng tớ cảm,  
 Lung ong tránh nhớ bạn hiền chơi.  
 Vào đời trí thức càng cao rộng,  
 Lên ngựa cần chuyên vẫn thảnh thơi.  
 Hoàng-Trung tuổi cả còn xúng trận,  
 Già đến như ta gặp mấy trai!

Tiền-sĩ NGUYỄN-SĨ-GIÁC

## II

## Phiên-âm

Sơn hà ám ảnh nhật trâm hôn,  
 Hoài cảm vô cùng dạ lạc thôn.  
 Sinh thượng phong bình oanh bất ngữ,  
 Kiêu đầu lãng lĩnh thủy lưu bốn."

Canh tàn bán trâm dương-đài mộng,  
 Khắc lậu toàn song đồ-vũ hên.  
 Văn sự tâm tư lặn vọng niệm.  
 Sầu xâm chích-chích lệ uống uống.

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

## Dịch-nghĩa

Mơ-mị non sông bóng ác vùi,  
 Xóm làng đêm vắng mối sầu khơi.  
 Gió lay cánh liễu oanh im tiếng,  
 Sóng gợn chân kiêu nước chảy xuôi.  
 Trên gối dương-đài mê giấc điệp,  
 Ngoài song đồ-vũ gửi hồn mai.  
 Càng am hiểu việc, càng xa nghĩ,  
 Vương một tơ tâm, một lệ rơi.

Tiền-sĩ NGUYỄN-SĨ-GIÁC

**Tết Nhâm-Thìn**

Nhâm-Thìn hội mới, tiết xuân đầu,  
 Đăm-ấm trời Nam ngọc một bầu.  
 Muốn dậm tung-bình hoa hạnh-phúc,  
 Bốn phương réo-rất khúc thiếu đầu.  
 Cây chen mặt đất phỏ màu gấm,  
 Nước rội lòng sông nẩy hạt châu.  
 Cảnh đẹp càng trông càng đẹp mắt,  
 Đón quân mừng đón khắp đầu đầu.

KỶ-HOÀ

## CHUYỆN NGÀN

# LƯƠNG TAM - LANG với đức HIẾU - SINH

(Theo thể Liễu-Trai chí-di)

**L**ƯƠNG-CÔNG là một ông quan hưu-tri, nhà giàu có, sinh được ba người con trai: hai người lớn đã có vợ con, cùng noi gương tổ phụ làm quan trấn-nhậm phương xa. Ở nhà, có một mình người thứ ba, tinh-tinh nho nhã, thiên hạ đều gọi là Lương-Tam-Lang. Vốn ưa phong cảnh, Tam-Lang thường hay bày bè kết bạn, đoàn năm lũ bảy du sơn ngoạn nguyệt, hết đỉnh nọ đến non kia, ao sen, rừng trúc, xóm quê, làng mai, mảng vui sơn thủy, nên đã hai mươi bốn tuổi cũng chưa nghĩ đến

việc lập gia đình. Bữa kia, nhằm giữa mùa xuân, Tam-Lang mời anh em đến, nói: « Tôi muốn mời anh em vào núi Bách-hoa uống rượu làm thơ. Anh em tính sao? »

Ai nấy đều biểu đồng tình. Tam Lang bèn sửa soạn qua ngày sau, cùng nhau vào núi. Có chi mà vui cho bằng: tuổi trẻ, trời xuân, cảnh êm gió mát, đầy trời một màu xanh diễm trắng, vàng, tia, đỏ. Hoa đương tươi tốt, lòng nào nữ hái, Dục có bầu rượu lương voi, nguồn thơ lai láng. Tam Lang vừa uống vừa ngâm:

*Trông xuân miêng gặp dựng xuân vui,  
Hớn hờ bốn phương rộn tiếng cười.  
Dậm liễu, đàng mây hoa đón gió,  
Lòng càng lai láng, cảnh càng tươi!*

Ai nấy đều vỗ tay, một người khác liền ngâm:

*Thơ dăm ba vận rượu lưng bầu...*

Ngâm ngâm, vịnh vịnh, kè sao cho xiết, thỉnh linh có người nói: « Chúng ta đã vui chung, thật là vui; vậy, bây giờ mỗi người lại đi riêng một ngả, thử coi trước cảnh xuân một mình, cái vui ấy sẽ thế nào? »

Ai nấy đều khen phải, bèn chia nhau mỗi người một ngả, hẹn nhau mặt trời xế bóng, thì sẽ hiệp lại chỗ cũ mà về.

Tam-Lang một mình nhắm phía ngọn Bách-Hoa đi tới. Càng đi càng ngơ-ngẩn, mây bay phấp phới, gió thổi hiu hiu, chòm hoa châu đầu to nhỏ, đàn bướm lướt theo làn gió thấp cao.

Tam-Lang hầu như gửi tâm sự cho cảnh trời xuân, tâm hồn nhập vào cảnh thiên-nhiên, mình đã quên mình; thân thể đã hóa ra một điểm trong bức tranh vũ-trụ. Tam Lang



Đàn bướm lướt qua

đi đã xa, trời đã hơi trưa, trước mắt lại thấy một bầy bướm bạc. Lúc cất cánh thấu mây xanh, lúc thả mình như hoa rơi, lá rụng, rồi ghé hoa này, trêu hoa nọ, thỉnh thoảng bay tới hoài. Tam Lang xem mê-mẩn, ước mình hóa ra bướm bay theo:

Lần lần đến một cái vũng xinh đẹp; sau lưng là núi Bách-Hoa, diện tiền là một cánh đồng cỏ xanh như gấm, chính giữa lại có một cái ao sen, mé ao có một chiếc cầu. Chung quanh ao, đều là những cây liễu tha-thướt, xanh tươi. Nhìn ngang rộng liễu như một lá màn thưa, chàng thấy một bầy thiếu-nữ ước chừng mười người, da trắng như ngà, đương đùa rờn trên bãi cỏ xanh, gần mặt nước.

Trên cầu lại có một nàng ngồi dựa lan-can, đương dủ tóc phơi

nắng, đẹp dễ vô cùng. Các cô đều có vẻ tự nhiên, không mảy may e-lệ:

*Trông là cảnh vắng đưa  
chơi,  
Hay dòu cảnh vắng có  
người lên xem!*

Tam-Lang mãi ngắm người và cảnh, quên hẳn các anh em chờ đợi, rồi ngâm rằng:

*Người xinh phong cảnh lại  
thêm xinh,  
Hình dễ cho ai, hỡi bạn  
mình?*

*Sen ngó vóc vàng, sen chum chim,  
Liễu nhìn mặt ngọc, liễu rung rinh.*

Vi quên dè dặt, Tam-Lang ngâm câu chột quá to, nên các thiếu-nữ nghe tiếng người, giật mình, vùng biển mất. Nước đã yên-lặng, trên trời một bầy bướm bạc đương thẳng cánh bay về phía núi. Tam-Lang lần đến ao sen, thấy cầu còn ướn, cát dưới ao còn in rõ dấu chân. Như buồn, như tiếc, chàng lần theo phía bướm bay; chàng đi mà không nghĩ rồi sẽ tới đâu và chừng nào về.

Tới một khu rừng, bỗng thấy trên cây đại-thọ có một lưới nhện rất to trắng ngang khoảng đường, dường như một bát-quái trện. Giữa trện, một con bướm bạc mắc lưới đương đập cánh rầy-rụa. Gần một bên, lại có con nhện to, lông lá trông ghê sợ, mình đen xi, có ngón



xanh, trắng, đỏ, con mắt chớp như sao, đương thả càng chồn vờn bắt bướm...

Vốn có tính hiếu sinh, Tam-Lang thấy vậy cả kinh, liền bẻ một nhánh cây đánh đuổi nhện, rồi kéo lưới xuống, gỡ bướm ra nói: « Bướm ơi, không có ta thì bướm mang họa rồi, còn chi mà lên cao xuống thấp, hút nhị hoa... » Vừa nói vừa vuốt ve con bướm, bỗng một bà già chống gậy hớt hải đến: « Mụ đương ở nhà, nghe trẻ về nói con mụ, vì thấy công-tử mà kinh hãi, lật đật bay về, không coi chừng, rũi sa vào lưới nhện, nên mụ mau mau tới đây. Té ra công-tử đã cứu con mụ được rồi; ơn ấy cầm bằng tái-tạo. Vậy Quỳnh-Tiên con, hãy tạ ơn công-tử đi ». Tam-Lang chưa kịp trả lời, thì bướm đã hóa ra một người con gái nhan sắc tuyệt vời, đương gặt đầu vái lạy. Xem rõ thì là người con gái ngồi phoir tóc trên cầu khi nãy, Tam-Lang lòng mừng chẳng siết, đỡ nàng dậy mà nói: « Xin lão-mẫu cùng tiên-thư chớ nên tạ-từ thái quá, Con người ở đời thấy nghĩa không làm thì sao gọi rằng đồng, thấy người làm nguy mà không cứu thì sao cho phải... »

Lão bà lại nói thêm: « Cái ơn cứu tử không biết lấy chi đền đáp, vậy mụ xin dạy con Quỳnh-Tiên này nưng khăn sửa tấp cho công-tử. Công-tử có bằng lòng chăng? »

Tam-Lang thấy Quỳnh-Tiên cúi đầu làm thỉnh, thì hiểu ý, liền lạy tạ lão bà.

Bà dạy rằng: « Đồi bên đã ưng thuận, vậy thì mau theo mụ về động tiên làm lễ. » Nói rồi, giờ gậy lên, tức thì nổi một trận lương phong, đưa cả ba người về động.

Đến nơi, Tam-Lang không biết đâu là đâu, chỉ thấy hoa thơm rực rỡ, đèn đuốc sáng trưng, các thiếu nữ lúc ban ngày đều có mặt. Các nàng ngó Tam-Lang rồi cười với nhau rằng: « Chú rề gặp gỡ lúc chiều đã về kia. Vậy mà chị Quỳnh-Tiên còn ra về xấu hổ. » Tam-Lang tức cười, rồi chàng nhập tiệc với chư tiên; những là cao lương, mỹ vị, rượu ngon như mật hoa, uống vào càng nghe khỏe khoắn.

Ở động tiên ba tháng, Tam-Lang nhớ đến cha, bèn nọ với vợ rằng: « Anh vì thương nàng mà phải mang cái lỗi giá thú bất cáo phụ mẫu. Ước như anh về thưa lại cha mẹ hay có được chăng? » Quỳnh-Tiên nghe hỏi, thì mặt rầu rầu, chẳng khác vàng trắng đang sáng bỗng có mây che, bèn ngậm ngùi thưa: « Mới có ba tháng mà chàng đã muốn về rồi sao? »

Lão bà biết chuyện, bèn an - ủi: « Số trời đã định, Quỳnh-Tiên, con chớ bịn-rịn làm chi. Còn hiền tế, con tính xuống núi rồi trở lên

chăng? » Tam-Lang đáp: « Thưa mẹ, con xin nọ trong ba ngày sẽ trở lại đây. »

Quỳnh-Tiên càng tức nỏ: « Chàng ơi, tiên, phàm rất khác, chàng có biết ba ngày là bao lâu chăng? Vậy chàng có đi thì thiếp xin đưa một vật này: đó là chiếc hộp bằng ngọc trong núi Bách-Hoa, chàng xuống núi hãy đem theo. Đùng ba ngày, thiếp sẽ đến đầu cầu rước chàng. Nhưng chàng hãy ráng nhớ, cái hộp này không nên giở ra. Nếu chàng cãi lời thiếp, thì không còn trông thấy nhau được nữa!... »

Dặn dò rồi, hai đảng ngậm ngùi từ giã nhau; lão bà hóa một trận lương phong đưa Tam-Lang về tới ao sen bữa nọ. Tam-Lang háng hái về nhà, vui mừng như một vị si-quan thắng trận.

Chàng đương lựa lời trình với cha mẹ cuộc may-mắn của mình, thì đã tới cửa. Lạ thay, bước vào nhà, cha mẹ anh em đầu chẳng thấy, gia đình cũng chẳng còn một người. Thấy thầy đều lạ mặt. Tam-Lang đứng ngơ ngẩn, xảy có ông già đầu tóc hoa râm, bước ra hỏi: « Cậu là người ở đâu đến đây có việc chi? » Tam-Lang càng ngạc nhiên đáp: « Nhà này là nhà của cha tôi tức Lương-Công; tôi là Lương-Tam-Lang đi du xuân mới ba tháng trời, nay trở về. Sao ông hỏi lạ vậy? »

Ông già cười nói: « Nhà này thật là nhà Lương-Công. Ông chủ tôi vào núi Bách-hoa chơi xuân, rồi biệt tích đã ngót một trăm năm nay. Cậu ở đâu đến tự nhận như vậy. »

Tam-Lang nghe càng sững sốt, nhưng hết sức phân trần, ông già cũng không tin. Tam-Lang đi tìm bạn cũ, thì chẳng còn một ai. Buồn ý bỏ đi, Tam-Lang quyết trở về núi Bách-hoa.

Lạ thay, cảnh vui khi trước, nay đã nhuộm màu tang. Tam-Lang ngồi trên cầu, một ngày rồi hai ngày, ba ngày, năm bảy ngày, cũng chẳng thấy Quỳnh-Tiên.

May nhờ có chiếc hộp cầm trong tay, nên không biết ốm đau, đói khát:

*Mỗi mắt người trông, tin bướm vắng,  
Đầu lòng sâu ngó, áng mây bay!*

Tam-Lang tự nhủ: « Nàng đã dặn mình y hện thì sẽ gặp nhau. Sao nàng đầu mất? » Nghĩ lui nghĩ tới, trăm nỗi bực mình, chàng liền đánh bạo mở hộp ra xem. Vừa mở, đã thấy bóng mình từ trong đó bay lên không. Tam-Lang ú-rũ. Bao nhiêu sức irai trảng cùng tiêu tán theo mây-gió. Dòm xuống nước thì đã thấy mình hóa ra một ông già. Tam-Lang đứng không vững bèn dựa vào gốc cây-liễu. Hơi thở kém suy, chỉ chốc lát Tam-Lang đã mất, hình hài biến thành một nắm tro tàn...

Tam-Lang là người phàm xác thịt, sức gì đã giữ được trẻ trung trong hơn trăm năm? Ấy cũng nhờ Quỳnh - Tiên dùng phép thu hút tinh thần hồn phách chàng, nhốt vào hộp ngọc, ngăn đường sinh hóa. Nàng lại khuyên Tam - Lang ngồi

tại cầu mà chờ đủ ba ngày, tức ba năm, rồi nàng sẽ tới. Nhưng Tam-Lang thiếu lòng kiên nhẫn, đã không suy tính lời hứa hẹn, khiên xác phàm tiêu tán trong vũ trụ mệnh mỏng. Phải chăng sự vô ý trong giây phút, có thể gieo lụy ngàn thu?...  
~~~~~

### Giới sắc

#### Miêu

Sắc kia dầu chẳng ba đào,  
Bề tình chìm đắm biết bao nhiêu người!  
Mây râu đã tiếng ở đời,  
Biết cơ nên phải liệu bài tránh xa.

#### Nói

Bề tình thăm thẳm,  
Khách tu mi chìm đắm đã nhiều.  
Dầu gan to, mặt lớn, chí cả, tài kiêu,  
Mà sa ngã cũng đành tiêu khi phách.

Điệu bắc-lý, ngọn cờ Thái bạch,  
Khúc nghệ-thường, tiếng trống Ngự-dương.

Bởi vì đâu nên nát đá tan vàng,  
Thiên huyết sử còn treo gương cho hậu thế,  
Anh yếm trắng hoa lòng chẳng hệ,  
Sóng khuyh thành hồ dễ rập vùi nhau.  
Cõi đời cõi phúc là đâu?

Kỳ-Hoa  
NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

### DỊCH THƠ CỎ

### Xuân-nhật túy khởi ngôn chí

Tác-giả: LÝ-THÁP-BACH

Phiên-âm

Xử thế nhược đại mộng,  
Hờ vì lao kỹ sinh?  
Sở dĩ chung nhật túy,  
Đồi nhiên ngoạ tiền doanh.  
Giác lai miện đình tiền,  
Nhất điều hoa gian minh.  
Tá vấn thử hà nhật?  
Xuân phong ngữ lưu oanh.  
Cấm chi dục thân tức,  
Đổi tử hoàn tự khuyh.  
Hiệu ca đãi minh nguyệt,  
Khúc tận dĩ vong tình.

Dịch-nghĩa

### Ngày xuân say dậy nói chí mình

Ở đời như giấc mộng,  
Làm chi nhọc kiếp sinh?  
Nên suốt ngày say lú,  
Bên cột ngã nằm khềnh.  
Tỉnh dậy ngó sân trước,  
Cái chim hót trên cành.  
Ướm hỏi ngày chi đó?  
Gió xuân véo von oanh.  
Cảm lòng muốn than thở  
Vớ rượu lại nghiêng bình.  
Hát ngao chờ trăng sáng,  
Trợn khúc đã quên tình.

ĐÔNG-MINH



**Hý đề bàn thạch** (Tác-giả : VƯƠNG-DUY)

Phiên-âm

Khả liên bàn thạch lâm tuyền thủy,  
Phục hữu thủy dương phát tửu bôi.  
Nhược đạo xuân phong bất giải ý,  
Hà nhân xuy tống lạc hoa lai ?

Dịch nghĩa

**Đùa đề bàn thạch**

Đàng thương sập đá liền khe suối,  
Lại có cành dương phát tửu bôi.  
Nếu bảo gió xuân không giải ý,  
Sao đưa hoa rụng đến làm quen ?

ĐÔNG-MINH

**Dy-môn ca**

(Tác-giả : VƯƠNG-DUY)

Phiên-âm

Thất quốc hùng thư do vị phân,  
Công thành sát tướng hà phân phần ?  
Tần binh tch vy Hàm-đơn cấp,  
Ngụy-vương bất cứu Bình-Nguyên-quân.  
Cống tử vị Doanh đình tứ-mã,  
Chấp bi dữ cung ý dữ hạ.  
Hợi, vi đồ-từ, cộ đao nhân,  
Doanh, vi Dy-môn, bảo quan giả.  
Phi dân kháng khái hiển kỳ mưu,  
Ý khí kiêm tương thân mạnh thù :  
Hương phong vẫn cảnh tống công-tử,  
Thất thập lão ông hà sở cầu ?

Dịch-nghĩa

**Khúc hát Dy-môn**

Bầy nước hơn thua chưa hẳn phân,  
Đánh thành giết tướng rồi muốn phần.  
Quân Tần càng vây Hàm-đơn gấp,  
Vua Ngụy không cứu Bình-Nguyên-quân.  
Cống-tử vì Doanh đình xe ngựa,  
Cầm cương càng kinh, càng lễ độ.

Hợi, anh hàng thịt, nghề mua dao,  
Doanh, ở Dy-môn, nghề canh cửa :  
Không những kháng khái dằng mưu kỹ,  
Còn đem tinh mạng đền tương-tri.  
Trước gió cất cờ đưa công-tử,  
Ông già bầy mười nào cầu gì ?

ĐÔNG-MINH

**Thu-phong từ**

(Nguyên-văn chữ Hán của HAN-VŨ-ĐẾ)

Phiên âm

Thu phong khởi hề bạch vân phi,  
Thảo mộc hoàng lạc hề nhạn nam quy.  
Lan hữu tú hề các hữu phượng.  
Hoài giai-nhân hề bất năng vương.  
Phiếm' lâu thuyền hề tế Phần-hà.  
Hoành trung lưu hề dương tộ ba.  
Tiêu cổ minh hề phát trạo ca,  
Hoan lạc cực hề ái-tình đa !  
Thiếu tráng kỷ thời hề nại lão hà ?

Dịch-nghĩa

**Gió thu**

(của Kỳ-Hoa NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC)

Thu về thoảng ngọn heo may,  
Làn mây trắng xóa tung bay giữa trời.  
Cỏ cây vàng rụng rơi bởi,  
E sương chim nhạn đã rời về nam.  
Lan riêng đẹp, các riêng thơm,  
Giai nhân trạnh nhớ chưa cam chút lòng.  
Thuyền lâu mặc sức ruồi giông,  
Sóng Phần tiện nẻo ngang giông nhờn nhờn.  
Trập-trùng sóng nổi bạc phơ,  
Tiếng sênh liêng vọng bấy giờ cùng vang.  
«Đò đưa» cất giọng nhịp nhàng,  
Cuộc vui càng lắm, tình thương càng nhiều.  
Trẻ trung phỏng được bao nhiêu ?  
Nữa mai bóng ngả về chiều biết sao ?

VỊNH-SỬ

## Ngày giỗ tổ « Hùng-Vương »

(Mùng 10 tháng 3 Âm-lịch)

Cõi Đông-Á khoảng trời Nam một dải,  
 Hùng-Vương xưa dựng nước hiệu : « Văn-Lang ».  
 Cũng đặt ra lễ nghĩa với cương thường,  
 Cũng miếu xã chẳng thua ai chút đỉnh.  
 Về văn hóa muốn nghìn sao lấp-lánh,  
 Sức cương cường bạt núi lấp bằng sông.  
 Riêng một phương gồm tất cả oai hùng,  
 Ngạo-nghe đứng sá gì mưa với gió.  
 Rồi một mỗi xạ thư truyền tự đó,  
 Giống tiền rồng chẳng thẹn với tiền nhân :  
 Gặp những khi nạn nước, ách muốn dân,  
 Đều tự biết quật cường mà chống trời :  
 Trưng-Vương trước ngọn cờ vàng chói lọi,  
 Chàng Hán quan bại bắc phải đảo vong.  
 Ngô-Vương sau quay mũi giáo trên giông,  
 Hán Thái-tử bỏ mình nơi chiến địa,  
 Trần-Hưng-Đạo một thanh gươm chính nghĩa,  
 Trái hai phen gìn giữ dải non sông.  
 Còn Lê-Hoàng bực thảo dã anh hùng,  
 Quân Minh đã xương tan cùng thịt nát.  
 Tôn-sĩ-Nghi cũng một phen phiêu bạt,  
 Vua Quang-Trung dững lược quý thần kinh,  
 Kiếm Cao-Hoàng ba thước ngắn tung hoành,  
 Đem bốn cõi tám phương về một mối.  
 Hăm mấy triệu đồng-bào chung một cõi,  
 Một non sông độc lập dưới trời đông,  
 Xưa tổ vương gây dựng biết bao công,  
 Nay con cháu phải một lòng tưởng nhớ.  
 Ngày giỗ tổ trước ban thờ rục-rỡ,  
 Khắp ba phần thành kính thắp tuần hương :  
 Cùng dâng lên quốc tổ « Đức Hùng-Vương » :  
 Lòng nhớ tổ của toàn dân nước Việt.

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

## Đông-Thiên-Vương

Bốn nghìn năm trước bậc kỳ-nhan,  
 Ngựa sắt gươm vàng phá giặc Ân.  
 Cứu nước mới vừa ba tuổi chẵn,  
 Lên không nhường thấy chín tầng gần.  
 Non Châu một dải bia công đức,  
 Vườn Gióng muốn thu dấu thánh thần.  
 Một tấm lòng son trung ấy hiểu,  
 Người tiên thơm để cõi phàm trần.

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

## Trần-quốc-Toàn

(HOÀI-VĂN-HÀU)

Tuổi mới mười lăm chống vạc Trần,  
 Cờ đề : « phá địch báo hoàng ân ».  
 Hai phen cứu quốc gươm ba thước,  
 Trăm trận bình Nguyên mặt một thân.  
 Thất-Đát phải thua tài tiêu tướng,  
 Đông-A đã đáng mặt công thần.  
 Nước nhà tự gánh cơn nguy biến,  
 Thanh sử còn lưu tiếng « vĩ nhân ».

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

## Vua Quang-Trung

Gió thét mưa gào một cõi đông,  
 Anh hùng tiếng dậy đức Quang-Trung.  
 Đồi đường học mới cao văn-trì,  
 Rữa vết nhơ xưa sáng vũ-công.  
 Chút dạ chừa người miền Quê Việt,  
 Năm châu mong tổ mặt Tiên Rồng.  
 Mấy năm công nghiệp lừng Nam Bắc,  
 Hơi mạnh nay còn nước núi sông.

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC



## Trận Đống Đa

Thung-dung xe n lại sử Nam nhà,  
Oanh liệt còn ghi trận Đống-đa.  
Vua Nguyễn nữa chiêu vung lưỡi kiếm,  
Quân Tôn mấy lớp hóa thây ma.  
Vừa im Ngọc-quyết hồi chinh cờ,  
Đã dậy Long-thành khúc khái ca.  
Sấm sét một phen rung đất Bắc,  
Việt-Nam muôn thuở vững sơn hà.

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC



Đã dậy Long-thành khúc khái-ca

## DỰ - NHƯỢNG PHỤC - THÙ

Các vai : }  
 DỰ-NHƯỢNG  
 TRIỆU-VÔ-TUẤT  
 TRƯƠNG-MẠNH-ĐÀM  
 QUÂN-LÍNH

### Kịch xảy ra gần Xích-kiều thời Đông-Chu Liệt-Quốc

(Một quãng đường cái lớn chạy ngang qua một cánh đồng phong quang gần Xích-kiều.)

Đoàn quân lính đi theo hầu hộ vệ xa giá Triệu-Vô-Tuất đang rầm rộ tiến lên, bỗng con ngựa chồm đứng lại, không chịu đi nữa)

**Quân** (quất roi vun vút, quát) — Đi ! Đi lên ! Đi lên ! Ồ ! sao lại chồm lên thế này ! Đi lên ! Ồ hay ! đang phóng nước kiệu, bỗng đứng hẳn lại mà chồm lên thế này là cái quái gì ! Đi ! đi lên !

**Đàm**. — Gì thế, bay ? Sao lại dừng chỗ này ?

**Quân**. — Bẩm tướng quân, không hiểu sao ngựa tự nhiên đứng lại không chịu đi nữa ; quất roi thúc thì nó chỉ chồm lên, mà không phóng lên cầu.

**Đàm**. — Quân bay, xem xe có vương gì không ?

**Quân**. — Dạ, bẩm không vương gì cả ạ. Quãng đường này lại tốt lắm ạ.

**Đàm**. — Xúm vào dắt ngựa đi thong thả xem nào !

**Quân**. — Dạ, đi ! đi đi nào ! Ồ !... Bẩm tướng quân, nó cũng không chịu nhích một bước nào cả.

**Đàm** (nói một mình). — Thế là nghĩa lý gì ? Xe không vương, đường thì tốt mà ngựa không chịu đi ! Hừ ! (to) Quân

bay ! Chung quanh gần đây có rừng rậm không ?

**Quân**. — Bẩm... không ạ.

**Đàm**. — Thế thì lạ thật ! Ta tưởng gần đây có rừng rậm, e ngựa đánh hơi hồ báo mà không dám đi... Thôi hãy kim ngựa cho vững xe. Để ta tâu Chúa Thượng rõ đã.

**Quân**. — Dạ !

**Đàm**. — Tâu Chúa Thượng, không hiểu sao ngựa cứ chồm lên mà nhất định không chịu lên cầu.

**Tuất**. — Hừ Ngựa chồm lên mà không chịu đi thì chắc có chuyện gì khác thường đây. Tướng quân có thấy điều gì khả nghi không ?

**Đàm**. — Tâu Chúa Thượng, tiểu tướng cũng chưa dám đoán quyết ra sao cả.

**Tuất**. — Hoặc giả trên cầu...

**Đàm**. — Bẩm, cầu này vừa làm xong, trông vững chãi lắm. Và lại chính hôm nay là ngày khánh thành...

**Tuất**. — Đó cũng không phải là có chắc chắn đủ tin rằng không có điều gì... (trầm ngâm một lát) Tướng quân sai quân lính lên cầu soát kỹ một lượt, xem có vết tích gì phá hoại khả nghi không

LINH-TÂM

**Đàm.** — Xin tuân mệnh. (quay ra) Quân bay chia nhau ra làm vài toán, lên cầu xem xét một lượt, xem có vết tích phá hoại, hoặc cạm bẫy gì không. Cũ soát cho kỹ!



Dự-nhượng phục thù

**Quân.** — Dạ! (quân lính chia nhau ra từng toán lên cầu. Đàm quay lại Tuất).

**Tuất.** — Ngựa tốt rất giỏi đánh hơi điều nguy hiểm, và khi thấy nguy hiểm thì không bao giờ đưa chủ tới. Quảng đường này phong quang, chung quanh không rừng rú, tất nhiên không phải vì đánh hơi thấy hồ báo mà ngựa chùn chân lại. Ta nghĩ chắc có kẻ mưu hại ta mà đặt cạm bẫy gì trên cầu. Tướng quân nghĩ sao?

**Đàm.** — Dạ, bẩm Chúa Thượng, công đức người như trời bể, thiên hạ lại đang thái bình, dân gian đang âu ca lạc nghiệp,

tiêu tướng trộm nghĩ còn kẻ nào dám mạnh tâm ác ý như vậy nữa.

**Tuất.** — Điều ấy là điều chúng ta mong mỏi, chứ không phải là điều dĩ nhiên phải như vậy. Trong thế cuộc, ai là người dám tự tin không có kẻ thù? Chỉ có nhiều hay ít thôi.

**Đàm.** — Bẩm Chúa Thượng, quân lính cũ soát cầu đã đang trở về kia... (to) Quân bay có thấy gì không?

**Quân.** — Bẩm tướng quân, không ạ.

**Đàm.** — Cũ soát thật kỹ đấy chứ?

**Quân.** — Bẩm, kỹ lắm ạ.

**Đàm.** — Tàu Chúa Thượng, như vậy Chúa Thượng định liệu ra sao?

**Tuất.** — Trên cầu không có gì? Hừ! Không có gì thì sao lại...? Lại thật!

**Đàm.** — Bẩm Chúa Thượng, thật kỳ dị! Xưa nay con ngựa này có giờ chững chồm lên như thế bao giờ đâu.

**Tuất.** — Trên cầu không có gì thì... ừ... ừ... Trương Tướng quân!

**Đàm.** — Dạ!

**Tuất.** — Tướng quân sai quân lính xem xét thật kỹ... dưới gầm cầu.

**Đàm.** — Bẩm Chúa Thượng, xem xét dưới gầm cầu ả?

**Tuất.** — Phải, sai quân lính xem xét thật kỹ dưới gầm cầu. Thúc quân lính làm ngay đi!

**Đàm.** — Dạ! (to) Quân bay lại chia nhau ra từng toán như lúc này rồi xuống cũ soát dưới gầm cầu thật kỹ, bắt cứ thấy điều gì khả nghi cũng phải bẩm lại ngay!

**Quân.** — Dạ!

**Đàm.** — Mà phải coi chừng đấy! Khi giới phải sẵn sàng!

**Quân.** — Dạ! (Tiếng chân người chuyển động. tiếng khi giới va chạm, quân lính lại chia thành từng toán với khi giới làm lăm trong tay).

**Đàm.** — Tàu Chúa Thượng, chắc người nghi ngờ một cuộc phục binh?

**Tuất.** — Có thể có phục binh lắm chứ. Ta có linh-tinh rằng ở đây sẽ xảy ra việc gì không hay cho ta đây.

**Đàm.** — Dạ, bẩm nếu như vậy thì thật không ai ngờ tới được!

**Tuất.** — Phải ngờ tới, Trương tướng quân, phải ngờ tới tất cả những bất trắc, bất ngờ nhất. Chính trong lúc tưởng rằng yên lặng êm thắm lại là lúc dễ nổi sóng gió phong ba. Một cuộc phục binh, một cuộc trả thù, một mưu mô ám hại, lúc nào ta cũng phải đề ý, phải phòng ngừa, phải coi như sắp xảy ra, đang xảy ra vậy. Tướng quân chắc chưa quên cái tên Dự-Nhượng đã dắt dao nhọn nấp ngay trong nội điện để định ám hại ta mới đây chứ?

**Đàm.** — Dạ, tiêu tướng còn nhớ như mới xảy ra hôm qua.

**Tuất.** — Ấy đấy, tướng quân ngắm xem còn đâu chắc chắn hơn cung-diện của ta nữa! Còn ở đây, giữa đường, giữa lối, qua cầu, qua kênh, sao ta lại không phòng ngừa đến mọi sự bất trắc, mọi mưu-mô tãi-linh, xảo-quyệt!

**Đàm.** — Tàu Chúa Thượng, người thật minh mẫn, thường nhân khó sánh kịp. Bẩm quân lính đã trở về rồi kia. (Tiếng người chuyển động) Quân bay! Có thấy điều gì khả nghi không?

**Quân.** — Bẩm tướng quân, dưới gầm cầu không có gì khả nghi cả ạ.

**Đàm.** — Không có gì khả nghi? Đã xem xét kỹ chưa?

**Quân.** — Dạ, bẩm tướng quân đã xét kỹ lắm ạ. Không có một vết tích gì ngoài cái xác chết của một người hành-khất...

**Đàm.** — Một xác hành-khất nằm chết dưới gầm cầu ả? Lại thật! Cầu mới làm xong, sao đã có xác chết dưới ấy được? Chắc có điều gì ám-muội trong việc này,

Quân bay nhận kỹ đúng là một xác chết chứ? Hay lại một tên lưu-manh nào giả vờ chết để mưu-mô phản-nghịch?

**Quân.** — Bẩm tướng quân, đúng là một xác chết thật ạ. Chúng con đã thúc mấy cán giáo vào sườn nó mà thấy nó vẫn cứng trơ ra như khúc gỗ.

**Đàm.** — Tàu Chúa Thượng, người có nhận thấy điều gì khả nghi trong việc này không ả?

**Tuất.** — Hãy truyền cho quân lính xuống khênh cái xác chết ấy lên đây đã.

**Đàm.** — Dạ, xin tuân lệnh. Quân bay xuống khênh xác chết lên đây.

**Quân.** — Dạ! (Tiếng chân người chuyển động).

**Tuất (chầm rãi, nghĩ ngợi).** — Một xác chết nằm dưới gầm cầu mới làm xong... Ngựa đi đến đây chồm lên mà không chịu tiến... Hai việc đó không lẽ không liên-quan đến nhau?

**Đàm.** — Bẩm Chúa Thượng, người cho rằng vì xác chết ấy mà ngựa chồm lên không dám tiến nữa?

**Tuất.** — Phải, ngựa chồm lên không dám tiến, tức là ngựa đã đánh hơi thấy điều nguy hiểm cho chủ. Mà điều nguy hiểm ấy thì không thể không là xác chết ấy được... Hừ! Khả kỳ quái!

**Đàm.** — Bẩm Chúa Thượng, điều nguy hiểm mà là cái xác chết ấy thì...

**Tuất.** — Thì có gì là đáng ngại, phải không Trương quân! Đã hẳn, cái xác chết thì không có gì là đáng ngại thật, không có thể là một điều nguy hiểm được thật. Nhưng cái đáng ngại là xác chết ấy không phải là... một xác chết.

**Đàm.** — Bẩm, thế nghĩa là một người giả chết?

**Tuất.** — Đùng thế. Một tên lưu-manh dùng kẻ giả chết, nấp đợi sẵn đây để ám-hại ta. Rồi tướng quân xem ta dự đoán có đúng không?



**Đàm.** — Tàu Chúa Thượng, người sáng suốt như thần, tiêu tướng tị huyệt không sao... À kia, bầm quân lính đang dẫn tên hành-khất đến kia...

**Tuất.** — Đấy đấy, tướng quân thấy chưa? Có phải là một xác chết đâu?

**Đàm.** — Bầm Chúa Thượng, tị huyệt đứng như lời tiên đoán của Chúa Thượng. Tên này giả chết thật mà nếu như vậy thì biết đâu hẳn chẳng đã cải trang, chứ không phải chính là một người hành-khất?

**Tuất.** — Còn phải nghi ngờ gì nữa. Bao nhiêu điều ta tiên đoán đều không trật điều nào. Hẳn đang đến gần kia rồi. À mà Trương tướng quân này!

**Đàm.** — Dạ, bầm Chúa Thượng, người truyền sao ạ?

**Tuất.** — Tướng quân nhìn kỹ tên gian phi này xem. Ta thấy quen quen lắm, như đã gặp ở đâu này...

**Đàm.** — Bầm Chúa Thượng, vàng tiêu tướng cũng thấy có vẻ quen thật..

**Tuất.** (vỗ đùi, sỗ kêu lên). — À, Dự-Nhượng! Đích thị Dự-Nhượng rồi!

**Đàm.** — À. Bầm vàng, đứng hẳn rồi! Quân táo gan thật!

**Tuất.** — Hà hà! Dự-Nhượng! Mà nó đã khéo cải trang lắm: không những quần áo rách rưới như người hành-khất, cả đến bộ mặt, nó cũng làm cho tiêu-tụy gây gò.

**Đàm.** — Bầm khéo thật ă. Nhưng quân này thật nan hóa, xin Chúa Thượng đừng tha tội chết cho nó như lần trước nữa.

**Tuất.** — Phải, phải. Nhưng tướng quân hãy ngờ như không biết để thử tra hỏi nó xem đã nhè!

**Đàm.** — Dạ, xin lĩnh mệnh (quân lính dẫn Dự-Nhượng đến gần).

**Quân.** — Bầm Tướng quân, tên gian phi này giả chết, chứ không phải là xác

chết thật. Chúng con đang định xúm vào khênh nó thì nó không giả được nữa, ngồ. nhồm dấy. Chúng con vội ap-giải nó đến đây để tướng quân tra xét.

**Đàm.** — À tên này gớm thật! Mi định mưu-mô điều gì am-muội mà lại giả nằm chết dưới gầm cầu, tên kia?

**Dự-Nhượng** (giọng khàn đặc). — Bầm chúng tôi có mưu-mô gì đâu. Đói qua, là đi, nằm chờ chết đấy ă.

**Quân** (dúi Dự-Nhượng xuống). — Quý xuống! Đến trước mặt Chúa Thượng và Tướng quân mà không biết phép ă?

**Dự-Nhượng.** — Được, để tôi quý (quỳ).

**Đàm.** — Tên mi là gì và định mưu mô gì? Phải khai cho thực, không có mớ đờn, nghe!

**Dự-Nhượng.** — Bầm sắp chết đói thì còn mưu-mô gì nữa mà khai. Còn tên tôi thì người ta vẫn gọi tôi là « hành-khất ».

**Đàm.** — Bầm Chúa Thượng, hẳn cứ lừng khừng ngang ngạnh như thế này, tiêu tướng thiềng nghĩ đem thi quách nó đi cho đỡ bực mình.

**Tuất.** — Thong thả, để ta tra hỏi nó xem đã.

**Đàm.** — Dạ.

**Tuất.** — Để ta xuống xe tra hỏi hẳn (xuống xe, quân lính dàn phòng vệ hai bên) Dự-Nhượng!

**Dự-Nhượng.** — Ngài nhầm lắm, tôi có phải là Dự-Nhượng đâu.

**Tuất.** — Mi lừa dối ai chứ lừa dối sao nổi ta? Mi cải trang làm hành-khất, mi thay hình đổi dạng thành gậy gò, tiêu-tụy, lại cả đến giọng nói của mi nữa, chắc mi đã phải dùng đến khổ-hình nuốt than cho khàn đi, để không còn ai nhận ra được mi nữa. Nhưng mà đối với ta thì đó chỉ là một trò trẻ con.

**Dự-Nhượng.** — Bầm ngài, nhầm thật ă. Tôi chỉ là một hành-khất khốn khổ.

**Tuất.** — Đừng chối cãi nữa, vô ích! Bề nào thì ta cũng giết chết mi hôm nay; dù mi có thú nhận là Dự-Nhượng hay không, dù mi có thật là Dự-Nhượng hay không, mặc! Cái đó không cần lắm; còn ta hôm nay thế nào ta cũng nhất-định giết mi, giết kẻ thù đang đứng trước mặt ta đây. (đổi giọng) Nhưng ta chỉ buồn rằng một chính-nhân có tâm-chí báo-cửu như mi mà lúc sa cơ cũng sợ chết đến không dám nhận mình là mình nữa. Ta buồn thay cho Dự-Nhượng...

**Dự-Nhượng** (đổi nhiên). — Triệu-Vô-Tuất! Thôi người im đi, và nhìn kỹ xem ta có phải là hạng tham-sinh ủy-tử không! Nếu ta sợ chết, ta đã không đến đây. Nếu ta sợ chết thì nhà người còn có phúc, còn đỡ lo cho tính-mạng người. Ủ, thì ta là Dự-Nhượng đây. Người định làm gì ta thì làm đi.

**Tuất.** — Hà hà! Có thể chứ! Ta thành thực khen cho tấm lòng trung-kiên báo-cửu của mi. Nhưng không vì thế mà ta có thể tha tội chết cho mi được. Đó cũng là một điều đáng ân-hận.

**Dự-Nhượng.** — Người đừng xảo-ngôn nữa! Và ta cũng không cần đến lời khen lao cảm-phục của người. Mưu ta bại lộ, người lại nhận ra được ta, thì đó chỉ tại ta chưa đủ cơ-ri để giết được người. Ta không giết được người, tất người sẽ giết được ta. Vậy giết ta đi, đừng lời thối rườm lời nữa!

**Đàm.** — Tàu Chúa Thượng, đã có lần tên này bị bắt quả-tang vào hành-thích, mà Chúa Thượng lại rộng ơn tha chết để mong hấn cải-quá, nhưng xem ra vẫn chứng nào tật ấy; xin Chúa Thượng cương-quyết trị tội hẳn để làm gương cho kẻ khác.

**Tuất** (với Đàm). — Được, ta đã có cách xử-tri. (với Dự-Nhượng) Dự-Nhượng! Lần trước, mi cả gan lén vào tận nội-diện định hành-thích ta; ta bắt được nhưng không nỡ giết, là mong mi hối-cải vì đức khoan-hồng của ta. Thế mà mi vẫn theo rồi ta để ám-hại ta là nghĩa làm sao?

**Dự-Nhượng.** — Người bắt được ta mà không giết ta là do ý riêng của người. Ta không cần biết và không cần hàm ân. Còn ta; ta quyết tâm phục-thù cũng là ý riêng của ta. Nếu người muốn biết thì sao thì ta cũng sẵn lòng giảng-giải cho người sáng mắt ra.

**Tuất.** — Ủ, thì trước khi mi chết, ta cũng cho mi nói nốt những điều mi muốn nói. Nào, tại sao mi quyết tâm theo đuổi việc ám-hại ta?

**Dự-Nhượng.** — Chắc người chưa quên việc người diệt Tri-Thị chứ?

**Tuất.** — Việc đó ta còn nhớ lắm.  
**Dự-Nhượng.** — Tri-Thị là chủ ta. Ta vì Tri-Thị mà quyết-chi báo-thù. Có thể thối. Giản-dị lắm! Dễ hiểu lắm!

**Tuất.** — Thôi được. Nhưng công việc mi theo đuổi chỉ là công việc đã trắng xe cát. Lòng nhân-từ đức-độ của ta đã cảm-thông được suốt thiên-địa vạn-vật. Nên mưu thâm của mi cao-siêu huyền-diệu đến đâu cũng không đạt được. Chứng cứ là cái khổ kế kỷ khu của mi hôm nay đã bị « con ngựa » của ta phá hủy dễ dàng. Mi đã tỉnh ngộ chưa? Riêng ta, thì ta mến tấm lòng trung-kiên phục-thù của mi, và muốn rộng lượng cho mi toàn tính-mạng một lần nữa.

**Đàm.** — Tàu Chúa Thượng, xin Chúa Thượng xét lại cho kỹ việc...

**Tuất.** — Trương tướng quân để mặc ta, Dự-Nhượng! Nếu ta tha cho mi lần này nữa, thì mi có cái quá mà bỏ chỉ báo-thù ta không?

**Dự-Nhượng.**— Ta đã nói rồi: Người tha ta là ý riêng của người, ta không cần biết và không cần hàm ân. Còn ta, ta còn sống thì ta còn quyết chí báo thù, còn tìm cách ám hại người. Có thể thôi.

**Tuất.**— Nếu vậy, quả thật mi ngoan cố, nan hóa.

**Dự-Nhượng.**— Muốn nghĩ về ta thế nào thì nghĩ. Nhưng trước sau việc báo thù vẫn là nghĩa lớn của ta, ta bỏ sao được. Trên đời này, nhan nhản những hạng vong ân bội nghĩa. Ta không muốn cũng bị liệt vào hạng ấy, nên phải báo thù cho người mà ta đã hàm ân. Đó chỉ là một hành động rất thường, rất dĩ nhiên của bậc chính nhân. Người lấy làm lạ lắm sao?

**Tuất.**— Mi quả là ngoan cố, miệng bỏ bớ báo thù để trả ơn, mà còn cái ơn tày trời của ta là tha chết cho mi thì mi không hề tìm cách trả... (Cười gằn) À, có, có, mi định giết ta để trả cái ơn ta tha giết mi...!

**Dự-Nhượng.**— Ta đã bảo ta không van xin người tha chết cho ta kia mà. Như vậy thì người không giết ta chỉ là ý thích riêng của người, sao ta có phải hàm ân người mà ta phải mong trả. Còn như nếu người cứ cố tình coi đó là một việc thì ân của người thì, từ cũng được, ta sẽ trả ơn ấy; nhưng trước hết ta phải trả ơn Tri-Thị đã, nghĩa là giết người đã, rồi ta sẽ trả ơn người sau. Ha ha! (cười lớn).

**Đàm.**— Tàu Chúa thượng, tên này loạn óc mất rồi, nên luận-điệu loanh-quanh hám-hồ...

**Dự-Nhượng (văn cười lớn)**— Đến thế thì thôi! Cái bọn văn huỳnh hoang tự nhận là mình hiền, sáng suốt cho một điều sơ đẳng tầm thường đến như vậy cũng không hiểu nổi! Hừ! Thế ra đời là của bọn vũ dũng, của bọn cường bạo, bọn thậm ngu, chí ngu...

**Đàm (quát)**— Quân bay! Vả võ môn thăng điển này cho ta!

**Quán.**— Dạ! (vừa quát Dự-Nhượng, vừa lái) Im! Im đi! Im ngay nào!

**Đàm.**— Tàu Chúa Thượng, tên này vô lễ, ngạo thượng quá! Xin Chúa Thượng hạ lệnh giết ngay nó đi cho nghiêm quân lệnh.

**Tuất.**— Dự-Nhượng! Thực tâm ta muốn tha mi, một là để mi biết ăn năn cải quá, hai là ta không muốn gây oán chuốc thù. Nhưng xem ra mi không thích như vậy, nên ta buộc lòng phải giết mi. Như vậy là ta hành động theo sở nguyện của mi chứ không hề vì ác ý của ta. Đối với máu của mi sắp đổ ra, tay ta thật trong trắng. Quân bay!

**Quán.**— Dạ!

**Tuất.**— Đem tên này ra chém! Đầu bêu lên cây! Thầy vớt xương suối! Nghe!

**Quán.**— Dạ! Xin tuân lệnh.

**Dự-Nhượng.**— Đờ xảo quyết! Giết người mà vẫn giữ giọng nhân nghĩa! Hèn, hèn lắm! Ha, ha!

**Quán.**— Đi! đi đi! Lối thốc nó đi để nó lảm nhảm mãi!

(Quán lĩnh đánh tát đấm đá Dự-Nhượng tụt bụi, rồi lột đi.)

**Dự-Nhượng (thở dài náo nức).**— Trời đất hỡi! Thế này thì...!

**Tuất.**— Trương Trương quân, hẳn thờ dài, phải không?

**Đàm.**— Bầm vàng, hẳn thờ dài, miệng lảm bầm ra về khở sở lắm!

**Tuất.**— Cho dẫn nó lại đây đã.

**Đàm.**— Dạ. Quân bay! Khoan đã! Dẫn tên từ tội trở lại đây!

**Quán.**— Dạ (quán lĩnh dẫn Dự-Nhượng trở lại.)

**Tuất.**— Dự-Nhượng! Sao mi lại thờ dài náo nức thế? Chắc bây giờ mi mới biết sợ chết?

**Dự-Nhượng.**— Người nhầm lắm! Ta bình sinh có sợ chết bao giờ.

**Đàm (nhô)**— Bầm, hai mắt hấn trào máu ra!

**Tuất (nhô)**— Ồ nhỉ! Kinh khủng thật! (To) Không sợ chết thì sao người lại chảy máu mắt ra thế?

**Dự-Nhượng.**— Sợ chết thì có bao giờ mắt chảy máu! Chỉ có uất hận thì máu mới trào thay nước mắt thôi! (Thở dài) Trời hỡi! sau khi ta chết, ai là người sẽ báo thù cho Tri-Thị!

**Tuất.**— Mi vẫn nặng tình ân oán lắm nhỉ! Cũng đáng thương!

Nhưng này, Dự-Nhượng, ta thấy còn điều này không được thoải mái: trước kia, mi thờ họ Phạm. Phạm-Thị bị Tri-Bá diệt, mi lại quay lại thờ họ Tri, mà không báo thù cho họ Phạm. Như vậy là vì cơ gì? Há không phải là vì tham sinh tử tử?

**Dự-Nhượng.**— Trong khi ta thờ Phạm Thị, Phạm-Thị chỉ đãi ta như chúng nhân, nên ta cũng lấy lòng chúng nhân mà xử lại. Nhưng sau, khi ta thờ Tri-Thị đãi ta là quốc-sĩ, họa cùng lo, vui cùng hưởng, lại nhường cơm sẻ áo cho ta, thì ta lại lấy lòng quốc-sĩ mà đối xử. Đó là hai trường-hợp xa xôi cách biệt, so sánh với nhau thế nào được,

**Tuất (Trầm ngâm).**— Mặc dầu mi là kẻ thù không đội trời chung của ta, ta cũng vẫn cảm mến chí khí trung kiên của mi, nên không nỡ xử mi như từ tội thường. Vậy đây (thào kiếm) ta cho mi mượn bảo-kiếm của ta để mi tự xử (ném kiếm xuống).

**Dự-Nhượng (Nhặt kiếm).**— Cảm ơn người. Ta đành là phải chết vì gan óc ta chưa địch lại được với cường

quyền vũ dũng của người. Nhưng lòng ta uất ức đến trào máu mắt, vì hai lần đều không báo nổi thù cho họ Tri. Nếu người hiểu thấu nỗi khổ tâm của ta thì ta xin người một điều cuối cùng này: là người coi áo cho ta được đánh mấy cái vào áo người, gọi là coi như đã báo thù cho họ Tri-Thị. Như vậy, lòng uất ức của ta cũng vơi được đôi phần.

**Tuất (ngạc nhiên).**— Mi muốn đánh vào áo ta? Hà hà (ngâm nghĩ) Ừ, nếu chỉ mong ước có thể cũng đủ vơi lòng uất ức, thì ta cũng không hẹp gì mà không cho mi toại ý. (Cởi áo) Đây, áo ta đây (đưa áo cho Đàm).

**Đàm (dỡ lấy áo).**— Tàu Chúa Thượng, xin người đừng coi áo cho y đánh như vậy. Còn gì là...

**Tuất.**— Hấn đánh vào áo ta chứ có đánh vào người ta đâu mà ngại. Còn thể diện thì cũng không hề gì, vì tự ý ta cho phép hấn, chứ có phải hấn cưỡng bức được ta đâu. Cứ đưa áo ta cho hấn đánh.

(Đàm giờ áo trước mặt Dự-Nhượng.)

**Dự-Nhượng (nhảy chồm lên, vang kiếm, đánh ba lần vào áo, hét).**— A! Áo họ Triệu! Ta đánh vào áo họ Triệu! (lùi lại lấy dĩa, rồi lại nhảy lên) A!... (lùi lại) Bây giờ ta mới báo được thù cho Tri-Bá! Ta chết không còn ân hận gì nữa. Thù đã báo xong, đến lượt ta tự xử. (Ngã xuống đất).

**Mọi người.**— Ồ! Can đảm thật!

**Đàm.**— Đáng mặt quốc-sĩ lắm.

**Tuất (2 tay ôm đầu, mặt thất sắc).**— Ồ!... Ồ!...

**Đàm (ngạc nhiên, xuống quít).**— Kia! Chúa Thượng làm sao thế kia! Mặt tái hẳn đi! Quân bay! Đờ Chúa Thượng lên xe với ta...!

**Tuất.**— Ồ!... Ồ!... Kỳ quái chưa! ...



**Đàm.**—Bẩm Chúa Thượng thấy điều gì kinh dị...?

**Tuất.**—Kỳ quái thật...! Sao ta khiếp đảm đến thế!.. (trở áo) Trương Tướng quân nhìn xem này...

**Đàm.**—Dạ, bẩm...

**Tuất.**—Trên ..trên những vết đánh binh nhừ có hằn máu! Nhìn kỹ xem có thật không?

**Đàm.**—Bẩm vâng, có hằn máu tươi trên những vết đánh thật.

**Tuất.**—Thế là nghĩa gì! Kinh dị quá! Ta thấy gai cả người! Sao thế nhỉ! Ta lo sợ lắm! Hừ! Dự-Nhượng đã báo được thù thật! Tấm lòng trung kiên quyết chí ấy có mãnh lực ghê rợn!...

**Đàm.**—Xin rước Chúa Thượng hỏi cung nghĩ ngơi cho lại tinh thần..

**Tuất.**—Nghỉ ngơi! Nghỉ ngơi cho thể xác, còn tinh thần ta thì tìm đâu được yên tĩnh, tìm đâu thấy thanh thoi! (rên) Trời đất ơi! Ta như sao động cả tâm tư, liệt bại thể xác!... Trương Tướng quân!

**Đàm.**—Dạ!

**Tuất.**—Ta xét mình ta không chống chọi nổi với lo sợ, không chắc sống được mấy nữa! Nhưng dấu mệnh ta có quá đoan cũng là tự ta, tự ta hết, ta không oán trách một ai. Ta gieo hạt nào thì ta hái quả ấy. Thuận lẽ trời thì phải đúng như vậy đó. Còn Dự-Nhượng thì lòng trung kiên phục thù cho ân nhân đã thông cảm tới thiên địa vạn vật! Ta không oán hờn y mà càng kính trọng con người trung dũng. Tướng quân truyền cho quân sĩ mai táng thi hài Dự-Nhượng cho kính cẩn.

**Đàm.**—Tiểu tướng xin tuân lệnh!

**Tuất.**—Thôi, truyền quân binh hồi cung!

**Đàm.**—Xin lĩnh mệnh (quay lại) Quân bay!

**Quân.**—Dạ!

**Đàm.**—Một toán ở lại mai táng thi hài quốc sĩ Dự-Nhượng cho kính cẩn. Còn thì cũng ta theo phò giá Chúa Thượng hồi cung Nghe!

**Quân.**—Dạ!

(Mọi người rầm rập làm theo lời Đàm trong khi màn hạ)

## Xem hoa quỳnh nở

Cây quỳnh giống lạ nước Nam ta,  
Ai khách yêu hoa chẳng biết mà?  
Trên gác hộp vui vài bạn ngọc,  
Dưới đèn xem nở một giò hoa.  
Êm đềm câu chuyện trăng lơ lửng,  
Thoang thoảng mùi hương gió lướt qua.  
Vi khắp vườn xuân hoa nở thê.  
Non Thần, núi Nhợc há dấu xa.

BÀ NGUYỄN-ĐÌNH-QUANG



## Tô - Đông - Pha và Vương - An - Thạch

Một sự tình cờ cho ta biết câu truyện Hoàng - khuyển ngọc hoa làm có người hiểu nhầm ý nghĩa khác hẳn câu truyện cũ, nên dám nhắc lại đây một vài chi tiết gọi là « ôn cố nhi tri tân ».

VỀ thời vua Tống-thần-Tông, có vị Tề-Tướng là Vương - an - Thạch, tự là Giới-Phù, người ở Lâm-Xuyên, khi mất được phong tên thụy là Kinh - quốc Văn-công. Ông không những là người văn-chương lỗi-lạc, lại có thiên-tài về chính-trị và kinh-tế. (Thời ông làm quan cũng chính là lúc bên ta có ông Lý-thường-Kiệt hưng binh diệt Tống, đột nhập vào đất Tàu, phá tan những căn-cứ đồn binh đóng ở gần nước nhà, khiến cho cái dã tâm của nhà Tống trong việc Nam-tiền phải rã rời tan tã.) Ở trong triều, Vương-an-Thạch là người có khuynh-hướng chính-trị cấp tiến nhất. Ông đã mạnh bạo cải cách nền kinh-tế trong nước, cho nên nước Tống đang nghèo, nhờ có ông hóa ra giàu mạnh. Ông lại có sáng-kiến lập ra tân-pháp để dạy rõ và hạn chế những quyền hành trong nước. Tân-pháp ấy cũng gần giống như hiến-pháp của các nước văn-minh bây giờ. Về thời quân-chủ chuyên-chê, mà tân-pháp của ông ra đời thì thật là một việc tân-kỳ. Tuy rằng khi đem ra áp-dụng thì được nhiều kết quả hay, nhưng các bạn đồng-liêu thuộc về phe bảo-thủ trong triều không mấy ai ưa thích. Một trong

các bạn đồng-liêu ấy có ông Tô-dông-Pha là hay gián-tiếp phản đối ông nhất, nhưng hai người vẫn thường giao-du với nhau và có vẻ là tương đắc.

Ông Tô-dông-Pha tên tự là Tử-Chiêm, người ở My-châu, nhân làm nhà ở Đông-Pha, cho nên người ta thường gọi là Tô đông-Pha; ông làm quan đến Lê-bộ thượng-thư, lúc mất đi được phong thụy là Văn-trung-Công. Tính rất hào hoa, phong nhã, ông lại bác thông kinh-sử. Văn thơ của ông còn để lại rất nhiều. Cưỡi cọt giậu dù cũng thành thơ truyền tụng, thật là đệ nhất danh-sĩ thời bấy giờ. Cũng vì cái tài năng quán chúng ấy mà ông đã phải mang hận vào sự nghiệp văn-chương ít nhiều.

Nhân một buổi kia có việc, ông Tô-dông-Pha đến nhà ông Vương-an-Thạch xin vào tiếp-kiến. Trong khi chờ đợi ở phòng khách, thấy trên ván-ký có tập thơ liên cảm liền xem, chợt thấy có hai câu :

Minh-nguyệt sơn đầu khiêu.

Hoàng-khuyển ngọc hoa tam

Ông Tô tự nghĩ thầm : có lẽ Ngài lần chàng ? Sao trăng sáng lại hót ở trên đầu ngọn núi được ? sao chó vàng lại có thể nằm ở trong

nhị hoa được? Nghĩ như thế rồi sẵn có bút mực ông liền chữa lại ngay:

*Minh-nguyệt sơn đầu chiếu,  
Hoàng khuyến ngoại hoa âm.*

Xin tạm dịch là: Trăng sáng chiếu trên đầu núi. Chó vàng nằm dưới bóng hoa. Ông tự cho là tuyệt tác, vì đem hai câu vô nghĩa chữa thành hai câu có ý nghĩa rõ ràng, mà vẫn đúng cả âm vận. Ông Tô lấy làm đắc chí lắm, lại để tập thơ lên văn-ký như cũ. Ông đã quên không nói với chủ-nhân là mình đã mạo phép chữa thơ, để có ý làm cho Tô-Tướng phải kinh ngạc về tài chữa của mình. Nhưng có ngờ đâu sau khi tiễn khách về, ông Vương-an-Thạch thấy thơ của mình bị chữa như thế, giận lắm, biết rằng ông Tô chưa được lịch duyệt. Rồi cũng muốn chữa cái bệnh ngông của ông bạn danh-sĩ, ít lâu sau ông bèn kiếm cách biếm chức ông Tô, đẩy ra làm việc ở một tỉnh xa. Một hôm, được nhân rồi, ông Tô ra đi chơi trên núi thấy có con chim lạ hót, bèn hỏi thổ-dân ở vùng ấy mới biết rằng con chim đó tên là Minh-nguyệt. Về sau, hỏi ra lại có giòng sâu trong nhị hoa tên là sâu Hoàng-khuyến. Lúc

ấy mới chợt tỉnh-ngộ, biết rằng kiến-thức của mình là hẹp hòi, và thâm phục sự hiểu rộng biết nhiều của Tô-Tướng. Ông không dám đem lòng oán hận, vì Tô-Tướng đã có ý mở rộng tâm con mắt cho mình. Từ đó về sau, ông tự hứa không dám chữa thơ của ai nữa, và thường rung đùi ngâm hai câu:

*Đãn nguyện tử tôn ngu thả lỗ,  
Vô tai, vô hại, đảo công khanh.*

Xin tạm dịch là: Những bon cháu ngu và dốt. Không tai, không vạ đến công-khanh, Hai câu ấy ông làm ra ngụ-ý khuyên con cháu lúc nào cũng nên nhún mình. Cái ngụ cái dốt ở đây có nghĩa là không bao giờ dám tự nhận mình là hay là giỏi để kiêu chề bốt cái lòng tự cao, tự đại của con người. Nếu ông Tô hiểu được ông Vương-an-Thạch chỉ hay làm văn tả cảnh ít khi tả tình, thì ông đã không bị cái nhảm to như vậy, để đến nỗi phải bị đẩy đi làm việc ở một nơi xa.

Câu truyện trên đây thật là một tâm gương sáng cho mọi người, và để chúng ta ngâm nghĩ.

N.V.N.

## Nền chính-trị và hành-chính Việt-Nam

NGUYỄN-VĂN-THANH

VĂN-ĐỀ tổ-chức chính-trị và hành-chính trong một nước rất cần cho ta chú ý, vì nó là khung cốt của Quốc-Gia.

Muốn hiểu rõ các tổ-chức của chế độ cũ cho đến ngày 9-3-1945, chúng ta cần phải ôn lại mấy trang sử cận đại.

Chế độ thuộc địa của Nam-Việt và chế độ bảo-hộ của Bắc-Việt và Trung-Việt xưa kia, khởi điểm từ mấy bản hiệp-ước Pháp-Việt về nửa phần sau của thế-kỷ thứ XIX, tức là về cuối Triều Tự-Đức.

Tình trạng chính-trị, xã-hội và kinh-tế của nước ta hồi đó, thật là đen tối. Để các bạn có một ý niệm, tôi xin trích sau đây một câu kết luận của nhà sử học Trần-trọng-Kim về thời đại ấy: « Nước nghèo dân khổ, lại phải lúc có nhiều tai biến người ngoài vào xâm lược, Triều-Đình ngờ ngác, không biết xoay sở ra thế nào. Lòng người lỳ tán, phân ra bè no đảng kia, giết hại lẫn nhau. Ấy cái tình thế nước Việt-Nam ta vào cuối đời Tự-Đức là thế, cho nên sự nguy vong mới xảy ra vậy ».

Cũng là sự không may cho nước nhà, nên Triều-đình Việt-Nam hồi đó không biết theo thời mà mở nước cho người ngoại quốc đến thông thương, cho thanh-niên ra ngoài học hỏi, để mở mang dân trí; lại vì sự sùng tín mà giết hại những người truyền bá đạo Gia-tô. Bởi những điều lờ lảng vừa kể, nên nước Pháp mới dùng binh lực mà đàn áp Việt-Nam. Chúng ta không cần nhắc lại những giai đoạn lịch sử ấy làm chi; chỉ nên nhớ rằng Hòa-ước Pháp Việt đầu tiên, là Hòa-ước ký ngày mồng 5-6-1862. Do đó, Việt-Nam nhượng lại cho Pháp ba tỉnh Biên-Hòa, Gia-Định, Mỹ-Thọ và đảo Côn-lôn, cũng là cam đoan nên tự do tín ngưỡng. Rồi đến việc người Pháp Jean Dupuis yêu cầu khai thác sự thông thương trên sông Nhị-Hà, đưa đến cuộc xung đột, và Hòa-ước Philastre ngày 15 tháng 3 năm 1874. Theo hòa-ước này, nước ta phải nhượng cho Pháp 6 tỉnh Nam-Kỳ, và đặt nền bảo-hộ tại Trung-Kỳ, cùng là mở cửa biển Hải-Phòng và sông Hồng-Hà cho sự tự-do giao dịch đến tận biên-giới Trung-Hoa.

Sau nhiều cuộc xung đột tại miền Bắc-Việt, Việt-Nam bị thua lần nữa, lại phải ký hòa-ước Harmand ngày 25-8-1883. Nhân đây, nước Pháp đặt nền bảo-hộ tại Bắc-Kỳ một cách chặt chẽ, và mở rộng nền bảo-hộ tại Trung-Kỳ.

Hiệp-ước Harmand, sang năm sau, được sửa đổi lại do Hiệp-ước Patenôtre ngày 6-6-1884:

Theo hiệp-ước 1884 — Hiệp-ước làm căn bản cho cuộc giao-dịch Việt-Pháp, nền bảo-hộ tại Bắc-Kỳ được thực hiện bằng một nền hành chính do các người Pháp điều khiển, trên cùng là vị Thông-Sứ, có quyền kiểm-soát nền hành chính và thuế khóa Việt-Nam, ngang với quyền hành vị Kinh-Lược.

Đến năm 1897, một đạo Dự bãi-bỏ Nha Kinh-Lược tại Bắc-Kỳ và trao hoàn toàn quyền hành-chính cho Phủ Thông-Sứ.

Để thống nhất các chế độ thuộc-địa và bảo hộ trên lãnh thổ Việt-Nam và Cao-Mên, chính phủ Pháp tổ-chức các nước trên bán-đảo Đông-Dương thành một cơ quan chính-trị và hành-chính đặt dưới quyền một viên Toàn-

quyền, do hai đạo sắc-lệnh ngày 17-10-1887 và 9-5-1889. Đến năm 1899, Ai-Lao, và đến năm 1900, khu nhượng địa Quảng-châu-vân lại được sáp nhập vào Phủ Toàn-quyền Đông-Dương.

Thế là trong vòng gần 40 năm trời, từ năm 1862 cho tới 1900, nước Pháp đã đặt nền đô hộ trên một miền quan hệ vào bậc nhất trong vùng Đông-Nam-Á.

Trở lại thời gian, chúng ta thử xét xem tình thế nước nhà cho đến cuối thế-kỷ thứ XIX ra sao?

Khi người Pháp đặt chân lên đất Nam-Việt lần đầu tiên, thì đã thấy một nền tổ-chức chính-trị và hành-chính sẵn sàng, căn cứ vào tình thần luân-lý Á-Đông, chứ không như các nước khác thuộc Đế Quốc Pháp thời ấy.

Dưới chế độ cũ, nước Việt-Nam tuy nói là một nước quân chủ chuyên chế; nhưng theo tinh thần và cách tổ-chức xã-hội thì có nhiều chỗ rất phù-hợp với tình thần dân chủ.

Theo quan niệm pháp lý Tây-Âu, chế độ dân-chủ là chế độ trong đó mọi quyền lập pháp, quyền hành-chính, và quyền tư-pháp, đều do quyền quyết-định tối cao của dân chúng ủy nhiệm lại cho. Như vậy chỉ có thể quan niệm một chính thể quân chủ lập hiến, hay quân chủ đại nghị, mới phù hợp với tình thần dân chủ mà thôi.

Trở lại những nước Á-Đông tổ-chức theo Nho giáo, ta thấy tình thần dân-chủ được quan niệm một cách khác: Từ 300 năm trước Tây lịch kỷ nguyên, Mạnh-Tử đã nói: « dân là quý, đất nước thứ nhì, vua là nhẹ ». Nhưng như vậy không có nghĩa là bao nhiêu quyền hành, dân đều ủy lại cho vua, để giữ gìn đời sống yên ổn cho dân, và bảo-vệ đất nước. Nho giáo căn-cứ ở đạo sửa mình, trị nhà, trị nước, lại rút nguyên-lắc tổ-chức xã-hội, ở các lý nhễ thiên nhiên, thần bí. Vua được quan niệm là một phần-vật thay trời trị nước, chỉ-tôn chỉ-kính. Đã được ở vào địa-vị chỉ-tôn chỉ-kính như vậy, thì vua phải là



việc chăm nom khai sáng cho dân làm gốc. Giúp việc nhà vua là các người hiền, tức là những nhà nho học uyên bác, thâm hiểu đạo lý, lo châu đốc đức hạnh cho dân, và mở mang trí-tuệ cho dân.

Quan niệm như vậy tức là nêu cao nguyên tắc Dân vi quý tức là lấy quyền-lợi của dân tộc làm cứu cánh cho mọi tổ-chức chính-trị và xã-hội, mà không cần phải nói đến việc đại-quyền, ủy-nhiệm của dân chúng nữa. Có thể nói là vua và giai cấp nhân-sĩ tri thức, tự thấy bổn phận mình là phụng-sự quyền lợi dân chúng vậy. Nếu muốn áp dụng một khẩu hiệu tượng trưng, ta phải nói: Tất cả cho dân chúng, bởi những người cai-trị (Tout pour le peuple, par le gouvernement) chứ không phải tất cả cho dân chúng, bởi dân chúng (Tout pour le peuple, par le peuple).

Như vậy, ta tự hỏi: lấy gì bảo đảm quyền lợi cho dân chúng, nếu giai cấp sỹ hào và các vua chúa quên hết bổn phận thiêng liêng, mà áp bức dân chúng. Đạo Nho cho rằng những vị vua chúa tàn bạo mà trái mệnh trời áp bức quần chúng, thì không đáng coi là vua chúa nữa, chỉ là những kẻ tàn bạo mà thôi. Mà lúc đó, dân chúng có thể lật đổ những bạo chúa để chọn người có đức lên thay.

Quan niệm Nho giáo lại cho rằng, tuy dân chúng không có người đại diện mình bên cạnh các vị vua chúa, nhưng thực ra Triều đình nhà vua chính là một hội-nghe; tôi cao gồm toàn những người có tài học phẩm hạnh trong dân chúng. Các bậc hiền tri được tuyển lựa bằng đường lối thi cử chứ không phải bằng cuộc đấu phiêu, vào Triều đình, để cùng nhà vua lo toan quyền lợi cho dân, cho nước, chứ không phải để phụng-sự riêng quyền lợi nhà vua. Do vậy, các quan triều đình đều do giới nho-sĩ xuất thân, không phân biệt giàu, nghèo, sang, hèn, miễn là người tài cao học rộng, có phẩm hạnh là đủ. Hơn nữa, trở lại lịch sử Trung-Hoa và Việt-Nam, ta thấy các việc giúp dân giúp nước, phần đông đều do các bậc anh hùng áo vải mà nên. Cần phải nói thêm rằng: Thời đó, nhân tâm còn chất phác, sự gian quyết rất là hiếm; hơn

nữa, mỗi thanh ngh; trong dân chúng lại nghiêm khắc; nên những kẻ gian tá chỉ lo toan danh lợi mà quên đi đạo lý, đều bị lịch sử và dư luận phê bình mãi mãi, cho là gương xấu cần tránh xa. Do vậy, đại đa số các nho sỹ đã có học lực uyên thâm, tài cũng có nên luôn lấy căn bản vững chắc vậy.

Trong một nước mà dân trí chưa mở mang, nên học vẫn lại khó khăn, như Nho học, thì lẽ tự nhiên người ta không thể nghĩ đến chế độ dân chúng đại-quyền để lo việc nước được, mà chỉ có thể nghĩ đến việc trạch cõ bằng sự ứng thí mà thôi.

Triều đình Việt-Nam hồi thế kỷ thứ XIX không khác các triều đình Trung-Hoa và Nhật-Bản là bao nhiêu, vì đều quan-niệm theo hình ảnh Nho học vậy.

Ngoài triều đình ra, lại có các quan chức coi các tỉnh, các quận, đệ thì hành mệnh lệnh nhà vua. Dưới nữa, là làng-mạc, xã thôn tức là nền tổ-chức căn-bản của dân chúng, Xã-hội của ta lấy canh-nông làm gốc. Tổ-chức hành chính làng làng đơn vị. Mà chính ở làng, tổng, này, ta mới thấy áp dụng rõ ràng nguyên tắc dân chủ. Từ tổng trở xuống, dân tự chọn lấy người của mình mà trông coi mọi việc trong hạt. Phong tục, luật-lệ của làng nào áp dụng riêng làng ấy. Triều đình không can thiệp đến, nên có câu: "Phép vua thua lệ làng." Có thể nói là luật-lệ Triều đình đặt ra là phỏng theo lý đương nhiên của Đạo, mà vua và kẻ sỹ đã hiểu thấu, theo các kinh sách của Thánh hiền. Nó là những mệnh lệnh chung, mà rõ ràng, cho toàn dân noi theo; còn lệ tục của các xã thôn, mới là những quy tắc của dân chúng tự đặt ra theo đúng tinh thần dân chủ, và phù hợp với những nhu cầu xã-hội và kinh-tế của thời đại.

Giáo-sư Vũ-Quốc-Thức đã phân tách đề các bạn rõ tính cách nền kinh-tế cổ truyền của chúng ta. Tôi xin nói thêm: nếu nền kinh-tế cũ bản của Việt-Nam là nền kinh-tế có tính cách xã-thôn, thì sự tổ-chức chính-trị và xã-hội của Việt-Nam cũng là một tổ-chức có tính cách xã thôn vậy.

Về phương diện xã-hội, dân chúng Việt-Nam chia làm 4 giới là: sỹ, nông, công, thương; nhưng tuyệt-nhiên không hề có giai cấp nào cả. Kẻ sỹ thường thường là những con nhà dân cày hay tiểu thương mại xuất thân. Làm quan, đến lúc về già, ông cha ta lại quay về làm ruộng hay dạy học, mà không coi điều đó là mất danh dự. Thiết tưởng không còn quan-niệm nào bình đẳng và rộng rãi hơn về cấp-bậc xã-hội, mà cũng không có lý gì để nói chuyện giai-cấp chông nhau nữa. Ngoài ra, lại có chế độ công điền, để phân chia cho đều ruộng đất cho toàn thể những người đóng thuế nhà nước, và sung vào quân-đội; chế độ nghĩa thương, hội hiếu, hội hy, để giúp đỡ lẫn nhau, khi mất mùa đói kém, và để dành tiền. Xã-hội Việt-Nam thời bấy giờ có một tính cách bình đẳng, một tinh cách xã-hội không hề thấy trong các xã-hội Á-Đông đương thời.

Một chế độ chính-trị và xã-hội xét bề ngoài thì tốt đẹp như vậy, nhưng tại sao lại mục nát bên trong, đến nỗi không sao ứng phó được với thời cục, và chông lại được với sự đê hộ của ngoại bang? Căn nguyên chính, là tại sự đụng chạm giữa hai nền văn-hóa Đông và Tây, chứ không phải tại người. Ta đã thấy rằng tất cả mọi phương diện sinh hoạt của dân tộc đều do ở căn bản Nho học. Không may cho dân-tộc Trung-Hoa và dân-tộc Việt-Nam thời bấy giờ, tinh thần của Khổng học đã bạc nhược, lại thêm sự tiếp xúc với Tây Âu, là cái thế-giới lý khoa-học thực nghiệm làm cốt, lấy các sức mạnh vật chất làm căn thiết hơn các học đạo đức tinh thần. Do sự va chạm của hai quan niệm nhân-sinh, một đảng lấy dân giàu, nước mạnh, lấy sự phát minh cơ-khí mà nâng cao sinh-hoạt của người làm cốt, một đảng khinh thường hết cả những điều thỏa-mãn về cơ thể, mà chỉ lấy cuộc sống đơn giản, thư-thái, làm lý tưởng, dân-tộc Á-Đông mới bừng tỉnh ngộ mà thấy mình thua kém người về phương-diện tranh đấu mưu-sinh. Á-Đông đã phải trả quá đắt sự muốn mang của mình, bằng sự mất tự-do trong hơn nửa thế-kỷ vậy.

Đó là tình trạng xã-hội và chính-trị, mà người Pháp nhận thấy trên đất nước Việt-Nam đó.

Đồng thời với việc nhập cảng các hóa vật và cơ-khí, người Pháp cũng đem lại cho Việt-Nam một nền học văn mới, tư tưởng mới, và nhất là tổ-chức chính-trị và hành-chính theo quan niệm Tây Âu. Nền tổ-chức chính-trị và hành-chính đó, tuy ngày nay, đã lỗi thời, nhưng trong 60 năm qua, nó cũng đã để lại nhiều ảnh hưởng trong dân-tộc ta. Chúng ta ngày nay, phải xét nhận điều gì nên phê bỏ, điều gì nên giữ lại, mà cải cách đi, cho hợp với dân trí, và trào-lưu dân-chủ trên thế-giới.

Xét việc tổ-chức chính-trị và hành-chính của Việt-Nam dưới thời Pháp thuộc, ta phải đặt câu hỏi:

Theo tinh thần hòa-ước 1884, thì quyền hạn của chính-phủ Việt-Nam đi đến đâu, và quyền hạn của các nhà đại-diện Pháp đến đâu?

Về nguyên-tắc, thì ngoài xứ Nam-Việt là đất thuộc-địa, chủ quyền nội bộ của Triều đình Việt Nam phải là nguyên vẹn; các luật-lệ của Hoàng-Đế Việt-Nam ban bố ra, phải được áp dụng trên khắp hai xứ Bắc và Trung-Việt.

Nhưng không may, nước nhà gặp nhiều hồi suy bi lại thêm chế độ xã-hội và chính-trị lỗi thời; các người công-bộc không đầy đủ, bổn phận, nên dân dân chế độ bảo-hộ biến thành chế độ trực trị; các chức vụ công-sứ, khám-sứ do Hoà-ước đặt ra đáng lẽ chỉ là những chức-vụ kiểm-soát lại, hoá ra những chức-vụ điều khiển, mà các quan lại Việt-Nam đáng lẽ đóng vai chủ động, lại biến thành những vai phụ lực mà thôi. Vì đâu mà tình trạng biến chuyển đến nỗi ấy? Muốn hiểu thấu căn nguyên, chúng ta cần phải xét lại vấn-đề của nước ta trong việc giao thiệp với nước bảo-hộ.

Về phương diện lập-pháp, một bản thỏa-hiệp ngày 6-11-1923 ký giữa chính-phủ Việt-Nam và phủ Toàn quyền Pháp,

án-định rằng, cho đến khi Hoàng-Đề Bảo-Đại đến tuổi thành nhân, thì chỉ riêng các vấn-đề liên quan đến hiến chế mới được chỉ-định bằng Dự; còn ngoài ra các vấn-đề hành-chính và tư pháp đều do nghị-định của các vị Thủ-hiền Pháp chỉ-định, sau khi hỏi ý-kiến Viện Cơ-Mặt.

Như vậy, các luật lệ Pháp được trực tiếp áp-dụng trên lãnh thổ Nam-Việt là đất thuộc-địa, và gián tiếp áp dụng trên hai xứ Bảo-hộ Bắc và Trung-Việt.

Cơ-quan lập-pháp căn bản, trên toàn cõi Đông-Pháp là vị Toàn-quyền, do hai đạo Sắc-lệnh ngày 17-10-1887 và 9-5-1899 đặt ra.

Các luật lệ Rhaps phải do Toàn-quyền ban, bỏ bằng nghị-định, để đem áp dụng cho toàn cõi Đông-Dương, hay cho từng xứ một.

Dưới cấp Toàn-quyền Đông-Pháp, là cấp Thông-độc cho Nam-Kỳ, Thông-Sứ cho Bắc-Kỳ và Khâm-Sứ cho Trung-Kỳ.

Sắc-lệnh ngày 20-10-1911 trao cho các vị Thủ-Hiền này hết mọi quyền cai-trị địa-phương mình, dưới sự kiểm-soát của phủ Toàn-quyền. Các Thủ-Hiền có quyền làm nghị-định để án-định mọi quy lệ về hành-chính và cảnh-sát, miễn là không trái với luật lệ của cấp trên ban hành.

Sau hết, các chức vị Đốc-lý và Công-sứ chủ tỉnh, cũng có quyền thảo các nghị-định thành phố và quyết nghị để chỉ-định mọi vấn-đề trong địa hạt mình.

Về phía Việt-Nam, ta thấy Triều-đình tại Huế vẫn giữ nguyên tổ-chức cũ truyền: trên là Đức Hoàng-Đề, rồi đến các vị Thượng-Thư, theo tục lệ trông coi 6 bộ là: Lại bộ, Lễ bộ, Binh bộ, Hình bộ, Công bộ, và Học bộ.

Hoàng-Đề vẫn ban bố luật lệ trong dân chúng bằng ba phương-pháp: một là Dự (Ordonnance), để quy định các luật lệ chung, về hiến chế, chính-trị và hành-chính tổng quát; hai là Sắc (Décret), để ra các chỉ-thị riêng cho mỗi Bộ tuần hành, và án-định quy chế về các tôn giáo, đền, chùa, phẩm-trật và phong tặng; ba là Chi (édit), để giải quyết các việc hành chính thông thường và tình trạng cá nhân.

Các Bộ án-định quy tắc bằng chu-tri và thông-tư. Thông tư để quảng bá trong dân chúng, và chu-tri dành riêng cho các cấp bậc của nhà nước. Các đạo Du, Sắc và Chi phải do Toàn-quyền Đông-Pháp công nhận và ban bố, mới được áp dụng trong dân chúng.

Nói tóm lại, hai cơ quan lập pháp tối cao trên đất Việt-Nam, là Triều-đình và nền Bảo Hộ. Tự trung chỉ có cơ quan lập pháp của chính-phủ Bảo Hộ tích cực hoạt động, còn về phía Triều-đình ta, hầu như không hoạt động gì hết, nhất là từ ngày Đức Hoàng-Đề KHAI-ĐỊNH tháng hà, cho tới ngày Cựu Hoàng-Đề BẢO-ĐẠI hồi loan.

(Còn nữa)

### Tâm-sự mẹ

— Ta nhớ khi còn tuổi ấu thơ,  
Thích chơi súng gổ bắn nhau với.  
Trò đùa khi trước nay thành thật,  
Bao nỗi gian lao con chẳng ngờ...  
— Mang nặng trên vai đủ thức dùng,  
Đường trường đầu-dãi với sương phong  
Con đem linh mệnh thờ danh nghĩa,  
Mẹ cố quên đi nỗi nhớ nhưng...

ĐẠI NGUYỄN-ĐÌNH-QUANG



## Thăm-hiềm Bắc-Cực

... Đây là những tài-liệu mới lạ về cuộc thám hiềm Bắc-Cực của phái-đoàn Pháp mà ta thường thấy nói trên các báo ngoại quốc. L.T.S.

NHỮNG miền rộng bao la ở Groenland thuộc Bắc-Cực đã được coi là lạnh nhất thế giới. Hầu hết nơi này đều đầy đặc muông vạn tảng băng cao trên 2500m; và từ xưa tới nay, các nhà bác học vẫn tưởng sức lạnh đó có ảnh hưởng tới thời tiết của thế giới. Muốn tìm cho đến nơi này là ban bố, mới được áp dụng trong dân chúng.

Nói tóm lại, hai cơ quan lập pháp tối cao trên đất Việt-Nam, là Triều-đình và nền Bảo Hộ. Tự trung chỉ có cơ quan lập pháp của chính-phủ Bảo Hộ tích cực hoạt động, còn về phía Triều-đình ta, hầu như không hoạt động gì hết, nhất là từ ngày Đức Hoàng-Đề KHAI-ĐỊNH tháng hà, cho tới ngày Cựu Hoàng-Đề BẢO-ĐẠI hồi loan.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HỮU-BẰNG

nhà bác học búng neo trong một bến phía tây Groenland. 25 người cùng 60 tấn dụng cụ được chuyên vào bờ và phái đoàn thẳng đường tiến vào giữa miền hoang vu Bắc-Cực. Sự chuyên chở người và vật liệu phải dùng 5 chiếc Weasels; xe loại Jeep có mang xích sắt cùng 15 xe kéo bằng kim khí nhẹ; mà trong số xe này có thiết lập ngay phòng thí nghiệm để khảo sát những điều mắt thấy tai nghe, Dầu đốt gồm có 20.000 lit, đủ cung phụng cho xe Weasels, và ngoài ra vật liệu mang theo còn thêm 3 cần trục, 4000 dây cáp đủ cỡ, máy phát thanh, đồ dùng lật vật và dụng cụ thay đổi. Dẫn đường cho phái đoàn là 2 bác học và 5 người «Esquimaux». Qua những tảng băng dày, các nhà thám hiềm phải vượt bao trở lực khó khăn như dẫm mình trong băng tuyết để tìm một lối đi. Có khi hàng tuần, xe Weasels hỏng luôn, mỗi khi qua một thung lũng thật là khô cực. Tính ra trong một thời gian khá lâu, cả đoàn đã vượt tới 4000km đến giữa Groenland nơi lạnh nhất thế giới. Dù đang là giữa mùa hạ, hàn thử biểu luôn luôn chỉ số 40 độ





Đoàn thám hiểm

dưới số không. Sau khi chọn được một chỗ tiện lợi cho sự tìm kiếm, các bác học dựng lên một ngôi nhà làm sẵn, lên trong đặt phòng thí nghiệm, máy phát điện lực và chỗ chứa thực phẩm. Suốt cả mùa hạ, một chiếc phi cơ từ Ai-nhĩ-Lan tới thả dù xuống 70 tấn vật liệu, dầu đốt và thức ăn. Qua hạ, phái đoàn phải sống cô độc giữa Bắc-Cực trên chiều cao 3000m50 cùng mặt biển, với sức lạnh 70 độ dưới số không. 8 bác học sống trong căn nhà quanh hiu xa hẳn loài người, bao học bởi băng tuyết. Muốn qua ruộng này sang ruộng khác, phải qua đường hầm ở dài 100 thước nối liền nơi ăn ở với phòng thí nghiệm, nơi chứa thực phẩm. Chống với sức lạnh ghê người, cả phái đoàn phải dùng tới máy phát điện, những máy tối tân cung cấp cho điện lực thấp đến và để có sức nóng sưởi khi bên ngoài lạnh quá 70 độ dưới số không.

Thường nhật, sau khi vận tới 14 chiếc áo mặc chồng lên nhau, các bác học bắt

đầu treo lên những tảng băng cao, ghi ghi chép chép bằng muôn con số lạ kỳ với dụng cụ mang theo. Khảo sát thiên văn thì có những khí cầu thả lên cao trong có máy ghi tối tân. Cứ mỗi giờ, máy phát thanh của phái đoàn lại báo những kết quả cho khắp thế giới, mà lợi nhất là phi trường của các nước trong Bắc bán cầu.

Thật là một điều vượt quá trí tưởng tượng của chúng ta, khi sống giữa Bắc-Cực. Phải ít nhất là 3 giờ mới làm tan được mứt đóng lọ. Giữa màu trắng toát của băng, nếu là mùa rét, trời lúc nào cũng tối, khiến mỗi khi lờ mờ nhận xét, các bác học phải lần theo một chiếc dây thừng căng thẳng lần tới nơi mình làm việc. Muốn có nước dùng, phải lấy sừng hay cước hồ lấy một tảng băng rồi đun lên cho chảy ra. Ròng rã 10 tháng trời ở những căn phòng băng dày bao phủ chung quanh, phái đoàn muốn ra ngoài phải đào cho hết băng mới chui được đầu lên. Công việc tìm kiếm của những bác học thật nhọc nhằn, không một phút nghỉ ngơi. Cả ngày các khối óc mình mẫn chỉ chăm chú tính toán và nếu thấy quá mệt, những phút nhàn rỗi thì cho chạy chiếc máy thu thanh nghe muôn bản nhạc của nước Mỹ mà đối với họ thật là xa lạ, vì họ đã như sống cách bực với loài người. Ở giữa bãi sa mạc chỉ toàn có băng tuyết, phái đoàn có cảm giác như đang sống một cuộc đời thần tiên giữa những lạ kỳ khác hẳn trên trái đất mà họ đã sinh trưởng. Mỗi khi thấy thời tiết có vẻ đẹp, họ ra ngoài chờ đợi phi cơ thân mến mang đến cho họ các thứ cần thiết bằng dù. Bay rất thấp quanh miền mà phái đoàn ở, phi cơ nhẹ nhàng thả xuống 4 tấn thực phẩm hoặc vật liệu mỗi lần tới thăm. Có điều lạ là các vật thả xuống không hư hỏng chút nào, và nếu có hư chẳng nữa cũng chỉ đến 2 phần trăm là hỏng.

Sức khỏe của các bác học cũng được săn sóc luôn; và nếu thiếu ánh sáng mặt trời thì họ đã có tia tử ngoại (ultra violet). Mỗi khi có bệnh gì lạ, lập tức được chữa khỏi ngay bằng thuốc men dự trữ.

Theo lời tuyên bố của Victor, trưởng phái đoàn, các bác học đã thu lượm được nhiều mẫu lạ lùng. Cả miền hoang vu và giá lạnh này được đo cẩn thận, sức chuyên động của băng tuyết cũng được ghi chép; và đồng thời nhiều đồ bản về Bắc-Cực đã sửa lại thật đúng, mặc dầu phần đông núi Groenland bị băng tuyết bao phủ.

Sau một thời gian làm việc, phái đoàn Paul Emile Victor đã thu lượm được nhiều kết quả vô cùng tốt đẹp. Nếu tìm thấy các định luật mới mẻ, sự tiên đoán thời tiết sẽ còn rõ ràng hơn nữa trên một phần lớn bắc bán cầu, nhất là Âu-châu.

Lần đầu tiên trong giới khoa học, Paul Emile Victor đã hướng dẫn các bác học tìm những điều vô cùng lạ lùng trên miền Groenland, miền mà từ xưa tới nay chưa được hẳn hạp đón tiếp những khối óc sáng suốt của nhân loại.

## Nhiệt-độ nhân-tạo

MỘT đêm xương mù về tháng giêng năm 1904, nhà vật-lý-học trẻ tuổi, *Wills Carrier*, vừa mới tốt nghiệp ở trường Đại-học ra, đi bách-bộ ở bên xe lửa ấm-trọt để chờ chuyển xe. Ông tự-nhiên chợt nghĩ đến một cách kỹ-tại để phát-minh ra một kỹ-nghệ mới:

Làm cho không-khí chỗ ở được hợp vệ-sinh.

Theo ý ông, người ta làm tự hơi lại, mà có thể khiến không-khí một căn phòng khô hay ẩm, nóng hay lạnh, nhiều, ít, tùy ý mình.

Đến tháng 9 năm ấy, ông đã chế ra được một cái máy để chế-biến và điều-khiển không-khí. Cái máy ấy là bước khởi-thủy của công-việc của ông.

Ròng-rã trong 40 năm, ông chỉ cố tìm những cách và những kỹ-thuật mới làm cho máy đó được tinh xảo hơn lên. Dù sao, cả thế-giới đều biết ông là người phát-minh ra cách: « Tạo nên một không-khí hợp vệ-sinh ».

Đến năm 1925, mới có hẳn một nền kỹ-nghệ dùng máy chế-biến và điều-khiển không-khí. Do sự phát-minh mới của *Carrier*, người ta có thể biến cái được sức ấm-ướt hay nóng lạnh của không-khí trong những nhà máy sợi hay những nhà in màu.

Xưởng thợ thứ nhất dùng máy điều-khiển không-khí là một xưởng bào-chế to sản-xuất những viên thuốc (hình trứng nhện), chế bằng keo, nơi cần phải giữ một không-khí mát-độ.

Những kỹ-nghệ, sản xuất nhiều, cần cho cơ-khí được tinh-tế, càng phải dùng máy điều-khiển không-khí. Nhà máy làm tơ nhân-tạo và nylon mà không có máy điều-khiển không-khí thì không thể làm được.

Máy nói chuyện tự-động và những phòng thí-nghiệm về khoa-học đều cần đến lắm.

Những phòng chiếu bóng cũng là những phòng cần làm cho không-khí hợp vệ-sinh. Thật vậy, về mùa hạ, nóng-nực.

các phòng đó đều đóng kín cửa, nên không-khí không được hợp vệ-sinh.

Máy điều-khiển không-khí to vào bậc nhất là chiếc máy dùng thí-nghiệm ở nhà hát Rivoli tỉnh Nữ-Uớc, trong một buổi diễn tối, về mùa xuân năm 1926. Những nhà danh tiếng trong kỹ-nghệ chiếu bóng đều đến chứng kiến cuộc thí-nghiệm này. Tối đến, trời oi ả, dân chúng kéo nhau tới nhà hát Rivoli trước khi cho máy chạy. Ông Adolphe Zukor, là một nhà sản-xuất phim nhiều nhất ở Holly-wood, ngồi trên bao-lon, quan-sát đám đông-chúng kéo đến xem. Nhiều phụ-nữ, thấy quá nóng, phải dùng quạt. Cho máy chạy đúng tiết-độ, ông Zukor nhận thấy quạt ở tay các bà từ từ im dần, rồi im hẳn; ông phải nói: « Được, máy này sẽ thích-dụng? »

Mùa hạ năm ấy, rạp Rivoli thu-hút được rất nhiều khán-giả; thế là các rạp khác đều bắt chước, đua nhau đặt máy điều-khiển không-khí.

Trong năm 1930, ông Carrier đã điều-khiển không-khí được độ 300 phòng. Đến năm 1933, một chủ khách-sạn đã phải hỏi ý-kiến trạng-sự về vấn-đề này: nếu biết đích là khách trọ bị cảm, cũng không thể viện cớ vì máy, mà bắt bồi-thường, thì ông chủ kia mới dám cho đặt máy điều-khiển không-khí ở trong các phòng. Ông chủ quá tr thận-trọng đó đã được thỏa-mãn.

Hiện nay, một vài hãng buôn, hay tiệm ăn lớn, đã chủ-tâm làm cho không-khí trong cửa hàng lạnh hẳn hơn không-khí nóng-bức ở ngoài phố để giữ khách hàng khỏi đi mua, đi ăn ở hàng khác. Thế mà người ta chưa thấy có y-sĩ nào được nghe thấy nói sự điều-khiển không-khí đã làm hại đến cơ-thể con người.

Khởi-thủy, các Công-ty hóa-xa cho rằng điều-khiển không-khí các toa-xe là một cách quá xa-xỉ tốn kém. Tuy vậy các Công

ty đều không thiết đến, nên năm 1929, Ó Carrier phải tự đứng ra làm lấy. Ông mua một toa-xe cũ, cho để ở kho chứa đồ; rồi ông cho đổi những lò sưởi điện khổng lồ, làm cho trong kho nóng ran, Ông lại cho mở nhiều quạt máy, để cát bụi bay lên từ phía. Đoạn ông mới cho điều-khiển kỹ càng không-khí trong toa. Sửa soạn xong, Ó Carrier liền mời những vị cao-cấp một Công-ty hóa-xa đến chứng-kiến. Các quan khách đi qua kho, thấy một luồng không-khí nóng-bức và vẫn bụi rất khó chịu, rồi bước vào trong toa-xe, thì trái lại, đã được hút thở một thứ không-khí mát-mẻ, tinh-khiết và êm-đềm.. Thế là Ó Carrier đắc thắng.

Một năm qua. Một toa xe-lửa khách-sạn có đặt máy điều-khiển không-khí được dùng ở Mỹ; năm sau nữa, người ta đã khánh-thành một đoàn hỏa-xa có máy điều-khiển ấy. Ó Carrier đã gắng sức làm cho khoa kỹ-nghệ mới này càng ngày càng mở mang thêm ở Mỹ. Những chi-nhánh của ông ở các xứ khác được các bạn hàng xô lại, đặt tiền mua nhiều hơn cả ở Mỹ.

Những tòa nhà giao-tế Kavanag là những tòa nhà cổ nhất ở Buenos-Aires được chuẩn-bị để áp-dụng phương-pháp Carrier. Khách-sạn Osaka, bên Nhật là một khách-sạn có máy điều-khiển không-khí trước nhất. Một vị Vua Ấn-Độ đã thuê Ó Carrier đặt máy trong cung-điện của Ngài.

Hầm mỏ ở Nam-Phi là những hầm mỏ được đặt máy điều-khiển không-khí trước nhất. Điều-khiển không-khí như vậy, người ta có thể khai vàng ở những mạch dưới đất sâu hơn 2.500 thước, nơi mà trước kia sức nóng lên tới 50 độ. Những mỏ vàng ở xứ Brasil, nhờ có phương-pháp điều-khiển không-khí, đã bớt đi được hai phần ba tai nạn. Ở xứ Arizona bây giờ, người ta đã có thể khai

được những mỏ đồng ở dưới đất sâu 1.400 thước. Người ta đã tính nếu không có máy Carrier thì 65 hầm mỏ xứ ấy không thể làm cách nào mà khai khẩn được.

Năm 1937, xưởng vát sửa ở Singapore, đã cho làm những chuồng nuôi bò có máy Carrier. Nhà có máy này, bò cái có thể nốt suốt ngày, đến đêm mới phải thả ra cho ăn cỏ. Như thế thời kỳ có sửa được dài hơn.

Ngày nay, phương-pháp Carrier có thể áp-dụng vào nhiều kỹ-nghệ và nhiều việc khác nữa. Bây giờ hàng nghìn toa xe-lửa, hàng nghìn ô-tô-ca, đều được chuẩn-bị để áp-dụng phương-pháp Carrier. Những buồng nhỏ trên máy bay, lên chặt những hành-khách và hành-lý, lại càng cần đến phương-pháp ấy. Trước thời chiến-tranh mới rồi, trong những tàu thủy vượt qua Đại-Tây-Dương, chỉ những phòng-khách và phòng ăn mới đặt máy Carrier. Từ khi có chiến-tranh, những thương-thuyền đóng ở Mỹ đều có đặt máy Carrier. Trước kia đặt máy điều-khiển không-khí, cho một tòa nhà chọc trời, 50 tầng, là một sự tốn kém vô kể, vì những ống dẫn kênh càng, chiếm mất nhiều chỗ — những chỗ quá ư qui giá —; bây giờ người ta dùng sức áp-lực đưa không-khí lên tới thượng tầng bằng những ống nhỏ gấp bảy lần ống cũ. Vì vậy, những tòa nhà không-lò đường

xây dựng trên đất Mỹ, những văn-phòng xếp đặt trong các công-thư, 39 tầng, của khu Liên-Hiệp-Quốc ở Nữ-Uớc, đều có đặt máy Carrier để điều-khiển không-khí như ý người ta muốn. Cổ nhiên, một công-chức sinh-quản ở nhiệt-đới, ra làm việc ở căn-phòng có không-khí nóng hơn là một vị khác quê ở bán đảo Thụy-Điền (Scandinavia). Người ta chỉ đo tay bấm điện là được như ý sở nguyện.

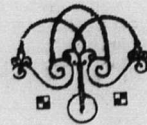
Về mùa hạ, đang ở trong tòa nhà mát mẻ mà ra ngoài phố nóng-bức hay đang ở ngoài phố nóng-bức mà bước vào trong tòa nhà mát mẻ, cũng không sợ mắc chứng sung-huyết hay tích-huyết gì.

Ta nên nhớ rằng: Điều-khiển không-khí một nhà máy hay một tòa nhà đồ-sộ, cần phải dùng nhiều nước. Có phương-pháp để cho nước chảy đi rồi lại cho vận-hồi, lại có phương-pháp chỉ cho nước chảy qua một lần thôi; cho nên máy điều-khiển tiêu-thụ nhiều nước lắm (một hãng buôn lớn cần hàng ngày đến gần 8.000 thước khối nước).

Lắm thành-phố lấy làm hoảng, vì thấy tiêu-thụ quá nhiều nước.

Về phương-diện khí-hậu, con người ta đã chiếm được một phần quyền nhỏ của tạo-hóa.

NGUYỄN-VĂN-PHÚC







## Đồ đồng - thanh Thanh-Hóa

**Đ**ồ đồng - thanh là một loại đồ sứ, men xanh nhạt, màu hồ thủy, do người Tàu làm ra, trong tỉnh Triết-Giang, từ đời nhà Tống (960-1279), nhà Nguyên (1279-1368). Đến đời nhà Minh cũng còn làm, nhưng không được người ta chuộng lắm, như đồ làm về đời Tống.

Đồ đồng - thanh sở dĩ được người ta chuộng là vì men đẹp, đất nặn lọc kỹ, chăm vẽ khéo, và hình dáng lại tao nhã. Nhưng ta cũng nên nói ngay là vì đồ đồng-thanh rất hiếm; cái gì hiếm cũng quý.

Đất dùng làm đồ đồng - thanh là một thứ đất sét rất mịn, luyện kỹ và lên rất chặt, gõ kêu như tiếng chuông.

Men thì trong và bóng, trát dày, có chỗ dày đến một li (0m001). Đất dùng để làm đồ đồng-thanh lúc ban đầu là một thứ đất sét hung hung đỏ, vì có nhiều chất sắt; cho nên men phủ phải trắng dày để che kín màu đỏ đi.

Sắc men là một thứ màu xanh nhạt; người ta ví như màu lá đào non, màu hồ-thủy, hay màu nước biển; có thứ trắng trắng xám nhạt như màu da trời. Có hai thứ men: men trơn và men rạn.

Nét vẽ là những hoa lá, con giống, thường là chim, cá, ech, khắc sâu vào đất hay chạm nổi lên trên; men xanh phủ kín.

nom như ngọc thạch; thành thử đồ đồng thanh là một đồ sứ xanh xanh, đồng màu; chỉ những nét vẽ nổi rõ lên được là vì men chỗ này đậm hơn hay nhạt hơn.

Hoa lá phủ kín cả lòng bát đĩa, hay chia ra từng ngăn, từng ô. Hoa lá có nhiều kiểu; phần nhiều là kiểu liên chi.

Có cái có những vòng cánh hoa, vòng nọ trùm vòng kia, phủ kín đều đặn cả lòng đĩa.

Có cái thì trơn, tuột, ở giữa đáy có một con cá hay con ech.

Có cái không có hoa lá gì, chỉ có thành khía dọc nhỏ, đều nhau từ trên xuống dưới.

Lợi bát lợi đĩa thì hoặc trơn hoặc khía hình lá sồi.

Nói tóm lại, các đặc điểm của đồ sứ đồng-thanh là men xanh nhạt, trong và dày, đất lên chặt, dãn và nặng, gõ kêu như chuông.

Nhà Bảo-tàng Hà-nội của Trường Viễn-đông-Bác-cổ có nhiều đồ đồng-thanh như: lọ hoa, ấm pha chè, liễn đựng canh, và nhất là bát, đĩa.

Người Tàu gọi đồ sứ đồng-thanh là long-tuyền đao (hay là long-tuyền điện).



Đồ đồng-thanh Thanh-Hóa

nghĩa là đồ sứ ở Long - Tuyền, tên một thị trấn thuộc tỉnh Triết - Giang, nơi sản xuất loại đồ sứ ấy. Họ cũng còn gọi là đồ thanh-từ nữa, nghĩa là đồ sứ xanh.

Người Tây gọi đồ đồng-thanh là céladon, lấy màu áo của chàng Céladon, một nhân vật trong truyện Astrée của Honoré d'Urfé về thế-kỷ XVII.

Nguyên là về thế-kỷ XVII, Honoré d'Urfé có làm ra pho tiểu thuyết nổi danh nhan đề *Astrée*; nhân vật trong truyện có những chàng chăn dê, mỗi chàng mặc một thứ áo màu; những màu khác nhau, nhưng màu nào cũng là màu nhạt và êm dịu cả.

Áo chàng Céladon thì màu xanh lá mạ, được nhiều người ưa chuộng. Giữa lúc tiểu thuyết này được người ta tán thưởng, thì công-ty An-Đồ, mới lập thành ở huân hóa với phương pháp, đem những đồ

đồng-thanh về, mà màu men đồ sứ này lại giống như màu áo của chàng Céladon; người ta liền gọi loại đồ sứ ấy là céladon; thành thử tiếng céladon nguyên là tên người, rồi thành tên màu, sau thành tên một loại đồ sứ.

Ta gọi loại đồ sứ ấy là đồng-thanh; có lẽ vì những đồ sứ màu xanh, mà do phương đồng đưa lại, nghĩa là do đường bê đưa lại mà Thanh-Hóa thì giáp bề về phía đông.

Như trên kia đã nói, đồ sứ đồng-thanh nguyên là đồ sứ của người Tàu làm ra đầu tiên, trong tỉnh Triết-Giang về đời nhà Tống (960-1279).

Đến đời nhà Nguyên (1279-1368) và đời nhà Minh (1368-1643), cũng có làm. Men đời Tống sẫm hơn men đời sau.

Nhật-Bản và Ba-Tur cũng bắt chước Tàu làm loại sứ đồng-thanh; nhưng sứ đồng-thanh của Tàu, gọi là long-tuyền đao, vẫn là đồ sứ quý hơn cả.

Người Ba-Tur và người Thổ-Nhĩ-Kỳ tin rằng men đồng-thanh có cái đặc tính làm cho biết đồ ăn đồ uống có chất độc; đựng trong bát đĩa đồng-thanh thì chất độc hiện ra ngay.

Cứ trông bề ngoài thì khó mà phân biệt được đồ đời Tống, đời Nguyên với đời Minh.

Theo nhà bác-học Grandidier, chuyên khảo về đồ sứ Tàu, thì có một cách phân biệt được dễ dàng. Hai thứ đều có men phủ kín cả. Nhưng thứ đời Tống thì chân bát, chân đĩa có một vòng không có men phủ; vòng này màu hung hung đỏ, vì trong đất có chất sắt; khi nung, bị lửa nóng làm chảy chất sắt ấy ra. Bát đĩa làm về đời Minh, thì không có vòng ấy, có men phủ kín hết.

Ở Việt-Nam cũng có đồ sứ đồng-thanh phần nhiều đạo được ở dưới đất, nhất là về vùng Thanh-Hóa.

Cách đây hơn hai chục năm, nhân xây đập Bái-Thượng, nhân viên số Công-Chính đào đất có thấy nhiều bát, đĩa, lọ hoa, về loại đồng-thanh, hoặc còn nguyên, hoặc vỡ thành mảnh, cùng với những đồ bằng đồng, như tiền trinh, mũi gươm, mũi mác, thanh kiếm và trống đồng cổ.

Sau đấy, Trường Viễn-Đông Bác-Cổ tổ chức những cuộc-khảo-sát, cho đào nhiều nơi trong tỉnh Thanh-Hóa thì, từ miền gần bề cho chí nội địa, đã tìm được rất nhiều những thứ như trên, lại thêm những ngôi mộ cổ xây bằng gạch nưa. Trong những thứ tìm được, có rất nhiều đĩa, bát, lọ về loại đồng-thanh, mà thứ cũ nhất là loại đồng-thanh đời Tống. Đất dùng để làm cũng dần chắc, men cũng xanh xanh, kiểu vẽ và chạm trổ cũng giống như đồ đồng-thanh ở bên Tàu.

Nay ta xét xem tại sao ở Thanh-Hóa có lắm những đồ đồng-thanh như vậy. Ở bên Tàu đem sang, hay là đã được làm tại chỗ?

Ta biết rằng về thời Bắc thuộc, tỉnh Thanh-Hóa là quận-ly của quận Cửu Chân, là nơi quân Tàu đóng lâu đời. Vì thế mà di tích người Tàu còn lại nhiều lắm. Việc giao dịch giữa dân tộc Việt-Nam với người Trung-Hoa tất là rất thịnh. Các hàng hóa đem từ Tàu sang ta, trước là đồ quan quân Tàu dùng, sau là đồ bán cho ta, tất phải nhiều. Trong những thứ ở Tàu đem sang, lẽ dĩ nhiên là có đồ đồng và đồ sứ đồng-thanh. Trong vòng hơn nghìn năm Bắc thuộc, đã có bao nhiêu cơn binh hỏa do người Việt khởi nghĩa để đánh đuổi quân xâm lăng. Trong những cơn binh hỏa ấy, quân Tàu cũng như dân Việt có vật gì quý thì tất phải tìm cách đem chôn, đem giấu; song vì loạn lạc luôn, lắm đồ chôn giấu như thế bị thất lạc. Một phần những vật ngày nay đào được ắt là những vật chôn giấu ấy còn lại. Mà những đồ sứ đồng-thanh tìm được

ở Thanh-Hóa tất nhiên là có thứ ở Tàu đem sang.

Nhưng ở Thanh-Hóa, người ta đã đào được, không những đồ sứ đồng-thanh còn nguyên lành, hay vỡ mảnh, người ta còn tìm thấy rất nhiều những mảnh tròn bát, tròn đĩa loại đồng-thanh, chồng lên nhau và dính chặt vào nhau vì men chảy, như ta thường thấy ở các lò bát bấy giờ. Những mảnh này tất phải là những đĩa bát vì nung nấu hư hỏng, ở những lò thiết lập tại chỗ mà ra; chứ hẳn không phải từ bên Tàu đem sang; vì lẽ rất giản dị là không ai mang những mảnh bát đĩa vỡ như thế từ Tàu sang đây làm gì.

Xét lịch-sử, thì về thế kỷ XI, kinh đô nước Tàu đóng ở phủ Khai-Phong. Đến năm 1138, vì có loạn rợ Kim, kinh đô phải chuyển xuống phía Nam và đóng ở Hàng-Châu. Ở đấy, thợ làm đồ sành đồ sứ xây lò để làm những đồ sứ hảo hạng cho nhà vua dùng; đồ sứ này gọi là quan-giao (bày quan điều)? Đến khi nhà Tống mất, nhà Nguyên lên thay, có nhiều người không phục tùng nhà Nguyên mà họ coi là bọn xâm lược, bèn tản cư đi các nước lân cận. Thanh-Hóa là nơi có nhiều người Tàu ở, thì tất nhiên có nhiều người Tàu sang ta lánh nạn, mà trong bọn người di cư này tất có những đồ thợ làm đồ sứ ở Hàng-Châu. Sang đến Thanh-Hóa, họ đem nghệ-thuật thông truyền của họ ra để làm đồ sứ như xưa, và truyền bá trong dân bản xứ.

Có thể thì ta mới hiểu được tại sao ở đất Thanh-Hóa có lắm đồ đồng-thanh, có lắm những mảnh tròn bát đĩa đồng-thanh như trên kia đã nói.

Và lại, trong những đĩa bát tìm được ở đất Thanh-Hóa, ta còn thấy những bát đĩa có đặc điểm riêng; mà đồ đồng-thanh ở Tàu không có.

Thật vậy, người ta đã đào được những cái bát hình hoa sen nở; thành bát khía dọc phư hình những cánh sen

dài và hẹp; phần dưới những cánh đó chụm lại với nhau, mà phần trên thì sò ra, trông giống bông hoa sen.

Khi chạm trổ hoa sen như thế, trong nền mỹ-thuật Tàu ít thấy; trái lại kiểu ấy là một kiểu rất thông thường trong nền mỹ-thuật Ấn-Độ, và mỹ-thuật Chiêm-Thành; ai cũng biết mỹ-thuật Chiêm-Thành đã chịu ảnh hưởng nhiều của nền mỹ-thuật Ấn-Độ.

Khi nước Việt-Nam còn đang bị Tàu đô hộ, thì nước Chiêm-Thành, một nước gần với Thanh-Hóa lúc bấy giờ, đã có một nền văn-hóa phồn thịnh. Vậy thì những bát đĩa hình hoa sen nở, theo kiểu mỹ-thuật Chiêm-Thành tìm được ở Thanh-Hóa, có thể là những bát đĩa làm ngay tại chỗ.

Và lại, Thanh-Hóa có rất nhiều đất sét hạng tốt, nhất là về phủ Quảng-Hóa; cho

nên ngày nay, kỹ-nghệ đồ gốm ở Thanh-Hóa rất thịnh đạt.

Đồ đồng-thanh tìm được phần nhiều đã thấy ở huyện Nông-Cống, huyện Hoàng-Hóa, huyện Quảng-Xương và phủ Tĩnh-Gia, mà bát với đĩa chiếm phần lớn.

Những vật đó hình dáng đơn sơ; không có những thứ to như trong đồ đồng-thanh Tàu; ở nhà Bảo-tàng của Trường Viễn-Đông Bác-Cổ, hạng to nhất là hai cái đĩa, một cái do được 0m325 và một cái do được 0m215 bề kính.

Những điều nhận xét này gồm với những mảnh tròn bát tròn đĩa, và những bát kiểu hoa sen đã nói ở trên kia, có thể là những bằng chứng cho ta nói được rằng nhiều đồ đồng-thanh đào được ở đất Thanh-Hóa, là do những lò xây dựng ở đây sản xuất, và do thợ Tàu, hay thợ người Việt, được thợ Tàu dạy bảo, làm ra.  
SỞ BẢO-TÒN CỔ-TÍCH

## Lược - khảo về đình ở Bắc-Việt

*Các nhà văn đã tốn nhiều giấy mực, để khảo sát những vấn-đề liên-quan đến các ngôi đình tại xã thôn. Nào sự cúng - lễ, khảo-vọng, nào hương-tục, nào thể-lệ cải-lương..., biết bao nhiêu việc đã khiến người ta nhắc-nhở đến chốn đình trung. Kể tri thức lại không ngại bản-đến việc bái bô các ngôi đình, để dùng làm trụ-sở hành-chính hay chuyên-môn... Hơn nữa, hiện nay, nhiều trường tiểu-học và nhất là hương-học đã được đặt ở ngay các đình làng. Bởi vậy, thiết-lưỡng ta cũng nên hiểu biết nguyên-do của các công-trình kiến-trúc cổ-kính kia...*

L.T.S.

Ở nước Việt-Nam, làng là tổ chức căn-bản quốc-gia.

Làng ở Việt-Nam cũng giống như làng ở các nước, là một nhóm người tụ họp cùng nhau, chung sống cùng nhau, trong một khoảng đất rộng hẹp tùy nơi, để mưu việc làm ăn sinh sống cho được thuận

tiện, và để luật-lệ của Chính-phủ ban-bố được thi-hành dễ dàng.

Làng ở nước ta chỉ khác làng ở các nơi ở chỗ thêm có những dây liên lạc tinh thần, kết nhóm người ấy thành một khối chặt chẽ.



Một trong những dây liên lạc mật thiết ấy là ngôi đình, và việc thờ cúng ở đình một vị thần chung cho toàn dân: vị thần thành-hoàng. Vị lòng tôn kính, dân thường xưng hô vị thần là đức thánh, đức đại-vương.

Dân tộc ta là một dân tộc giàu lòng tin ngưỡng, và thờ cúng các vị thần, từ các vị hung đến các vị thiện; vị nào ta cũng tin là có ảnh hưởng đến đời sống của người; cho nên vị nào ta cũng thờ.

Những nơi ta lập ra để thờ cúng các vị thần thì nhiều lắm; chỗ nào cũng có: trong làng, ngoài đồng, vệ đường, gốc cây, bờ sông, chân núi; to nhỏ đủ hạng, từ những đền đài đồ sộ nguy nga, cây cối um tùm, sân vườn rộng rãi, cho chỉ một bệ gạch xây ngay bên đường, một cái bàn đặt trong hốc cây. Nhưng không nơi nào được dân làng quyền uyển và tôn kính bằng ngôi đình.

Đình không những là nơi thường trụ của vị thần thành-hoàng, là nơi dân làng cử hành những lễ nghi thờ cúng vị thần; đình còn là nơi tập trung đời sinh sống của toàn dân; là nơi dân làng hội họp để giải quyết mọi vấn đề hành chính, tư pháp, nói tóm lại, tất cả những vấn đề có liên quan mật thiết đến vận mệnh của toàn dân. Vì thế mà đình, dù to dù nhỏ vẫn được dân làng coi là chốn tôn nghiêm. Ai bước chân vào đình cũng phải chít khăn, mặc áo chỉnh tề và có lòng kính cẩn, trai khiết. Những người « ụt tạp », như đã ăn hành, ăn tỏi, những người có tang chế, đều không được vào đình, không dám vào đình. Những người vì công việc làm ăn phải đi xa làng lúc nào cũng tưởng nhớ đến làng, đến đình; dù nghèo dù giàu, vẫn lo làng gửi tiền về đình góp với làng, gửi lễ vật về cúng thần. Mỗi khi họ về được làng, điều thứ nhất là sửa sửa lễ vật đem ra đình làm lễ.

Đình có từ bao giờ? Mà sao lại gọi là đình?

Chữ đình 庭 không sách nào có nghĩa là nơi thờ cúng, mà chỉ có nghĩa là nơi dừng lại, nơi nghỉ chân. Duy chỉ nước Việt-Nam ta có đình là nơi thờ cúng, mà là nơi thờ cúng vị thần thành-hoàng; còn không nước nào có, kể cả nước Tàu, là nước ta đã chịu ảnh hưởng văn-hóa đã mấy ngàn năm.

Ta hãy cùng nhau tìm một giả thuyết. Xưa kia, nhà vua, tuy có cung điện để thiết triều, xét xử việc nước, nhưng thường đi tuần du các nơi, đến tận các làng để xem xét tình hình dân chúng, săn sóc dân chúng, khuyên bảo dân chúng. Mỗi cuộc tuần du như thế kéo dài hàng tháng hàng năm, có các quan và lính tráng đi hộ giá. Để có chỗ vua dừng lại nghỉ ngơi và làm việc, mỗi làng làm một tòa nhà khá to rộng để đón rước vua. Tòa nhà đó gọi là đình, là nơi nhà vua dừng lại, nghỉ lại. Về sau, nước càng mở rộng, công việc trị dân mỗi ngày phiền phức hơn, nhà vua không thể đi tuần du như trước nữa; thành thử ngôi đình làm ra để đón rước vua, phải bỏ không.

Về phần dân, đã quen được nhà vua trông nom săn sóc, không được vua tiếp xúc đến nữa, lòng không khỏi hoang mang, sao nhãng, mà vì đây để sinh làm điều bất chính bất trung. Để phòng ngừa mọi việc không hay, và nhân thấy dân chúng thờ lạy vị thần, cả những vị không chính đáng, nhà vua bèn nghĩ đến chính việc thờ cúng của dân, cho dân chọn lấy vị thần địa-phương tôn lên làm thần thành-hoàng, và cho dân lấy ngôi đình bỏ không kia làm nơi tế tự.

Chính sách ấy là một chính sách rất mẫu nhiệm để giữ dân; vắng vua thì đã có thần, thường trú ở đình, để trông nom săn sóc dân; dân đã có thần phủ hộ độ trì, có thể an cư lạc nghiệp. Lòng tin

ngưỡng của dân lại được thỏa mãn; thật là lưỡng lợi.

Từ đấy, đình thành ra nơi tế tự chung của dân làng; vị thần tôn thờ ở đình được dân qui trọng, mến phục như xưa vậy. Lễ nghi tế thần cũng phỏng theo lễ nghi triều đình; khi tế lễ thần, quan viên cũng mũ áo, hia ủng như các quan châu vua; trai tráng cũng mặc nhung phục, cầm vũ khí như lính thị-vệ đứng hầu vua khi thiết triều. Những tự khí ở đình, như kiệu, võng, tàn quạt, cờ biển, lễ bộ, bát bửu, cũng là những đồ phỏng theo các đồ bài trí trong cung điện nhà vua. Nhà vua dùng cờ mao tiết để biểu hiệu uy quyền, thì dân cũng biểu hiệu thần quyền bằng cờ mao tiết.

Trên đây chỉ là một giả thuyết; không khỏi có người cho là giả thuyết táo bạo.

Nhưng chúng tôi còn nhận thấy điều này nữa, nó phù hợp với các điều đã kể trên, để củng cố thuyết ngôi đình là nơi vua dừng chân, vua nghỉ, thành ngôi đình là nơi thờ thần thành hoàng.

Trong đình nào ta cũng thấy một bức hoành phi treo gian giữa, ngay trên ban thờ thần. Hoành phi sơn son thiếp vàng, khắc bốn chữ « Thỉnh cung vạn tuế » 聖恭萬歲

Bốn chữ này là câu khẩu hiệu mà dân chúng đồng thanh hô to để hoan hô nhà vua khi nhà vua tới. hay là khắc vào biển đề thờ vọng nhà vua, khi nhà vua vắng, mà cũng chỉ được dùng đối với nhà vua thôi. Thế mà ngày nay, vua không đến làng nữa, biển khắc bốn chữ ấy vẫn còn thấy ở đình đề thờ thần, nghĩa là vị được vua phong cho làm thành hoàng, để

thay mặt vua, trông nom coi sóc dân. Dân coi vua là thiêa tử, là đấng thụ thiên vĩnh mệnh, để chăn nuôi dân; dân tôn trọng thần cũng như vua; vì thế mà dân nói đến vị thần, thường dùng tiếng

« đức đại vương », « đức thánh », và thường ví hương đảng là tiêu triều đình. Không một vị thần nào được dân tôn thờ bằng vị thần thành hoàng. « Thần thành-hoàng trông nom săn sóc dân, về mặt tinh thần, cũng như các nhà cầm quyền trông nom dân về vật chất. Ngài là vị đại diện của Ngọc-Hoàng thượng-đế; Ngài là tiêu biểu rõ rệt tất cả những kỷ niệm chung, những nguyện vọng chung của dân; Ngài là tôn chỉ, là mẫu mực, là luân thường đạo lý; Ngài còn là một uy quyền tối cao để thường người hay và để phạt kẻ dốt. Trong dân làng ai « theo đúng tôn chỉ, mẫu mực của Ngài, thì Ngài phủ hộ độ trì cho; ai ăn ở trái thì Ngài phạt. Nói tóm lại, Ngài tiêu biểu một uy quyền tối cao, mà cái uy quyền ấy thì gốc ở lòng dân. Ngài là sợi dây liên lạc, ràng buộc mọi người trong dân xã cùng nhau, « kết thành một khối, thành một cá nhân luân lý (vô hình), mà bao nhiêu đặc tính đều ở trong mọi người ».

Giả thuyết trên đây chúng tôi lập ra là căn cứ vào những điều trông thấy và suy luận.

Nay ta xem đình là thế nào, kiến trúc ra sao, và có những gì, mà cũng chỉ nói về đình ở trung-châu Bắc-Việt thôi.

Đình là một tòa nhà rộng rãi, có đủ chỗ để bày ban thờ thần, chừa tự khí, và để dân làng hội họp khi có tế lễ, hay có việc công. Đình thường lập lên xa nơi nhà ở, và xây hình chữ thượng 上, viết theo lối cổ vắn; có người gọi nôm là hình chười vò. Nhà dọc là nơi đặt ban thờ, gọi là cung cấm; nhà ngang là nơi hội họp, gọi là đình trong; cách một cái sân hẹp đến một ngôi nhà nữa, chạy dài song song với đình trong, gọi là tiền tế. Khi tế thần, hương chức đứng ở ngôi nhà này.

Sau đến hai dãy nhà chạy dọc, làm hai bên sân trước tiền tế, độ 5, 7 gian, hay dài hơn, tùy đình to nhỏ, gọi là hành lang, hay tả vù hữu vù, để làm nơi sửa soạn đồ cúng tế, làm thịt trâu, thịt bò, làm gà, làm lợn thịt xôi, nấu cơm, đặt cỗ bàn để ăn ở đình, đều là các công việc sửa soạn ở đây.

Ngoài cùng sân, từ đầu hồi hành lang bên này sang đầu hồi hành lang bên kia, thì xây hoặc một cửa tam-quan, hoặc hai hay bốn cột trụ, có tường xây kín, trừ khoảng giữa để làm cửa; cửa này thường để mở.

Trong cung cấm là nơi thờ thần, có tượng, ngai hay ý, phủ vóc lụa điều, trên đặt mũ miện, dưới đặt đôi hia. Một cái hộp sơn son thiếp vàng đựng những sắc nhà vua phong cho thần, gọi là hòm sắc, cũng bày ở đây, ngay trước tượng hay ngai, để biểu hiệu Ngai. Cung cấm ngày thường đóng kín, chỉ những ngày lễ mới mở cửa thông ra giữa ngoài. Chỉ mình ông cai đám, hay thủ từ, được vào cung này; cho nên gọi là cung cấm.

Ở đình trong, nơi gian giữa, ngay chỗ cung cấm ra, thì đặt những hương án, bằng gỗ chạm trổ, sơn son thiếp vàng, trên bày nào là bình hương, đèn nến, đôi rượu, lọ hoa, v. v., hai bên cấm những lọng, tán, cờ, quạt, lỗ bộ, bát bửu, v. v.

Những gian hai bên có bệ xây gạch hay bực đóng ván, cao hơn mặt đất độ 50, 60 phân. Bệ hay bực giải chiếu là nơi các bộ lão và quan viên ngồi, trong những ngày tế lễ hay hội họp.

Ở tiền tế, thì gian giữa là nơi quan viên đứng tế; hai bên bệ dùng làm nơi dân làng hội họp khi có việc làng đại lễ.

Đình thờ vị dương thần, thường có một cỗ ngựa bằng gỗ hoặc sơn đỏ (ngựa hồng), hoặc sơn trắng (ngựa bạch), to bằng ngựa

thật, đặt trên một cái khung hình chữ nhật có bốn bánh xe cũng bằng gỗ. Ngựa này để hoặc ở trong đình, hoặc trong một cái nhà con gần đấy gọi là lầu ngựa.

Đình thờ vị âm thần, thường không có ngựa, nhưng có võng, kết bằng sợi gai nhuộm đỏ, gọi là võng đào. Võng mắc vào một đòn chạm đầu rồng đuôi tôm, đặt lên hai cỗ đòn ba chân, trên trùm một mái hình mai lượn, đan bằng mây hay bằng tre.

Ngày đại hội, ngựa thắt yên cương, bàn đạp, thật là đẹp đẽ; võng thì căng riềm lụa, mảnh hoa. Lúc rước thần, thì kiệu đi trước, ngựa hay võng đi sau; ngựa kéo bằng dây tơ đào; mà võng thì thiếu nữ khiêng.

Kiệu là một tự khí cốt yếu, làm hình cái ngai, bằng gỗ chạm trổ và sơn thếp. Khiêng kiệu thì phải 8, 10 hay 12 người. Lúc khiêng thì phải đặt kiệu lên trên một bộ đòn bằng gỗ chạm đầu rồng đuôi tôm, cũng sơn son thiếp vàng. Rước thần bao giờ cũng phải có kiệu.

Nói đến rước, thì ta lại phải nói đến một nơi thờ nữa, có thể cho là nơi đi đôi với đình: ấy là cái *nghe*.

Nguyên ủy cái nghề thế nào thì chưa thấy sách nào nói tới. *Nghe* là nơi hằng năm dân rước thần ra đây để làm lễ; *nghe* là một nền đất có lối đi dễ dàng và đắp cao hơn chung quanh, để ngày mưa khỏi bị ngập, có cỏ mọc và trồng cây to, nhưng trồng hoa màu thì cấm hẳn. Có làng xây trên *nghe* một ban thờ lộ thiên; khi rước đến *nghe* thì dân tế thần trên ban thờ ấy; nhưng phần đông thì không xây gì cả, khi rước đến *nghe*, tế thần ngay trên kiệu. Tế xong lại rước kiệu về đình. Trong nhiều vùng ở Bắc-Việt, như là vùng Hà-Đông và Hưng-Yên, không có *nghe* ở ngoài đồng và lộ thiên như trên.

nhung có một ngôi đền nhỏ lập ngay trong làng, cũng gọi là *nghe*. Khi rước thần, thì đám rước đi từ đình đến đền, xong lại từ đền về đình. Mỗi khi có việc cúng thần không quan trọng mấy, thì dân cúng ngay ở đền này.

### Các vị thần thành-hoàng

Thần thành-hoàng làng, có vị là thiên-thần như đức Tản-Viên sơn-thần ở tỉnh Sơn-Tây, các làng Nhân-Lý, Tiên-Tiên, thuộc huyện Chương-Mỹ, Hà-Đông đều thờ; như vua Đế-Thích, có những làng La-Tràng thuộc huyện Ân-Thị, Hưng-Yên, và làng Nhật-Tảo thuộc huyện Hưng-Nhân, Thái-Bình thờ; có vị là nhân-thần (cũng gọi là phúc thần nữa) nghĩa là một người có công đức to, hay gặp một cơ hội nào, mà khi mất được dân chúng tôn thờ, như ông Lý-Ông-Trọng, được làng Thụy-Phượng thuộc huyện Từ-Liêm, Hà-Đông thờ, anh em đức Trương-Hồng, Trương Hát thuộc làng Nội-Duệ đóng, thuộc huyện Tiên-Du và làng Đỗ-Xá, huyện Võ-Giang Bắc-Ninh thờ.

Một vị quan đã có công đức to với một làng nào, có thể được làng ấy thờ làm thành-hoàng; có người lại được thờ từ lúc còn sống, như cụ Nguyễn-Cần, Tuần-phủ tri-sĩ, người làng Du-Lâm thuộc phủ Từ-Son Bắc-Ninh, vì cụ đã có công lập ra làng Đông-Lâm, thuộc huyện Đông-Triều, Hải-Dương, khi cụ đang làm Bộ-Chính tỉnh Lục-Nam ngày xưa. Chưa có sắc thần thì dân làng xin duệ hiệu hay một tấm ảnh của vị ân nhân đem về đình thờ, rồi hằng năm cúng tế. Tế xong, một phần lễ vật được đưa đến kính bái vị « thần sống ».

Không phải chỉ những bậc vĩ-nhân mới có thể được tôn thờ làm thành-hoàng, mà cũng không cần đã có công nghiệp hiển hách, hay có công đức to với dân chúng, mới được làm thành-hoàng. Có

làng thờ thần ăn trộm, như làng Lộng-Khê, thuộc huyện Phụ-Dực, tỉnh Thái-Bình. Có làng thờ một trẻ bé vì ăn tham nghẹn chết. Ấy là làng Đông-Thôn, thuộc huyện Hoàn-Long, tỉnh Hà-Đông.

Trẻ bé, kẻ trộm trở nên thành-hoàng được, là vì công chúng cho rằng đã chết vào giờ thiêng. Sau đây, chúng tôi sẽ kể một vài thần tích thuộc về loại này. Phần nhiều những thần tích ấy không thấy biên chép ở đâu cả, toàn là khẩu truyền. Có lẽ các làng có chép thần tích đấy, nhưng khi hỏi đến thì người ta giấu, từ chối không cho xem, hoặc nói thần tích thất lạc, hoặc nói đã lâu đời lắm, không nhớ gì cả.

Có làng thờ một hay nhiều vị thần, như làng Nội-Duệ đồng, thuộc huyện Tiên-Du, tỉnh Bắc-Ninh, thờ hai anh em đức Trương-Hồng, Trương-Hát; làng Hát-Môn, thuộc huyện Đan-Phượng, tỉnh Hà-Đông, thờ hai chị em bà Trưng-Trắc, Trưng-Nhị. Trái lại, một vị thần được nhiều làng thờ, như vua Đế-Thích, được làng La-Tràng, thuộc huyện Ân-Thị, tỉnh Hưng-Yên, và làng Nhật-Tảo, thuộc huyện Hưng-Nhân, tỉnh Thái-Bình thờ; thần Tản-Viên cũng được nhiều làng thờ, như làng Nhân-Lý, làng Tiên-Tiên, thuộc huyện Chương-Mỹ tỉnh Hà-Đông và nhiều làng khác nữa trên ngọn sông Đuống.

Trên kia, ta đã nói có những làng như làng Đông-Lâm thờ « thần sống » người đã có công to đức lớn với làng. Lại cũng có những làng mới thành lập, chưa biết thờ vị thần nào, phải xin duệ-hiệu thần mới làng nào đấy, đem về thờ; do đấy mà hai làng giao hiếu với nhau.

Vị lễ đã có làng thì phải có thành-hoàng, mà có thành-hoàng thì phải có vật gì để biểu hiệu Ngai, nên thường làng mới lập sau, nói với làng kia cho một vài đạo sắc của vị thần làng này



đem về thờ; nếu không có sắc thì làng mới sao bản thần tích đem về thờ; dân xã giữ gìn cẩn thận, cũng như tư gia giữ gia-phả vậy.

Khi nhiều làng thờ chung một vị thần giao hiếu với nhau, thì mỗi làng làm lễ kỷ phúc một ngày; đây là nói ngày chính lễ, chứ thường lệ thì lễ kỷ phúc kéo dài mấy ngày liền. Ngày làng này làm lễ chính, thì những làng kia cắt cử người đến để dự lễ; có năm, làng này rước kiệu thần đến làng kia.

Cũng có những làng mới lập, như những làng lập ra trong những đồn điền bây giờ, vì một lý do gì, dân không muốn xin duệ hiệu thần làng khác về thờ, nhưng dân cũng cứ làm đình, rồi thờ vị thổ thần ở đấy.

Xem thế thì ta biết rằng khi một nhóm người đã tụ họp để chung sống cùng nhau, thì họ phải có một vị thần để phụ trợ cho họ.

Được phong làm thành-hoàng, các vị thần phải trông nom săn sóc cho dân xã được an ninh, được thịnh vượng, được sung sướng. Vị nào trông nom cho dân được chu đáo, thì triều đình sẽ tặng hàm phong sắc làm thượng-đẳng thần, trung đẳng thần hay hạ-đẳng thần. Nhà vua đặt ra nhiều hạng như thế là để có vị thần nào xét ra trẻ nãi công việc, như đóng tủng kê gian phi vào ấn núp trong đỉnh, để trong đàn xã nhiều người cùng là trâu bò chết chóc, thì nhà vua giáng phạt.

K.

VINH-SỬ

### My-Nương

Tiếng dậy châu Phong gái má hồng,  
Cầu thân chi thiếu mặt anh-hùng.  
Tơ duyên đã định về non Tản,  
Thù oán đành gieo xuống bể Đông.  
Trách kẻ mua hôn tung ngọn sóng,  
Cùng ai ra sức chần dòng sông.  
Thói đời ghen hão âu là thế!  
Tài sắc cho nên phải hận lòng.

Kỳ-hoa NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC



## MỘT THÁNG TRÊN ĐẤT ANH

Dưới đây, tác giả, — với một ngọn bút linh-dộng, hoạt-tiếp — kể lại cuộc « Tây du » của ông. — nhưng một cuộc Tây-du có tính-cách khoa học, trong đó, bạn đọc sẽ thấy những tài-liệu cụ-thể, chắc-chắn, có thể giúp ích nền văn-hóa nước nhà. L. T. S.

### 1. — Cuộc triển-lãm

BỘ Ngoại-giao Anh đã có nhã ý mời chúng tôi qua thăm Anh-quốc nhân dịp có cuộc Đại-triển-lãm tại nước Anh năm 1951, gọi là Festival of Great Britain mà người ta thường dịch nhầm là Đại-nhạc-hội Anh - quốc. Thật ra tổ-chức này không phải chỉ riêng có Nhạc-hội, mà là một cuộc trưng bày lớn lao chưa từng có của tất cả các bộ mặt nước Anh: khoa học, kinh tế (kỹ nghệ, thương mại, canh nông), quân sự, văn hóa (kịch, nghệ bóng, nhạc và thi), v. v...

Chúng tôi, ba người: ông nguyên Bộ-Trưởng TRẦN-VĂN-TUYỀN, ông Giám-đốc Đài Phát thanh Quốc-Gia NGUYỄN-HỮU-ẤN và tôi, khởi hành từ Sài-gòn sáng ngày 15-8-1951 do máy bay Constellation, chiều hôm sau 16-8 đã tới Luân-Đôn Sáng ngày 17-8, chúng tôi bắt đầu cuộc đi thăm nước Anh, một cuộc du lịch kéo dài 29 ngày trời, để không những biết cuộc Đại-triển-lãm nói trên, mà còn được xem nhiều thứ mới lạ nữa, lên cả miền Bắc, tại xứ Yorkshire là một trong những khu vực kỹ nghệ Anh.

Cuộc Đại-triển-lãm Anh - quốc tổ - chức không những ở kinh thành Luân-đôn mà còn ở rất nhiều tỉnh trên đất Anh, từ Nam chí Bắc, suốt trong 3,4 tháng trời. Đây đủ nhất là ở Luân-đôn, ở phía Nam sông Tamise. Khách ngoại quốc khi mới bước chân đến Luân-đôn đã ngỡ ngay có một cái gì lạ, một thứ gì mới-mé đang tiếp diễn giữa chồn ánh sáng của toàn thế-giới này, khi thấy trên sân máy bay, tại các nhà ga, ở những bến tàu, bao nhiêu chục ngàn người du lịch cũng như mình, từ bốn góc thế-giới đổ dồn lại Festival of Great Britain, Đại-triển-lãm Anh quốc đã được báo hiệu bằng những chữ lộng lẫy của đèn neon treo giữa trời, bằng những tiếng reo xen lẫn âm-nhạc trên các làn sóng điện phát thanh, với những nét đậm kèm tranh ảnh màu sắc trên những trang chính của báo chí, các biểu ngữ, tuyên truyền kêu gọi sự chú ý của mọi người.

Nghệ-thuật trưng bày cũng rất mới mẻ. Đây là nghệ-thuật nguyên-tử với những hình lạ lùng của các nguyên tử khi đã tách ra khỏi

NGUYỄN-VĂN-NGỌC

bản thể của mọi vật, những hình tròn nối nhau từng dãy, đi từ con số 1 đến số trăm, nghìn, vạn, triệu, những hình kỳ quái tưởng như do một bộ óc ở một địa cầu khác sáng chế. « vom nhà phát minh » (Dome of discovery) với mái tròn tựa hình một chiếc đĩa không lồ bằng xi-măng xừng xững trên những cột sắt bắt chéo chồng, đỡ.

Nào, ta hãy thử bước vào « vom nhà phát minh ».

Máy móc của đủ các thứ kỹ nghệ thi nhau chạy, biểu diễn, đây một chiếc máy dệt tài tình chạy bằng điện, kia những động cơ máy bay, từ động cơ thường đến động cơ phản lực; xa hơn nữa là khu vô-tuyến-điện, từ truyền thanh đến điện thoại, điện tín và truyền hình. Có những máy nhận tin tự động, thành những băng giấy có chữ morse; có mấy chiếc gọi là téléprinter không người điều khiển, khi nhận tin đã thành ra chữ nghĩa hẳn hoi. Rồi người phóng-viên báo chí tự bên kia Đại-tây-dương gửi tin về tòa báo, chỉ việc đánh lên một máy chữ, bên này tòa báo có máy chữ khác in sẵn bài vở của phóng-viên trên giấy tờ rồi. Cầm tưởng của khách là: cứ theo đà tiến triển này, hoàn cầu càng ngày càng nhỏ bé. Một điện tín chạy vòng quanh thế-giới mất chưa đến một phút đồng hồ. Người ta kể đến chuyện ông Ness Edwards, Tổng Giám-đốc Nha Bưu-điện Luân-đôn gửi một điện văn vòng quanh thế-giới trở về Luân-đôn cho ông Tomlinson, Tổng-trưởng bộ Quốc-gia Giáo-dục. Điện tín đó đi 33.871 dặm Anh, qua tỉnh Montréal ở Gia-nã-đại, đảo Vancouver, đảo Fanning, tỉnh Sydney ở Úc, về đảo dừa ở Nam-dương, qua Tân-giá-ba, Colombo, Aden, Alexandrie, đảo Malte ở Địa-trung-Hải rồi về Luân-đôn. Tất cả chỉ lâu có 53 giây với 6/10. Khoa học đã vo nhỏ trái địa cầu, tôi nói vo nhỏ với ý nghĩa hình tượng, vì nhờ khoa học, khắp mọi nơi đã có thể nói chuyện với nhau, du lịch để gặp gỡ nhau, chẳng khác nào người một tinh vậy.

Lại còn khu sáng chế vi-trùng học. Thế giới nhỏ li-ti với muôn vạn sinh vật xa lạ, đời với con mắt của phàm trần, thế giới nhỏ li ti đó được trình bày một cách rõ ràng minh bạch. Đây thử thuộc toán - diệu mới phát minh: Pénicilline với những chỏ cây nằm pénéicilline v.v... Phải công nhận ngay rằng nước Anh đã sản xuất được các nhà bác học có công lớn với khoa học thế-giới. Nước Anh phải tự hào đã có những người con như Fleming chẳng hạn, đã tìm ra thứ nằm Pénicilline cứu giúp được bao nhiêu bệnh tật của nhân loại.

Rồi đây là lịch sử của vũ trụ từ khi tạo thiên lập địa, lịch sử của thế giới mệnh mạng lớn gấp ức triệu thế-giới loài người. Với những con toán, với những com-pa vẽ hình và giác, với những ống kính nhân tạo, người ta khám phá ra thế-giới bao la kia, để rồi toan tính chính phục thế-giới ấy: gửi thông điệp cho chị Hằng rồi lại sửa soạn du nguyệt điện. Tất cả lịch sử vĩ đại ấy đều được trình bày trong « Vom nhà phát minh ». Kế phàm trần, người ít học chịu khó đứng xem cũng thấu hiểu cho đến nhà bác học uyên thâm cũng thích ở lại ngắm nghía, vì còn nhiều thứ đáng học hỏi.

Ta đã muốn bước ra khỏi « Vom nhà phát minh » chưa? Không, ta chưa xem hết. Ngoài cô lại, kia còn lịch sử trái đất, trái đất hồi bao nhiêu triệu năm xưa còn là một khối không - khí đầy đặc, dần dần không khí đó nguội trở nên chất nước, người nhả nước có đặc lại thành một lượt vỏ bao bọc khối nước lửa trong lòng. Thế rồi lượt vỏ đó khi xứt nẻ, gây thành những biển thiên mà các cụ gọi là « Long trời lở đất » cỡ gồ lên thành núi, chỗ đẹp xuống thành biển. Có những khu rừng thời thượng thường có khi trái đất xứt nẻ, đó xụp biến thành những đồng cúi không lối. Những đồng cúi đó dần dà chịu sức ép và hấp nóng của lòng đất, biến thành những hầm than mệnh mạng nằm trong vỏ đất. Nay chúng ta lại đào, lại đục

vỏ đất để bới than ấy ra, dùng trong kỹ-nghệ và tranh công cướp quyền con Tạo.

Bây giờ xin mời bạn đi thăm nơi khác. Đây là khu hải ngư. Người ta đã cải nghĩa làm sao một con mực bơi được dưới nước mà không có vây và đuôi như cá. Người ta so sánh con mực như một chiếc tàu có động cơ. Động cơ của con mực đây là bụng mực hút nước vào, rồi từ từ đẩy nước ra do những ống nhỏ và dài, khiến cho mực được tự do đẩy về đằng trước, tiếng Pháp gọi là propulsion mécanique.

Qua khu canh-nông, đây là những cây to lớn kéo bằng tracteur hay những cây nhỏ kéo bằng máy nhỏ như xe mô-tô. Một máy nhỏ này, đắt không hơn một con trâu ở nước nhà, có thể làm đủ việc. Người ta có thể lấp bừa để bừa ruộng, lấp quả lăn để làm đường v.v... Sức độ 2 mã-lực, tiêu thụ dầu sáng hay dầu mazout không nhiều, nuôi nó có lẽ không tốn bằng một con trâu, mà lại không cần một chú mực đóng chân giắt cho nó àu cò. Khi tôi trở về Pháp, tôi đã được xem một cuộc triển lãm sáng chế khác tại Porte de Versailles, Ba-lê. Cũng có những máy cày xinh xinh chạy bằng dầu sáng, có tay lái dễ cầm và điều khiển như tay lái xe mô-tô, người chỉ việc cầm tay lái theo sau như theo con trâu, mà miệng không phải mệt mỏi hỏ: Vất! vất! Nghĩ rằng: tại sao nhà nông Việt-Nam không thử dùng những máy này, trong lúc trâu bò khan hiếm. Sự ruộng đồng lấy lợi chăng? Thì ta cứ làm cho máy một vỏ sắt bên dưới, như kiểu chiến xa lội nước « Crabe » lướt trên bùn, mà hai bên vẫn có bánh chạy với xích sắt và cao-su. E rằng chế độ điện địa ở Bắc-Việt, đồng ruộng phân chia từng sào từng thước hay miếng nhỏ nhỏ, không tiện cho việc dùng máy chẳng? Khó gì, máy này nhỏ làm trong một khoảng đất nhỏ, rải rữa. Và lại chủ nó dùng nó xong, có thể cho mượn, như ta cho mượn trâu. Về việc sửa chữa, có thể lập đề dăng tại mỗi làng

một sườn nhỏ nhỏ, như một hiệu sửa xe đạp hiện thời, với chút ít phụ tùng giũa-d. Hễ muốn là được. Nếu chúng ta muốn cải cách, thì có khó gì. Nhưng ta phải muốn trước đã.

Tôi xin lỗi vì đã đi xa cuộc Đại-triển-lãm Anh - quốc.

Các đợt sóng người văn tràn vào trong khu Triển-lãm. Cách đây mấy ngày, người thăm triển lãm lên tới 1 triệu, nay lên tới 1 triệu hai trăm ngàn, rồi dần dà lên gần triệu rưỡi. Người ta còn được thấy trưng bày những công cuộc Chính-phủ Anh đã thực hiện, để giáo-hóa dân-chúng, nâng cao mực sống của dân: Khu Hòa-Xa với những toa tàu càng ngày càng chạy mau, ca-bin càng ngày càng đẹp, đệm ngồi mỗi ngày mỗi êm, các toa khách-san, toa hút thuốc lá, để làm cho hành-khách quên câu chuyện « Khỏi nhà ra thất nghiệp » mà các cụ ta thường nói, mỗi khi phải bước chân ra đi du-lịch.

Lại còn Khu Học-Chính với những kiểu-mẫu lớp học. Ở bên Anh, người ta đã nghĩ đến việc cho mỗi lớp học của trẻ em một máy radio, và dần dà một máy vô-tuyến thu-hình. Các trẻ em luôn luôn được xem những phim ảnh khoa-học và công việc của thầy giáo nhờ đó được giảm đi nhiều. Nhà Y-Tê Xã-Hội với công cuộc chống các bệnh truyền-nhiễm, tăng thêm sức khỏe của dân, cũng có một chỗ lớn trong Triển-Lãm.

Đứng về phương-diện tuyên-truyền, một cuộc triển-lãm hay, muốn đạt được mục-đích kêu-gọi sự tôn-mộ của dân-chúng, phải linh-hoạt, phải luôn luôn thay đổi với đầy đủ các phương-tiện tuyên-truyền: ảnh, điện ảnh, âm-nhạc, sách vở, báo chí, phát-thanh, v. v... Đề-mục của cuộc triển-lãm phải thay đổi luôn luôn, và phải táo bạo nữa, để chiếu nhu-cầu dân-chúng muốn học hỏi những cái hay, cái mới và lạ. Nếu không linh-hoạt, nếu cuộc triển-lãm buồn tẻ, thì mục-đích không đạt được. Tôi đi thấy sự sinh-hoạt của



nước Anh, không xa-hoa, không phi-phạm, vậy mà Chính-phủ Anh đã bỏ ra những món tiền khổng-lô về công-tác tuyên-truyền. Kỹ-thuật tuyên-truyền ở đây thực là tối tân : không những người ta tổ-chức triển-lãm trên bộ, mà người ta lại còn nghĩ đến triển-lãm dưới nước, với những tầu biển lưu-dộng, đi suốt dọc bờ biển, nay tinh này mai tinh khác, cho công chúng xuống tầu xem. Rồi lại còn những cuộc triển-lãm ở xứ Ecosse, ở các tỉnh Birmingham, Leeds, Bradford, Manchester. Tôi xin kể thí-dụ một cuộc triển-lãm về lịch-sử quốc-dân đại-ngi tại Anh. Triển-lãm này làm trong một khu ở phía bên Tòa nhà Quốc-Hội Anh ở Luân-Đôn. Các biển vẽ không phải là những biển vẽ tầm thường. Người ta đã đắp lên những hình nổi cho linh-hoạt, đèn chiếu vui mắt. Và người ta không bằng lòng để cho triển-lãm ở một sàn gác bình-phẳng. Người ta đã chia ra từng gian phòng, dựng nên một gác nhỏ nhỏ, khiến khán-giả đi lướt qua, theo lối đi một chiều, lúc treo lên bức thạp, có khi treo xuống, lối đi quanh co ngoạn mục. Người ta muốn tránh cho cuộc triển-lãm khỏi buồn tẻ. Luôn luôn xen lẫn các lời giới-thiệu, có âm-nhạc khi cổ-diễn, lúc kim-thời, và người xem không thấy chán.

Bây giờ thì xin Quý-vị thỉnh-giả cùng tôi bước vào thăm các cơ-sở của Nha Thông-Tin Trung-Uơng Anh, tiếng Anh gọi là Central Office of Information, nơi này là bộ óc đã chế tạo ra cái kỹ-thuật tối-tân mà tôi vừa kể. Trong thời chiến-tranh, có một bộ Thông-Tin Anh, nhưng bộ đó bị giải-tán vào tháng ba năm 1946, và chỉ còn lại một Nha Thông-Tin, cơ-quan chuyên-môn không can-thiệp gì đến các việc chính-trị. Bộ nào trong Chính-phủ muốn gì, cần gì trong việc cổ-động, muốn giải-thích công việc làm của mình, hoặc kêu gọi sự hợp-tác của dân trong

một chương-trình nhà-định, cứ việc gọi đến Nha Thông-Tin, và cho biết mục-dịch việc cổ-động, cho đường lối chung phải theo. Nha Thông-Tin sẽ khiến các nhà chuyên-môn của mình thi-hành công-động cổ-động đó.

Tôi xin kể ra đây một vài thí-dụ. Nếu chẳng may trong nước thầy phát hiện bệnh dịch xươg yết-hầu, công cuộc chống bệnh thuộc về thẩm quyền của Bộ Y-Tê. Nhưng muốn chống bệnh-dịch có hiệu quả, cần phải có sự hợp-tác của dân. Bộ Y-Tê liền liên-lạc với Nha Thông-Tin, giải-bày ý-định của mình : cần giải-thích cho quốc-dân rõ thế nào là bệnh xươg yết-hầu, làm thế nào ngăn ngừa được bệnh ? Nếu mắc phải bệnh, phải làm thế nào để chữa và ngăn cho bệnh khỏi lây sang người khác. Nha Thông-Tin hiểu ý-định đó, vẽ lại một chương-trình cổ-động và tuyên-truyền với những phương-tiện chuyên-môn của mình. Và Nha Thông-Tin lại lập một dự-án chi tiêu, nói nôm na là một bảng khai giá, gửi đến Bộ Y-Tê. Bộ Y-tê xét lại một lượt, thêm hoặc bớt số tiền dự-trù, rồi đem dự-án ra bàn ở Hội-Đống Nội-Các.

Đền ngày Quốc-Hội nhóm họp, Bộ Y-Tê đem trình bày ngân-sách đó trước Quốc-Hội. Khi đã được Quốc Hội chuẩn ý, Bộ Y-Tê liền báo tin cho Nha Thông Tin để tiến hành công việc, nhưng Bộ Y-Tê vẫn chịu trách nhiệm về việc này trước Quốc Hội.

Tôi lại xin kể một thí dụ thứ hai nữa, Nước Anh cần xuất cảng nhiều, để cho có nhiều ngoại tệ, giữ vững mực thàng bằng kinh-tê. Sản xuất thêm được một tầm vải, thêm được một cái máy và đem bán ra ngoài, tức là có thể mua vào được từng này cần rhyt, từng này cần bơ cho nhân-dân dùng. Bộ Sản Xuất Kỹ Nghệ lo nghĩ, làm thế nào kêu gọi được đồng-bào hợp tác trong việc

này. Bộ liên nghĩ đến Nha Thông-Tin, nhờ Nha này dự thảo một chương trình. Thế thức làm việc lại cũng giống như trên.

Hiện nay, kỹ-nghệ dẹt len đang thiếu nhân công. Công việc của Nha Thông-Tin là gửi các đoàn tuyên truyền lưu động với các xe ca có máy radio hay máy chiếu bóng, kèm với những người diễn thuyết, đi đến các nơi giải thích cho dân các làng những điều lợi về việc ghi tên vào làm trong các xưởng dẹt. Lại nói chuyện về Bộ Canh-

Nông. Nềv Bộ này cần sản xuất các phim tham khảo để chiêu cho học trò xem về cách trồng cây, cách cấy bừa, v.v., Bộ này liền xin phép Quốc Hội tiêu một số tiền cần thiết. Sau khi được phép rồi, Bộ giao cho Nha Thông-Tin. Nha Thông-Tin có riêng một sở sản xuất phim, lấy tên là Crown's Film Unit. Sở này có nhiệm vụ sản xuất tất cả các phim về tuyên truyền, các phim giáo dục và tham khảo, tùy theo nhu cầu của Chính-Phủ.

(Ký sau đăng tiếp)

## Tổ-chức Văn-hóa Liên-hiệp-quốc

ĐẠI Hội-Nghị thứ 6 UNESCO họp tại Ba-Lê từ 18 tháng 6 đến 11 tháng 7 năm nay đã chấp nhận nước Việt-Nam làm hội-viên tổ-chức đó. Đại-Biểu Việt-Nam tham dự Hội-nghị ấy là ngài Nguyễn-thành-Giung, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục. Đáp lại lời phỏng-vấn của một ký-giả ngoại-quốc, ngài đã tuyên-bố : « Với việc gia-nhập vào tổ-chức UNESCO, uy-tin nước Việt-Nam trên trường quốc-tế càng ngày càng tăng tiến, về phương-diện chính-trị cũng như về phương-diện văn-hóa. Về phương-diện chính-trị, đó là một thắng-lợi lớn để tiến tới

Hội-nghị thứ hai giữa các Ủy-Ban Quốc-Gia, của Đông-Nam-Á tại Vọng-Các.

Nếu việc gia-nhập vào UNESCO là một sự thắng-lợi làm về-vang nước Việt-Nam, thời trách-nhiệm của chúng ta đối với L.H.Q. lại thêm phần nặng nề. Vì vậy mới đây, do nghị-định ký ngày 29-9-51, Ngài Thủ-Tướng đã quyết-định thiết-lập một Ủy-Ban Quốc-Gia phụ-trách giúp tổ-chức văn-hóa L. H. Q. Ủy-Ban do Ngài Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục làm Chủ-Tịch có những nhiệm-vụ sau đây :

### HUYỀN-THANH

a) Dựng làm cơ-quan liên-lạc, một bên với Chính-phủ và các tổ-chức Quốc-gia nghiên-cứu về Giáo-dục, Khoa-học và Văn-hóa, một bên với Tổ-chức Văn-hóa L.H.Q.

b) Trình bày với Chính-Phủ ý-kiến về chương-trình của Tổ-Chức Văn-Hóa L.H.Q. và giúp Tổ-Chức này trong việc thực-hiện chương-trình đó.

c) Thi-hành những quyết-định do Tổ-chức Văn-Hóa L.H.Q. hoặc do Chính-Phủ an-định.

d) Đề-trình lên Chính-Phủ những đề- nghị cử Ủy-viên đi tham-dự Hội-nghị Văn-hóa L.H.Q.

e) Truyền-bá lý-tưởng của Hội-nghị Văn-hóa.

Đề đồng-bào hiểu rõ sự hoạt-động của Ủy-ban nói trên đây, chúng tôi thiết-tưởng trước hết phải nói rõ Tờ-Chức Văn-Hóa L.H.Q. là gì, mục-đích và chương-trình của Tờ-Chức đó thế nào.

Sau khi cuộc, chiến-tranh vừa qua làm đảo lộn thế-giới, chúng ta tưởng chừng như xã-hội loài người đã tan-rã. Bên cạnh những cảnh tàn-phá khốc-hại, một mối lo-sợ hãi-hùng còn phảng-phất, thường-lo-sợ hãi-hùng còn phảng-phất, thường-trực ám-ảnh con người. Cảnh-tượng một người bơ-vơ với hai bàn tay trắng, nét mặt rày-vò sợ-hãi, chỉ còn đưa đến thăm-trạng điên-rồ, nếu không có những bộ óc sáng-suốt cương-quyết đặt lên cả mọi sự thử-thách, mọi sự lo-âu, lý-tưởng duy-tri giá-trị tinh-thần của loài người. Những người mang cái trách-nhiệm lớn lao đó đã thảo ra một chương-trình, đã lập ra một tờ-chức. Chương-trình ấy là chương trình xây dựng hòa bình, và tờ-chức ấy gọi là tờ-chức Liên-Hiệp-Quốc.

Con đề tinh-thần của trận đại-chiến L.H.Q. theo đuổi mục-đích duy-tri hòa bình, tái lập trật-tự, đồng-thời gây hạnh-phúc trong nhân loại.

Trong số các cơ-quan chuyên-môn tiêu-biểu cho từng ngành hoạt-động của L.H.Q. có một cơ-quan vô cùng quan-trọng mà theo danh-biểu cũng tỏ rõ tinh-cách tranh-đấu hòa bình và tượng-trưng cho căn-bản tinh-thần nhân loại Chính là Tờ-Chức L.H.Q. Giáo-dục, Khoa-học và Văn-hóa, tiếng Pháp gọi là Organisation des Nations Unies pour l'Éducation, la

Science et la Culture và thường gọi tắt theo tiếng Anh là U.N.E.S.C.O.

Ta tự hỏi từ xưa có cần đến một tờ-chức L.H.Q. mới duy-tri được nền văn-hóa của một quốc-gia không? Dĩ-nhiên, mỗi một quốc-gia có thể có một quan-niệm đặc-biệt về văn-hóa và có thể tự bảo-vệ gia-tài văn-hóa của tổ-tiên. — Nhưng văn-hóa muốn đạt tới tinh-tùy cần phải trau giồi qua sự tiếp-xúc với mọi tư-tưởng ngoài biên-giới một quốc-gia. Tư-tưởng La-mã, tư-tưởng Hy-lạp có gây được ảnh-hưởng mạnh-mẽ tới ngày nay cũng là nhờ ở sự giao-thông nhộn-nhip trên Địa-Trung-Hải. Các luồng tư-tưởng càng lưu-truyền, càng đục chạm lại càng làm văn-hóa thêm phong phú.

Chúng ta chẳng cần nêu ra ở đây một trong những định-luật của tinh-thần: «Mâu thuẫn để ra kiến-thức». Tuy định-luật đó được công-nhận, nhưng trên một thế-giới mà biên-giới quan-thuế cũng những biên-giới thiên-nhiên được đề-phòng nghiêm ngặt, sự giao-rắc lý-tưởng nhân-ái bằng cách khuyến-kích mọi sự tiếp-xúc về văn-hóa không phải là công việc dễ-dàng.

Chính Tờ-chức L.H.Q. Giáo-dục Khoa-học và Văn-hóa có nhiệm-vụ cô-võ sự tiếp-xúc đó. Đến nay, 58 nước đã quay căn trong tờ-chức này. Hiến-chương căn-bản của tờ-chức, ký ngày 16 tháng 11 năm 1945 tại Luân-Đôn, trong khoản đầu tiên nói rõ mục-đích là: «Tờ-chức tham-dự vào việc duy-tri hòa bình, an-ninh dựa vào giáo-dục, khoa-học và văn-hóa, để thắt chặt sự cộng-tác giữa các quốc-gia, cốt đảm-bảo được sự tôn-trọng công-bằng, công-lý, nhân-quyền và các tự-do căn-bản của mọi người do Hiến-chương L.H.Q. công-nhận, không phân-biệt chủng-tộc, nam-nữ, ngôn-ngữ, tôn-giáo...»

Đoàn-kết mọi dân-tộc về phương-diện văn-hóa, đó là công-cuộc vô cùng vĩ-dại

và táo bạo, nếu ta nhận rằng tờ-chức UNESCO phải gặp bao nỗi khó khăn, khi đụng chạm với chủ-quyền các quốc-gia. Thêm vào đó, ngân-sách chưa được rõ ràng. Tuy-nhiên, đến nay, trong khoảng 5 năm tờ-chức đó đạt được nhiều kết-quả về vang.

Chúng tôi không có ý định trình-bày ở đây chi-tiết tờ-chức của cơ-quan UNESCO, nhưng ít nhất để có quan-niệm về tờ-chức đó, cũng phải biết hãy đi tìm chính trong chương trình hoạt-động là:

1. — Giáo-dục,
2. — Khoa-học tinh-xác và thiên-nhiên,
3. — Xã-hội học,
4. — Hoạt-động văn-hóa,
5. — Thông-tin trong quần-chúng,
6. — Trao-đổi dân các nước,
7. — Kiến-thiết và tương-trợ chuyên môn,

Tôi xin phép lần lượt nói qua đại-cương về các ngành hoạt-động trên đây, năm ngành trên giao cho 5 bộ phụ-trách và hai ngành dưới do 2 nha phụ-trách. Ta tạm gọi là 7 ban chuyên-môn của tờ-chức UNESCO.

1) *Giáo-dục*. — Ban Giáo-dục của Tờ-chức UNESCO nghiên-cứu trong phạm-vi L.H.Q. mọi vấn-đề quan trọng liên-hệ tới giáo-dục như: giáo-dục cơ-bản, tráng-niên giáo-dục, soạn sách giáo-khoa, liên-lạc với các trường Đại-học, vấn-đề nhi-đồng, quy-chế giáo-giới. Ngoài ra, do lời yêu-cầu của bất cứ một nước hội-viên nào tờ-chức có thể phái những phái-đoàn tới những nước đó điều-tra hoặc nghiên-cứu một vấn-đề ngay tại chỗ. Năm ngoái, một phái-đoàn đã được gửi sang thăm Phi-Luật-Tân để nghiên-cứu vấn-đề chống nạn mù chữ và tờ-chức bậc tiểu-học; một phái-đoàn khác nhiệm-vụ tương tự, cũng được gửi sang Thái-Lan. Ngoài ra ban Giáo-dục còn tổ-chức tại nhiều nơi những lớp tập-sự, như vừa đây ở tỉnh Mysore bên Ấn-Độ, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

Chính-Phủ Việt-Nam cũng có cử đại-biên là ông Lê-Đặng-Khoa sang dự lớp huấn-luyện này có mục-đích truyền-bá phương-pháp giáo-dục cơ-bản ở thôn quê. Tờ-chức còn trữ-liệu mở 3 lớp huấn-luyện nữa, một lớp mở ở Gia-Nã-Đại chuyên nghiên-cứu phương-pháp dạy địa-lý, một lớp ở Bỉ chú-trọng đến việc dạy sử-ký và một lớp ở Áo về những phương-pháp hướng-dẫn tráng-niên đến sự hiểu-biết L.H.Q.

Ban Giáo-dục, ngoài công việc nghiên-cứu và điều-tra, có khi còn phải hoạt-động một cách thiết-thực hơn, tí dụ bảo-trợ một công cuộc giáo-dục tại một nước, hoặc trợ-cấp một học-giả như vừa rồi, ban Giáo-dục đã giúp đỡ một nhà chuyên-môn Gia-Nã-Đại đang hoàn-thành ở bên Trung-Hoa một khi-cụ dùng để chống nạn mù-chữ ở nước này.

Tóm lại, về phương-diện giáo-dục, Tờ-chức UNESCO chú-trọng đặc-biệt đến hai điều: thứ nhất là giáo-dục cơ-bản, thứ nhì là giáo-dục quần-chúng để làm cho các quốc-gia hiểu-biết lẫn nhau. Hai việc này cũng cần như nhau. Thật vậy, muốn các dân-tộc hiểu lẫn nhau, cố-nhiên phải giáo-huấn hàng ức triệu dân mù-chữ hãy còn là đại-đa-số ở thế-kỷ XX này. Còn gì mỉa-mai hơn nếu trong một xã-hội văn-minh, bên cạnh một nhóm thiểu-số trí-thức biết trao-đổi những tư-tưởng cao-xa, hãy còn tồn-tại đám dân sống âm-thầm trong đêm tối đến lúc chết vẫn chưa được ném thú-vi đọc và viết. Vấn-đề giáo-dục quan-niệm như vậy vượt hạn phạm-vi chuyên-môn mà chính là cả một vấn-đề xã-hội.

## 2) *Khoa-học tinh-xác và thiên-nhiên (Vật-lý-học)*

(*Sciences Exactes et Naturelles*)

Ban khoa-học này trong tờ-chức UNESCO có mục-đích nghiên-cứu mọi cách-thức để các dân-tộc ở mọi từng lớp



trong xã-hội đều có thể được hưởng những sự tiến-bộ của khoa-học và kỹ-thuật. Ai cũng nhận rằng khoa-học là một động-lực biến cải nhân-loại về cả phương-diện kinh-tế và xã-hội, tinh-thần và chính-trị. Cũng vì vậy, tổ chức UNESCO quyết khuyến-kích sự hiểu biết khoa học; một mặt vạch rõ những sự ích lợi của nó, một mặt không quên nhấn mạnh vào trách nhiệm của những nhà khoa-học.

Theo đuổi đích đó, ban khoa-học cố gắng thắt chặt mối liên lạc giữa các nhà bác-học, trợ cấp và giúp đỡ những tổ-chức L.H.Q. khác cũng nhằm một mục đích, như Tổ-chức L.H.Q. Y-tế, Hội-ngiht L.H.Q. Y-học, Hội-ngiht L.H.Q. Kỹ-thuật. Công-tác mật thiết với Hội bảo-trợ Tạo-vật, ban Khoa-học UNESCO đã gây ra một phong trào truyền-bá những phương pháp bảo vệ những nguyên liệu thiên-nhiên.

Ngoài ra, tại nhiều đô thị lớn ở năm châu đã thiết lập những phòng liên-lạc có nhiệm vụ thông tin, trao đổi tài liệu về khoa-học giữa các trường đại-học, các viện khảo-cứu, và các nhà bác-học. Phòng Liên-lạc Khoa-học lớn ở Á-Châu đặt tại Thượng-hải có chi nhánh ở Manille (Phi-Luật-Tân).

Hơn nữa, ban Khoa-học còn tổ-chức những cuộc thám hiểm tại các vùng xa thăm ít người đặt chân tới, mục đích tìm cách khai khẩn các vùng đó, giúp cho dân vùng lân cận có phương tiện sinh sống, vượt những sự cản trở thiên-nhiên.

3) *Xã-hội học*. — Nếu những khoa-học tinh-xác và thiên-nhiên tạo cho người ta một quyền hành lớn để chi phối áp lực tạo hóa, trái lại xã-hội đặt người ta trước trách nhiệm sử dụng quyền hành đó. Vì quyền hành trong tay người để đưa đến sự hỗn loạn nguy hiểm, nếu quyền hành đó không được kiểm chế trong một xã hội có tổ chức.

Do đó, tổ chức UNESCO đã khuyến-kích và trợ giúp những công cuộc của những tổ chức Liên-Hiệp-Quốc chuyên nghiên-cứu xã-hội-học. Ngoài ra, do sáng kiến của tổ chức, ba hội quốc-tế đã thành lập gồm các nhà chuyên môn về kinh-tế-học, xã-hội-học và chính-trị-học. Tổ-chức cố gắng chống lại thành-kiến phân biệt chủng-tộc. Một Ủy-ban thành lập để thảo một tuyên cáo nhấn mạnh vào sự sai lầm của thuyết chủng-tộc. Tuyên-cáo đó dựa vào những lý lẽ hoàn toàn khoa-học. Gần đây, tổ chức lại còn khởi xướng việc nghiên cứu những phương pháp cùng phương tiện hợp tác L.H.Q. giúp sự tiến hành trong các tổ chức L.H.Q. và sẽ giúp rất nhiều tài liệu quý giá cho viện quốc-tế Khoa-học Hành-chính.

4) *Hoạt-động Văn-hóa*. — Văn-hóa là phần then chốt trong chương trình hoạt động của Tổ-chức. Văn-hóa biểu lộ hơn hết cá tính đặc sắc và đặc biệt của mỗi xã-hội. Ở con người ta, bao giờ cũng vẫn có ý chí tự do và sáng tạo. Gây đoàn kết trọng nhân loại không phải là hợp nhất hay san phẳng hết tất cả ý-thức của các dân-tộc, mà chính là phải duy trì cái hiện trạng hỗn tạp đặc sắc đó, đồng thời gây giữa các dân-tộc mối cảm tình hỗ-trợ.

Tổ-chức Văn-hóa L.H.Q. gặt hẳn cường vọng thiết lập một chế-độ chỉ huy L.H.Q. trái lại có kỳ vọng muốn khuyến khích giúp đỡ mọi sự trao đổi tư-tưởng, mở rộng phạm-vi thông tin trong quần chúng.

Theo đuổi mục đích này, Tổ-chức đã làm một công trình vĩ đại, tạm kể một vài việc quan trọng như là :

— Thiết lập ở Bỉ năm 1946 Hội-Đồng L.H.Q. Triết-Học và nhân chủng học ;

— Soạn những bộ sách khảo cứu và liệt-kê âm-nhạc mới và cổ-diễn ;

— Xuất bản tạp chí L.H.Q. Mỹ-thuật và một tạp chí dành riêng cho các thư viện, báo tàng ;

— Triển-lãm luân chuyển hội-họa ;

— Dịch thuật những áng văn-chương tuyệt tác .

Ngoài ra, muốn cho các văn-phẩm được lưu hành một cách rộng rãi, một mặt tổ-chức thiết-lập một cơ-quan trông coi việc trao đổi các ấn-loát phẩm, cho lưu hành ngân phiếu L.H.Q. giúp cho người mua sách báo tạp chí được trả theo giá đồng loạt (cuộc thí-nghiệm đã bắt đầu ở Ý và có kết quả mỹ mãn) ; mặt khác tổ-chức bênh vực quyền trú-tập, đã dự-thảo một quy-trớc L.H.Q. về quyền này.

Ta cũng nên biết rằng Tổ-chức UNESCO đã cho xuất bản, viết bằng ba thứ tiếng Anh, Pháp, Y-Pha-Nho, một cuốn sách nhan đề là : « Khảo-luận về những căn bản đạo-lý của nhân quyền », kèm với cuốn này còn có những mục bản tới quyền được giáo huấn, quyền tự do trước-tác văn-chương và mỹ-thuật, tự do thông tin.

Đặc điểm ta cần nhớ hơn hết là Tổ-chức chú trọng đến quần-chúng hơn là nhóm người ta thường gọi là thượng-lưu trí-thức. Theo quan-niệm của Tổ-chức, những viện bảo tàng, những thư viện không phải là những kho vàng quý giá dành riêng cho thiểu số chuyên môn hay học-giả mà chính là nơi tập hợp dân chúng để trau dồi văn-hóa, không phải một văn-hóa quốc-gia mà là một văn-hóa nhân-loại.

5) *Thông-tin* — Trao đổi người giữa các nước. — Theo mục-đích trao đổi tư-tưởng, giúp cho dân các nước hiểu biết lẫn nhau hơn. Tổ-chức UNESCO can thiệp với các chính-phủ để trợ cấp hoặc giúp cho những việc trao đổi được dễ dàng, một mặt Tổ-chức trì tinh những khoản trợ cấp riêng, chú trọng nhất đến hạng thanh-niên và cần-lao.

Cũng cùng một mục đích đó, việc thông tin trong quần chúng được nghiên

cứu và tổ-chức một cách kỹ lưỡng. Tổ-chức và ấn-hành loại sách riêng nhan đề là « Báo-chí, Truyền-thanh và Phim-ảnh », vì đó chính là 3 lợi-khi tuyên truyền rất hiệu quả trong quần chúng. Ngoài việc nghiên cứu những nhu cầu và tìm cách hoàn hảo ba lợi-khi thông-tin đó. Tổ-chức còn tìm đủ mọi cách để đáp đờ mọi trở-lực trong việc thông tin qua các nước, cố nhiên là vẫn trong phạm-vi văn-hóa, giáo-dục và khoa-học.

6) *Kiến-thiết và trang-trợ chuyên-môn*. — Sau cùng, ta cũng nên biết qua công cuộc kiến-thiết của Tổ-chức văn-hóa L.H.Q. Chiến tranh tàn phá các dân-tộc cả về phương-diện văn-hóa. Tổ-chức nghiên cứu những nhu-cầu về phương-diện này tại các nước bị tàn phá, rồi hoặc trích quỹ riêng giúp, hoặc kêu gọi sự giúp đỡ của các hội-viên. Biết bao nhiêu viện khảo-cứu, thư-viện bị phá hủy nay đã được tái dựng, biết bao nhiêu trẻ em Âu, Á, Phi lạc lõng đã được các nước hoặc cứu mang, hoặc đón tiếp, do sự can thiệp của Tổ-chức. Một hình-ảnh đặc-biệt sau chiến tranh vừa qua, mà cũng do công trình của UNESCO, là hàng trăm xóm trẻ em đã được thiết lập bên Âu - Châu. Đó là những trẻ vô-tội, nạn nhân của chiến tranh, cần được giáo huấn hẳn hoi, cần được săn sóc chu đáo.

Ngoài ra, Tổ-chức UNESCO còn cố gắng về mặt trang-trợ chuyên môn, về phương-diện kỹ-hế nữa. Trang-trợ đây không có nghĩa là giúp tiền, giúp vật liệu, nhưng chính là giúp ý-kiến cho các nước chậm tiến hoặc để khai-khẩn những nguyên-liệu, hoặc để tìm phương-pháp vượt một trở lực thiên nhiên, hoặc thảo giúp cho các nước những chương trình kiến-thiết để có thể theo kịp những sự tiến bộ về kỹ-thuật.

Trên chúng tôi đã phác qua những ngành hoạt động chuyên môn của UNESCO. Như vậy chưa đủ để hiểu công cuộc của Tổ-chức đó, nếu tôi không nói tới nhiệm

vụ hòa-bình, một nhiệm vụ thiêng liêng của UNESCO.

Tổ-chức văn-hóa, giáo-dục và khoa-học L.H.Q. hoạt động đồng thời về ba phương diện: thu thập, trao đổi tài liệu và thông tin; tìm tòi, điều tra, nghiên-cứu giúp mọi người có phương tiện theo kịp đà tiến hóa của nhân loại, và sau cùng là hoạt động trực tiếp gây tình thân ái giữa các nước.

Ba mặt trận đó dùng văn-hóa giáo-dục, và khoa-học làm lợi khi đề nhằm một mục đích chung là hòa bình nhân loại.

Những dân tộc thiết tha ưa chuộng hòa bình đều hoan nghênh công cuộc đó. Cũng như các cơ quan chuyên môn khác trong L.H.Q. như Tổ-chức L.H.Q. Canh-nông, Lương-thực, Tổ-chức L.H.Q. Lao-động và Tổ-chức L.H.Q. Y-tế, Tổ-chức Giáo-dục, Khoa-học và Văn-hóa gặp rất nhiều trở lực, nào là những thành kiến lạc hậu hẹp hòi, nào là những tâm trạng chán nản hoặc bị quan ở một vài nơi, một vài giới. Hầu hết mọi nơi, ảnh hưởng chiến tranh chưa gột sạch, các dân tộc bại trận cũng như các dân tộc chiến thắng đều cảm thấy bất trắc. Nếu lên lý-tưởng hòa bình, an-ninh chưa đủ trong đăm đăm người lạc lõng, ốm đau và nghèo khổ ấy. Muốn cho lý-tưởng đó không phải là danh từ xuông vô hiệu lực, Tổ-chức UNESCO tranh đấu thực hiện lý-tưởng đó hợp với nguyện vọng thiết thực của các dân tộc, như vậy phải quan niệm lý-tưởng hòa-bình thân-ái như một tổng-hợp mọi sự đảm bảo chống tất cả những nỗi bất công, đảm bảo sống đủ no, đảm bảo việc làm, đảm bảo chống bệnh tật, đảm bảo quyền được hưởng những sự tiến bộ của Văn-hóa, giáo dục và khoa học. Nói một cách thiết thực, chúng ta phải công nhận rằng muốn duy trì hòa-bình, cần phải lo cho nhân loại đủ no ấm đã, vì thế đã có Tổ-chức L.H.Q. Lương-thực và Canh-nông. Muốn duy trì hòa bình cũng phải gây cả điều kiện tìm

công ăn việc làm xứng đáng, cho nên đã có Tổ-chức L.H.Q. Lao-động. Muốn duy-trì hòa bình, cũng lại cần có một thân thể cường tráng và tìm đủ mọi phương pháp chống bệnh tật, vì thế đã có tổ chức L.H.Q. Y-tế.

Tổ-chức L.H.Q. Văn-hóa, Giáo-dục và Khoa-học cố nhiên phải liên lạc với các tổ chức đó. Nhưng trong các tổ chức ấy, có lẽ riêng Tổ-chức Văn-hóa có một nhiệm vụ đặc biệt nhất, khó khăn nhất, một phần vì về phương diện này, chưa có sẵn những luật lệ L.H.Q. mà mục tiêu hoạt động lại gần như vô hình. Trong một thế giới mà 2/3 nhân loại chưa biết đọc, biết viết, người ta chưa thể nói, mà không khỏi phải cười mỉa mai đến những lời tuyên bố bình đẳng trước khoa-học; mặc dầu những tuyên cáo, những quyết nghị, cái quyền của người dân được hưởng học tập hãy còn là một đặc ân. Xem như vậy thời phải công nhận rằng UNESCO là một sự cần thiết không thể không có trên thế giới hiện tại.

So với các cường quốc, nước Việt-Nam thân mến ta không có đất đai rộng, không có dân số lớn, không có kỹ nghệ to, nhưng ông cha ta đã để lại một gia tài lịch sử và văn hóa vô cùng phong phú. Với kho tàng quý báu đó, ta chắc chắn rằng một ngày mai, danh tiếng Việt-Nam sẽ vang dội trong Liên-Hiệp-Quốc. Với nghìn năm lịch sử văn-hiến, Việt-Nam đáng được đứng trong hàng ngũ các nước tiên-tuyển thiết tha tranh đấu cho hòa bình, hạnh phúc của nhân loại. Và chúng tôi chắc rằng nhân đó, các dân tộc trên hoàn hải sẽ hiểu biết ta hơn và sẽ thấy rằng Việt-Nam có một nền quốc học đặc sắc, vững vàng, xứng đáng với dĩ vãng hùng cường và nền thống nhất của giang sơn.

HUYỀN - THANH



## Văn-Hóa với Bộ Quốc-gia Giáo-dục Việt-Nam

**N**GHAY nay, hầu hết các nước tân tiến đều hiểu biết công dụng lớn-lao của văn-hóa. Các dân tộc Âu-Mỹ đi tới đâu cũng lập ra những cơ-quan văn-hóa, để truyền bá tư-tưởng như thư-viện, báo chí, điện ảnh, kịch bản, đài phát thanh, học hiệu và giảng đường...

Chinh-phủ Quốc-gia đương xây dựng nền độc-lập sau bao nhiêu cơn giông-tò, lại chẳng nên bồi-bổ văn-hóa, khước-trưng văn-hóa sao?

Vì vậy, do ng. 1-định ngày 23 tháng 5 năm 1951, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã cải-tổ lại, và thiết lập một cơ quan đáng cho ta chú ý: Sở Văn-Hóa Mỹ-Thuat. Chắc các bạn đọc đã tự hỏi: « Sở này tổ chức ra sao, và có những nhiệm vụ gì? » Thì đây, Sở Văn-Hóa Mỹ-Thuat gồm có hai phòng. Thứ nhất là Phòng Văn-Hóa phụ trách các công việc như sau:

- Các vấn đề tổ chức nên học mỹ-thuat.
  - Khuyến khích các ngành nghệ thuật.
  - Tổ chức các cuộc triển lãm.
  - Liên lạc văn-hóa với ngoại quốc.
  - Biên tập, ấn loát các báo chí, sách vở về văn - hóa.
  - Duy trì các thuần phong mỹ tục, chấn hưng ca nhạc.
  - Văn để thư-viện, lưu trữ công văn.
- Thứ nhì là Phòng Tu-Thư đảm nhận các công việc dưới đây:

— Soạn và ấn loát báo chí cùng sách giáo-khoa, đồ bản.

— Kiểm duyệt sách, báo, phim ảnh, vở kịch về phương diện giáo-dục.

Đền đây, các bạn có tính hoài nghi chắc không khỏi mỉm cười mà tự nghĩ: « Chương trình đầy đủ và đẹp để thay! Nhưng liệu có thực hiện được chăng; hay người ta chỉ ưa lý thuyết suông, nêu ra những nguyên tắc hợp lý vững vàng, để rồi không bao giờ áp dụng? ... Phải, từ năm 1945, biết bao chính khách, chịu ảnh hưởng của những phương

pháp ngoại lai giả dối, đã tuyên bố quá nhiều mà chẳng chịu giữ lời; quán chúng đã bao lần bị lừa gạt, nên có

quyền ngờ vực đối với bất cứ một ai, không khác « kinh cung chi điều ».

Hiểu biết như thế, nên trong mấy dòng sau đây, chúng tôi có nhận xét một cách khách quan, xem Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã sửa soạn thế nào, và đã làm được những gì, để thi hành chương trình vừa kể.

Chúng tôi không muốn nhắc lại đây, các công việc văn-hóa của Bộ từ trước tới nay, vì các bạn đã hiểu rõ, nói đến cũng là thừa. Chúng tôi chỉ bàn tới các việc đương làm và sắp làm; vì chúng tôi vừa có nhiệm vụ thông tin, vừa muốn hồ hào và thúc giục, để ai nấy đều tận tụy, trong khi nước nhà

NGUYỄN-ĐÌNH-BỘ





Văn-hóa cũ và mới

đương xây nên đắp móng sánh vai với các cường quốc trên hoàn hải.

Trước hết, Bộ muốn kêu gọi đồng bào để ý đến vấn đề văn-hóa, tham gia các công cuộc văn-hóa, nên đã tru tình những cuộc tiếp xúc quần chúng, trong suốt thời kỳ không quá nóng bức, tức là từ tháng 11 năm 1951 tới tháng 5 năm 1952, Một vài bậc trí thức đã gọi đó là « mùa Văn-hóa » của Bộ. Trong thời gian bảy tháng ấy, ta thấy những buổi diễn thuyết, những giờ nói chuyện ở Đài Phát Thanh, và những cuộc triển lãm tác - phẩm học - sinh...

Bắt đầu từ tháng 11 dương lịch 1951, Bộ tổ chức mỗi tháng một kỳ diễn thuyết về văn-hóa ở Giảng - đường Trường Đại-Học Hà-nội, với các mục đích như sau :

- Nêu cao tinh-thần nền văn-hóa mới, tinh-thần phù hợp với Tồn Quốc-gia Việt-Nam.
- Phổ thông giữa quần chúng các nền nếp cũ và các lý-tưởng mới, để giúp sức công

việc xây dựng một nền văn-hóa hoàn toàn Việt - Nam.

Diễn giả là các nhà trí thức, trong đó có đủ bác-sĩ, nghệ-sĩ, sử-gia, giáo-sư, văn-nhân, thi-sĩ, các bậc cựu học và các vị tân khoa... Các kỳ diễn giả đã được đồng bào nhiệt liệt hoan - nghênh...

Theo lời yêu cầu của Bộ, các diễn-giả đều dùng một thể-văn bình-dị, để phổ biến giữa quốc dân những tài liệu thiết thực về văn-hóa. Diễn đàn ở đây luôn luôn áp dụng ba nguyên tắc : đại chúng hóa, khoa học hóa và dân tộc hóa.

Mỗi tuần lễ, và ngày chủ nhật, Bộ lại tổ chức một buổi phát âm ở Đài Phát-Thanh Quốc-Gia Saigon, và Đài Phát-Thanh địa-phương Hà-nội, để trình bày những vấn đề văn-hóa, và thông cáo những tin tức liên quan đến văn-giới và giáo-giới.

Sau tết Nguyên-Đán, vào dịp đầu xuân, đã có cuộc triển lãm tác-phẩm học-sinh của ba trường chuyên-nghiệp trực thuộc Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, tức là các Trường Kỹ-Nghệ, Mỹ-Nghệ và Trường dạy người mù. Cuộc trưng bày ấy nhằm các mục-tiêu thiết-thực, như :

- Cổ động cho nền tiêu công-nghệ và mỹ-nghệ Việt-Nam.
- Hướng dẫn học-sinh và khuyến khích các nhà tiêu công-nghệ sáng tạo những tác-phẩm phản-ảnh tinh-thần quốc-gia, và tỏ rõ ba hệ điem : độc - lập, thống nhất, tin-tưởng ở chính-sách Quốc-gia.
- Khích lệ các học-sinh có tài hoặc có thiên chi.

Hiện nay, Bộ đương tru-liệu để có thể tổ chức mỗi năm một cuộc triển-lãm mỹ-thuật ở Hà-nội, Huế, hay Sài-gòn.

Đó là các dịp trực tiếp đồng-bào. Nhưng muốn liên lạc một cách sâu-xa với toàn thể quốc-dân, từ Nam chí Bắc, Bộ Quốc-Gia Giáo

Dục đã tru tình việc xuất bản báo chí, và thảo soạn các sách giáo-khoa.

Một tạp chí văn - hóa đã ra đời nhan đề là « Văn-hóa nguyệt-san ». Nó giúp sự trao đổi ý kiến giữa các học-giả trong nước, và sự truyền bá trong nhân-dân, những tài-liệu về học - thuật, cũng những tư - tưởng minh-chính, chống lại những lý thuyết sai lầm.

Nhưng, muốn dùng văn-chương lễ-giáo để cải-hóa nhân tâm, không gì bằng bắt đầu uốn nắn từ cõi rẻ, tức là hướng dẫn và khuyến trương nền giáo-dục nhi-đồng. Vì lẽ đó, Bộ đã xuất-bản tạp san « Dạy trẻ » theo mấy nguyên tắc dưới đây :

- Nghiên cứu những phương pháp giáo-dục mới, để áp dụng vào trình độ và bản chất của trẻ em nước nhà,
- Chú - trọng một cuộc cải-cách giáo-dục, vừa đánh tan những thành - kiến có hại cho sự tiến-hóa, vừa để phòng những tư-tưởng quá khích sai lầm.

Từ trước tới nay, tạp-san « Dạy trẻ » chỉ ra mỗi năm chừng vài ba số. Trong năm 1952, Bộ sẽ cho xuất bản thành sách chuyên khảo về « lỵc-trình giáo-dục Đông Tây » và « Học-đường linh-hoạt. »

Đồng thời, Bộ rất lưu tâm đến việc biên tập các sách giáo-khoa, — một vấn đề then chốt để xây dựng nền giáo-dục. Hiện nay, ta phải công nhận rằng các học-đường đều thiếu sách. Từ bậc tiểu-học đến các lớp trung-học, phần đông học-sinh phải chép bài, vừa khó nhọc vừa mất nhiều thì giờ. Ngoài ra, một số ít mà chỉ có những giáo-khoa thư còn nhiều khuyết điem. Trước kia, Nha Tổng Giám-Độc Học-Chính Đông-Dương, và mới đây, Sở Học-Chính Bắc-Việt đã trao cho từng nhóm giáo-chức cộng-tác để cùng soạn các sách giao-khoa. Nhưng xét ra, phương pháp ấy đã đưa đến những kết quả bất mãn. Các sách do từng nhóm người thảo soạn đó có nhiều sự thiếu sót hay sai lầm đáng tiếc. Trước tác là một việc khó

khăn, không thể áp dụng nguyên-tắc phân công như trong nhiều công việc khác. Vì vậy, Bộ Quốc - Gia Giáo - Dục đã cho mở « một cuộc thi sách giáo-khoa », trước là để có sách tốt cho học-trò dùng, sau là để hầu hết các nhân-tài trong nước, ở bất cứ giới nào, đều có thể mang năng lực ra giúp nền giáo - dục trong một công việc khẩn thiết. Chúng tôi tin rằng : nhiều nhân - sĩ, tuy không phải là nhà giáo, mà có sở-trường về việc soạn sách giáo-khoa. Nhân đó, cuộc thi này sẽ là một dịp tốt cho mọi người biết : Chính-Phủ vẫn luôn luôn tìm cách, để các bậc thiện-chí có phương tiện phụng-sự Quốc-Gia. — Kể cả hai bậc tiểu-học và trung-học, các sách cần thảo-soạn có tới 165 quyển.

Tuy nhiên, đã đành rằng nên cải tổ từ gốc, tức là từ các lớp ầu sinh trở lên, Bộ cũng không quên các đầu ngọn. tức là các trường Đại-học. Kỳ khai trường về niên học 1951-52 Bộ đã mở thêm lớp và tuyển thêm giáo-sư, ở cả hai Trường Văn-Khoa và Sư-Phạm. Sau nữa, muốn để các nhà văn có dịp thi-thố tài-năng, và hiện các thanh-niên trí-thức những sách hay, có thể đọc trong những giờ nhàn hạ, Bộ đã có sáng-kiến treo mỗi năm một giải : thưởng Văn-chương để tặng một tác-phẩm nào đặc-sắc nhất mới xuất-bản, mà không trái với tinh-thần luân-ly và quốc-gia Việt-Nam.

Nhưng, dù nền văn-hóa trong nước thịnh hay suy, chúng ta đều phải nhớ rằng : hiện thời, một Quốc-gia hùng cường đến đâu, cũng không thể đứng biệt lập, với chính-sách bẻ-quan tòa-cảng. Nhờ có sự giao-thông nhanh chóng, một việc xảy ra ở một nơi thường vang động trên khắp hoàn hải. Vì thế, đà tiến của nhân-loại rất mau ; bánh xe lịch sử chuyển vận không phút nào ngừng. Một xứ không có ngoại giao, tất sẽ mỗi ngày một tro-troi, cằn-cọc, không sao phồn thịnh được. Riêng về văn-hóa, Việt-

Nam càng cần tiếp xúc ngoại quốc, để linh hội những cái hay của các tân-trào... Chỉ bo bo nhìn trông quá khứ, giữ gìn cố-tục, không chịu thay đổi cho hợp thời, không chờ đón các dòng tư tưởng mới, thì tất phải đi vào con đường thoái hóa, và tự muốn diệt vong... Hiểu biết như vậy, nước ta đã nhận tham dự Hội-nghị Văn-Hóa Liên-hiệp-quốc mà người Âu - Mỹ gọi tắt là UNESCO.

Do nghị định ngày 29-9-1951, Ngài Thủ-Tướng Chính-phủ, chiếu lời đề nghị của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã thiết lập ở Bộ ấy, một Hội-đồng quốc-gia chuyên phụ trách về văn-hóa Liên-hiệp-quốc. Hội đồng này có nhiệm vụ như sau :

— Làm trung gian, để thắt chặt dây liên lạc giữa các cơ quan văn-hóa trong nước với tổ chức Giáo-dục, Khoa-học và Văn-hóa UNESCO.

— Giúp Chính-phủ trong việc giao-thiệp với UNESCO.

— Thi hành những điều quyết định của UNESCO hay của Chính-phủ về phương-diện văn-hóa Liên-hiệp-quốc.

— Phò thông trong quán-chúng lý-tướng của UNESCO.

— Đề nghị với Chính-phủ, những ủy-viên đi tham dự các hội-nghị UNESCO.

Hội-đồng Quốc-gia này đặt dưới quyền chủ tịch của Ông Tổng-Trưởng Bộ Giáo-dục, gồm có các vị Bộ-Trưởng Bộ Ngoại-giao, Bộ Thể-thao và Thanh-niên, Ông Tổng Giám-đốc Nha Thông-tin, Ông Giám đốc học-vụ tại Bộ Giáo-Dục, các ông Chánh Sự-vụ Sở Văn-hóa và Mỹ-thuật tại Bộ, Sở Bảo-tồn Cổ-tích, các vị đại diện các ngành học và các hội Văn-hóa, giáo-dục, báo-chi.

Hội-đồng Quốc-gia Văn-hóa lại gồm một ban Quản-trị do Ông Tổng-trưởng Bộ Quốc-

gia Giáo-dục chủ tịch, trong đó có một chủ-tịch, một phó chủ-tịch, một thư-ký thường trực và bốn nhân-viên chọn trong thành phần của Hội-đồng Quốc-gia.

Với các cơ quan kể trên, Bộ Quốc-gia Giáo-Dục luôn luôn theo dõi các tân-trào trong hoàn-hải để linh hội những cái hay trong các tư tưởng ngoại lai, trao đổi ý-kiến, rút thêm kinh nghiệm, ngõ hầu xây dựng một nền văn-hóa mới, xứng đáng với tiên-nhân và nền Độc-lập mới.

Lẽ dĩ-nhiên là công việc đó rất lớn lao, phức tạp, một người dù tài giỏi đến đâu, cũng không thể nghĩ đến hết các đại cương và chi tiết, nên cần có một ban cố-vấn giúp sức. Bởi lẽ đó, Ngài Thủ-Tướng Chính-Phủ, chiếu lời đề-nghị của Bộ Quốc gia Giáo-dục, đã ký một đạo nghị định, ngày 26-7-1951, để thiết lập một hội nghị tối cao Giáo-dục. Hội nghị này có nhiệm vụ nghiên-cứu các vấn-đề liên quan đến việc giáo-huấn, và đề-nghị lên Bộ Quốc-gia Giáo-dục, các phương sách có thể khuyến-trưng nền văn-học nước nhà. Ai cũng hiểu rằng : Hội-nghị tối cao vừa kể, sẽ giúp ích Bộ rất nhiều, không những về phương-diện chuyên môn, mà còn về địa-hạt văn-ngệ.

Đó chỉ là những điểm chính trong chương-trình văn-hóa của Bộ Quốc-gia Giáo-dục. Trong một bài lược khảo ngắn, chúng tôi không thể đi sâu vào các chi-tiết, và lẽ dĩ-nhiên, không thể nói đến hết thảy các ngành hoạt động.

Văn-hóa có một địa-hạt vô cùng rộng rãi. Bộ Quốc-gia Giáo-dục cần phải có toàn thể đồng-bào giúp sức, mới hy vọng đạt được những mục đích mong muốn. Thực ra, Bộ

chỉ đóng vai hướng dẫn, với nhiệm-vụ khởi xướng và hò hào. Vậy, chúng tôi dám mong và chắc-ràng : trước sự cố gắng hiên-nhiên của Bộ, một cố gắng có hiệu quả mà các bạn có hoài-nghĩ đến đâu, cũng phải vui lòng nhận định, các bậc thức thời, các nhà ái-

quốc, các học-giá nặng lòng với tương-lai của xứ-sở, mà vẫn hằng mơ tưởng nâng cao trình-độ hiểu biết của nhân dân, sẽ hân-hoan hưởng ứng lời kêu gọi của Bộ, cùng nhau góp tài, góp sức, để xây dựng một nền văn-hóa mới.

## Văn-đề bình-dân giáo-dục

TRONG một Quốc-gia theo chế-độ dân-chủ, một công-dân cần phải biết đọc, biết viết mới biết sử-dụng quyền của mình, và hiểu bản phận của mình đối với Quốc-gia, để phụng-sự tổ hiệu-quả.

Dân chúng có biết đọc, biết viết, thì việc truyền bá tư-tưởng mới trực-tiếp thâu đến họ, như thể mới gây được một tinh thần Quốc-gia mạnh-mẽ, một lòng tin tưởng vững chắc, giúp họ biết suy xét, phán đoán để biết rõ chính-nghĩa và khước từ các xảo thuyết cốt gieo rắc hoang mang trong tâm trí.

Vì những lẽ đó, nên Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã thiết-lập hai ngành sơ học cấp tộc và tráng-niên giáo-dục với mục-dịch chông nạn thất-học và để tiền đản đên cưỡng bách giáo-dục.

Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy rằng nếu ngành bình dân giáo-dục không được phổ-cập trong dân-chúng, thì ta không thể thực-hiện được khẩu hiệu « Dân vi quý » ; vì quân chúng sẽ xa cách các nhà cầm quyền, tức là các người trong giới tri-thức. Như thế làm sao mà nhà cầm quyền và dân chúng hiểu biết lẫn nhau được ? Làm sao có sự thông-cam giữa dân-chúng và nhà cầm quyền được ? Một hồ sấu sẽ chia rẽ họ. Phải san phẳng hồ sấu ấy mới mong các nhà cầm quyền gần dân, thân dân được.

Vì đã nhận-định một cách rõ rệt sự cần thiết phổ-cập trong đại-chúng ngành Bình-dân giáo-dục, nên trước đây một nhóm gồm các nhà tri-thức và các nhân-sĩ hàng quan tâm đến vận - mệnh quốc - gia, đã đề xướng lên phong trào chông nạn đói và thiết-lập Hội Truyền Bá Quốc-ngữ.

Tuy hội này hoạt-động với các phương tiện còn eo hẹp, nhưng kết quả đã thâu lượm được cũng có phần khả quan.

Khi Chính - phủ Quốc - gia thành-lập, Bộ Giáo-dục đã nghĩ ngay đến việc tổ-chức nền bình dân giáo-dục.

Một chương-trình hoạt động đã được phác định. Tuy nhiên, chương trình ấy không thể thực hiện một ngày mà xong được. Công việc phải tiến dần dần, vì chương trình ấy đòi hỏi một ngân-sách lớn lao, một cố gắng vĩ-đại về mọi phương - diện, đi đôi với sự cộng tác chặt chẽ của các cấp trong guồng máy hành-chính quốc-gia.

Ngoài việc mở cấp tộc các lớp bình-dân học-vụ để thu nạp những trẻ em qua tuổi vào các trường tiểu-học và các tráng - niên chưa biết đọc, biết viết, chương trình hoạch định gồm có các yêu-điểm như sau :

1) In các sách giáo-khoa để phát không cho học-sinh (Sách tập đọc và học thuộc lòng, Luận-ly, Công-dân giáo-dục, Sử-ký, Địa-ly,



Toán-pháp, Khoa học thường-thức như : quan sát, vệ-sinh, nông-phò, công-nghệ).

2) In các bản-đồ địa-lý và đồ bản khoa-học thường thức.

3) Áp dụng các phương pháp truyền bá : máy và phim chớp bóng, đĩa hát, máy phát-thanh lưu-động.

Tủ sách giáo-dục bình dân lưu-động.

Tủ thuốc.

4) In và phát các truyền đơn giảng dạy những điểm thông thường (truyền đơn hoặc có câu cách-ngôn, hoặc có tranh ảnh, giải-thích về vệ-sinh, và luật đi đường, hoặc nói tóm tắt về lịch sử danh nhân, v...). Đồng thời phổ-thông các bài hát 'hợp với tinh thần Quốc-gia, dân-chủ và cô-động hay giải thích một công cuộc của Chính-Phủ.

5) Mỗi tuần cả nguyệt, phát không bút, quán bút, bút chì, thước kẻ, vở, giấy kẻ, tẩy, mực, giấy thấm (một mặt có in các câu cách ngôn, châm ngôn, ngạn ngữ, hay một khẩu hiệu...)

6) Tại các Thành-phò, Tỉnh-lý và Quận-lý. Tổ-chức các buổi nói chuyện giản-dị về kỹ-nghệ, công-nghệ, caah-nông...

Tổ chức các buổi đi thăm các xưởng kỹ-nghệ, các nhà máy, đồng ruộng, vườn, trại, v.v...

7) Lập sân vận-động.

Những lớp học bình-dân giáo-dục gồm có hai hạng :

1) Các lớp Sơ-học cấp tốc

2) Các lớp tráng niên giáo-dục

1) Các lớp sơ-học cấp-tốc dành cho trẻ em từ 6 tuổi đến 18 tuổi chưa biết đọc, biết viết, hạn học là 9 tháng, chia làm 2 thời kỳ, mỗi thời kỳ là 4 tháng rưỡi. Mỗi ngày học một buổi 4 giờ.

Chương trình học gồm có những môn sau này :

### 1.) Thời-kỳ thứ nhất

Môn học chính :

- a) Tập đọc và tập viết
- b) Tính miệng, tính nhẩm và tính viết.

Môn học phụ :

- a) Day miệng : luân-lý thực-hành, lịch-sử danh-nhân và vệ-sinh thường thức
- b) Thể - thao
- c) Hát và trò chơi.

### 2.) Thời-kỳ thứ hai

Môn học chính :

- a) Thường-thức và vệ-sinh thực-hành
- b) Tính miệng, tính nhẩm và tính viết.

Môn học phụ :

- a) Luân-lý thực-hành, công-dân giáo-dục. Lịch-sử các bậc anh-hùng cứu quốc và các cuộc tranh-thủ Độc-lập.

Địa - lý

- b) Tập viết, tập đọc, chính tả.

c) Thể thao

d) Hát và trò chơi.

2) Các lớp tráng-niên giáo-dục có mục-dịch dạy cho tráng niên từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, đã quá tuổi đi học ở các trường Tiểu-học hay các lớp Sơ-học cấp tốc, biết đọc và viết thông chữ Quốc-ngữ, biết tính miệng và tính nhẩm vừa đúng, vừa nhanh.

Mỗi năm có ba khóa học, mỗi khóa trung bình là 4 tháng, chia làm 2 thời kỳ (mỗi thời kỳ 2 tháng), mỗi ngày học 1 giờ rưỡi.

Chương trình gồm có những môn sau này :

a) Chương-trình học về thời kỳ thứ nhất dạy những môn thiết thực sau đây :

- 1) Tập đọc và viết thông chữ quốc-ngữ,
- 2) Tập đọc và viết các số, tập tính miệng, tính nhẩm và tính viết.

3) Những điều thường-thức rất cần thiết cho sự sinh hoạt của người làm dân : vệ-sinh thường-thức, công-dân giáo-dục, lịch-sử lập quốc và Độc-lập Việt-Nam (các thời-đại vinh quang, các gương anh liệt), ca hát,

Những điều này sẽ diễn giảng theo lời nói chuyện.

b) Chương trình về thời kỳ thứ hai chú trọng dạy các môn học có tính cách thực-tế :

1) Công-dân giáo-dục (những điều cần thiết) a) Lịch sử lập quốc và nền Độc-lập Việt-Nam (chú trọng tới tiêu-sử các vị anh-hùng riêng từng vùng có trường học đã góp sức vào cuộc tranh-thủ Độc-lập).

3) Vệ-sinh thường-thức, cứu-thương và cấp cứu.

4) Địa - lý từng vùng, từng phần, và toàn quốc.

5) Toán-pháp thực-hành.

6) Ca-hát (tập hát quốc-ca và những bài hùng-ca khích-lệ lòng ái-quốc và chán khờ dân khị).

Chương - trình trên đây đã gồm những môn học cần - thiết để giúp học-sinh đã qua các lớp sơ-học cấp-tốc hay tráng-niên giáo-dục có thể trở nên những công-dân xứng đáng, có óc thực tế và hoạt động, có tinh thần quốc-gia chân chính, hiểu biết rõ những những điều thiết yếu về quyền lợi và nhiệm vụ làm dân, cùng những điều thường thức hữu ích cho sự sinh hoạt ngày nay.

Từ đầu niên học 1949-1950, tại Bắc-Việt, Trung-Việt và Nam-Việt, các lớp Bình dân Giáo dục đã được tổ chức theo những chỉ thị của Bộ Giáo-dục. Những cơ quan giáo dục này đã giữ một địa vị ưu tiên trong chương trình cải tạo nền học chính nước nhà. Các số phụ trách về ngành học này đã đặc biệt chú trọng đến việc mở mang các lớp học bình dân và tìm hết phương sách để xúc tiến việc thi hành triệt để chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã ấn định.

Chúng tôi xin lược kê các công việc và kết quả đã thu lượm được tại ba phần trong các khóa-học cuối cùng :

### Bắc - Việt :

|                 |        |
|-----------------|--------|
| Số lớp đã mở    | 2.142  |
| Số học sinh     | 76.706 |
| Số giảng - viên | 2.920  |

Tại Hà-nội và nhiều tỉnh, đã tổ chức các cuộc cô động rầm rộ cho phong trào chống nạn thất-học : như khảo chữ tại các chợ và các ngã ba đường ; tổ chức tuần lễ chống nạn thất-học tại Hà-nội.

### Trung - Việt :

|               |        |
|---------------|--------|
| Số lớp đã mở  | 382    |
| Số học sinh   | 18.157 |
| Số giảng viên | 382    |

Tại Trung-Việt, đã phát không cho các học-sinh lớp bình-dân học-vụ 21.340 quyển sách văn và tập đọc Việt ngữ .

### Nam - Việt

Tại Nam-Việt, vì điều kiện chưa được thuận tiện hơn, nên mới được như sau :

|               |       |
|---------------|-------|
| Số lớp mới mở | 145   |
| Số học sinh   | 6.228 |
| Số giảng viên | 135   |

Trong toàn cõi Việt-Nam, tại các nơi có mở các lớp bình dân giáo-dục, các kỳ thi mãn khóa đã đem lại kết quả mỹ mãn : trung bình từ 83% đến 90% số học sinh theo học các lớp bình-dân giáo-dục đã trúng tuyển kỳ thi mãn khóa, và đã được lĩnh chứng chỉ mãn khóa.

Đền đây, chúng tôi tưởng nên ghi thêm một điểm đáng mừng cho công cuộc bình dân giáo-dục. Ngoài các cơ-quan phổ-thông giáo-dục do Bộ Quốc-gia Giáo-dục và các Sở phụ thuộc tổ chức, nhiều tư nhân và các Hội đã tự động mở các lớp bình dân giáo-dục để gom góp một phần vào công cuộc chống nạn mù chữ.

Ta nên hiểu rằng ngay ở các nước tân tiến, Chính-phủ cũng không thể tự làm được

hết các công cuộc giáo dục, nhất là đòi hỏi với các tầng lớp Đại chúng. Ở đó, các tư nhân, các công dân có thiện chí và phương tiện, đều nhiệt thành, người giúp công, kẻ giúp của, để thiết lập hay khuyến khích trường các học hiệu, và các lớp bình dân, những mong nâng cao trình độ hiểu biết của đồng bào. Ở các Quốc-gia thành lập đã lâu đời còn có sự cộng tác giữa các nhà cầm quyền và dân-chúng như vậy; huống chi là ở nước nhà, trong khi ta đương xây nền đắp móng.

Vậy chúng tôi dám mong các đoàn thể, các Hội, cùng các tư nhân, các xí nghiệp, vì tiến độ của nền Quốc-gia Giáo-dục, sẽ lưu tâm đến một vấn đề có quan hệ đến vận mệnh của cả một Quốc-gia mà dự một phần vào việc tổ chức các lớp bình-dân giáo-dục.

Dù sao, chúng tôi cũng xin lấy một con số làm tỉ dụ để chứng tỏ sự cố gắng lớn lao của Chính-phủ trong ngành hoạt động này.

Riêng các lớp bình dân thiết lập tại Bắc-Việt, mỗi khóa học là 3 tháng, ngân quỹ phải đài thọ một số tiền là 1 triệu rưỡi bạc; nghĩa là một năm phải tiêu trên dưới 6 triệu đồng. Đây là chưa kể các khoản chi phí về việc đóng bàn ghế, và chưa kể một số lớn giảng viên đã sốt sắng nhận việc giảng dạy mà không nhận món tiền thù lao đáng lẽ được hưởng.

Tuy nhiên với số dự chi lớn lao như vậy, mà các lớp bình-dân giáo-dục đã mở vẫn

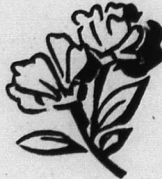
không sao đủ để nhận được một phần lớn các học sinh không biết đọc, biết viết.

Nay nếu muốn nền bình dân giáo dục được bành trướng để thu lượm được kết quả mong muốn, tất phải có một ngân quỹ gấp bội, như chúng tôi đã nói ở trên và nếu chúng ta nghĩ rằng phải thực hiện chương-trình ấy không những ở Bắc-Việt mà cả ở Trung-Việt và Nam-Việt, chúng ta sẽ thấy một sự đòi hỏi rất to tát về phương diện tài - chính Quốc - gia.

Nhưng dù có gặp nhiều nỗi khó khăn, chúng ta có thể tin được rằng Chính-phủ vẫn luôn luôn cố gắng; Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẽ tận tụy với đồng bào thất học, như từ trước tới nay; nhưng lẽ tự nhiên là các nhà chức-trách phải cần có sự cộng-tác nhiệt thành của toàn dân, và sự giúp sức của hầu hết các người có công tâm trên hoàn hải, để làm tròn nhiệm vụ lớn lao vừa kể. Xưa kia, một vị Đại đức đã suốt đời cứu nhân độ thế, mà khi bóng xế chiều, lúc đầu râu tóc bạc, còn tha thiết than rằng: Trong nước còn có người nghèo khổ, thì tôi không sao ngồi yên được. Chúng tôi cũng mong và chắc rằng: về phương diện văn-hóa, hầu hết các bạn trí thức sẽ hàng ngày tự nhủ: « Trong nước còn có kẻ thất học, còn có người mù chữ, thì ta có đầu nở thàn nhiên mà không ra công giúp sức ».

B.

(Đã đọc ở đài phát-thanh Quốc-Gia Saigon)



## A. — Công-văn

Nghị - định số 332 - Cab/SG ngày 5-5-1952 cho phép xuất-bản tạp-chi « Văn-Hóa Nguyệt-san ».

Thủ-Tướng Chính-Phủ  
Chiếu.

### NGHỊ - ĐỊNH

Điều thứ nhất. — Nay cho phép Bộ Quốc gia Giáo-dục và Thanh-Niên được xuất bản một tạp nguyệt-san Việt-ngữ lấy tên là « VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN », kể từ ngày ký nghị-định này.

Điều thứ hai. — Tạp-san phải đặt dưới chế-độ luật-lệ Báo-chi hiện-hành, nhất là phải chịu kiểm-đuyệt trước trong suốt thời kỳ ban-hành phương-sách đặc biệt này.

Điều thứ ba. — Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp, Tổng - Trưởng Bộ Nội - Vụ, Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh, Thủ-Hiến Nam-Việt và Tổng-Giám-Đốc Thông-tin chiểu nhiệm vụ lãnh thi-hành nghị-định này.

Saigon ngày 5 tháng 5 năm 1952  
Ký tên: TRẦN-VĂN-HỮU

Nghị-định số 18 NĐ/GD ngày 7-2-1952 thiết-lập Hội-đồng Trung-ương duyệt sách giáo-khoa.

Tổng-Trưởng Phụ-Tá Thủ-Tướng  
Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục  
Chiếu.

### NGHỊ - ĐỊNH

Khoản I. — Hội-đồng Trung-ương duyệt sách thiết-lập do nghị-định số 150 bis-GD/ND ngày 20-8-1951, đặt dưới quyền chủ tọa của Chánh-Sự-vụ sở Văn - hóa Mỹ-thuat tại Bộ Quốc-Gia Giáo-dục.

Khoản II. — Hội-đồng trung-ương duyệt sách gồm có hai ban: ban phụ-trách việc duyệt xét các tác-phẩm thuộc bậc trung-học do Chánh-sự vụ Sở Đại-học và Trung học làm trưởng ban; ban phụ trách việc duyệt xét các tác-phẩm thuộc bậc Tiểu học và Bình-dân giáo-dục do Chánh Sự-vụ Sở Tiểu-học và Bình-dân giáo-dục làm trưởng ban.



**Khoản III.** — Ban Trung-học gồm 22 hội-viên chia ra làm hai tiểu ban : tiểu ban văn-chương và tiểu ban khoa-học.

Tiểu ban văn-chương gồm 16 hội viên kê tên dưới đây :

- 1 — Ô.Ô. Tăng - xuân - An, giáo - sư văn-chương, phó Giám - đốc Sở Học - chính Bắc - Việt ;
  - 2 — Vũ-dăng-Bổn, giáo sư hội họa ;
  - 3 — Nguyễn-Dung, giáo-sư hội-họa.
  - 4 — Ngô-thức-Địch, giáo-sư văn-chương, quyền Khoa - trưởng trường Văn - khoa Đại - học ;
  - 5 — Lê-ngọc-Huyền giáo-sư văn-chương ;
  - 6 — Nguyễn-đình-Hương, -nt-
  - 7 — Hoàng-vân-Hương, tức Hùng-Lân, giáo-sư âm-nhạc ;
  8. — Dương - tự - Nguyên, giáo-sư sinh-ngữ ;
  - 9 — Nguyễn-văn-Nguyên, -nt-
  - 10 — Trần-lê-Nhàn, giáo-sư hán-tự
  - 11 — Thâm ngọc-Oánh, giáo-sư âm nhạc ;
  - 12 — Mai - văn - Phương, giáo - sư văn - chương ;
  - 13 — Bùi-đình-Tấn, -nt-
  - 14 — Nguyễn-vũ-Thiều. -nt-
  - 15 — Phan-duy-Tiếp, giáo-sư hán-tự
  - 16 — Vũ-ngô-Xán, giáo-sư văn-chương
- Hiệu trưởng trường Trung-học Chu-văn-An; Tiểu ban khoa-học gồm 6 hội-viên kê tên dưới đây :
- 1 — Bà Nguyễn-thị-Kim-Oanh, kỹ - sư Canh-nông, giáo-sư khoa học ;
  - 2 — Ô.Ô. Vũ - lai - Chương, giáo sư khoa - học ;
  - 3 — Nguyễn-đình-Huê, giáo-sư khoa-học, phụ trách trưởng Cao - đẳng Sư-phạm Việt-Nam ;
  - 4 — Nguyễn-đình-Phú, giáo-sư khoa-học ;
  - 5 — Nguyễn-chung-Tú, -nt-
  - 6 — Phan-thế-Roanh, -nt-

**Khoản IV.** — Ban Tiểu-học và Bình-dân giáo-dục gồm có 10 hội viên như sau :

- 1 — Bà Lê-thị-Ngũ, nữ giáo-chức ;
- 2 — Ô.Ô. Đỗ-huy-Dan, Chủ sự tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục ;
- 3 — Nguyễn - trọng - Hàn, Hiệu trưởng trường Tiểu-học Nguyễn-công-Trứ ;
- 4 — Đỗ-văn Hoán, giáo-sư khoa-học ;
- 5 — Ngô - đức - Kinh, Chủ sự tại Bộ Quốc-Gia Giáo dục ;
- 6 — Nguyễn-ngọc-Mô, kỹ sư canh nông, giáo-sư khoa học ;
- 7 — Nguyễn-đăng-Quý, giáo-sư khoa học ;
- 8 — Bùi-đình-San, tòng-sự tại Bộ Quốc-Gia Giáo-dục ;
- 9 — Đặng - quang - Trúc, Trưởng Ty Tiểu học-vụ Hà-đông ;
- 10 — Nguyễn-quảng-Xương, Chủ sự tại Bộ Quốc-Gia Giáo-dục.

**Khoản V.** — Sau khi duyệt xét một hay nhiều tác phẩm, mỗi tiểu ban trung-học hoặc ban tiểu học và Bình-dân giáo dục sẽ họp riêng để thảo luận xem nên loại hay chấp nhận, và ghi lời đề nghị ấy với các lý do vào biên bản. Chủ tịch Hội đồng trung ương duyệt sách đệ trình biên bản đó, kèm theo tác phẩm, đề Tổng Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-dục hoặc Đại-diện quyết định.

**Khoản VI.** — Hội đồng trung ương duyệt sách sẽ họp những phiên toàn thể do Chủ tịch triệu tập. mỗi khi cần thảo luận về những nguyên tắc, phương pháp hoặc thể lệ chung cho hai ban.

**Khoản VII.** — Đồng Lý Văn Phòng Bộ Quốc - Gia Giáo - dục chiểu nghị định thi hành.

Saigon ngày 7 tháng 2 năm 1952

ký tên : **VƯƠNG-QUANG-NHƯỜNG**

**Nghị-định số 19 NĐIGD ngày 7-2-1952**  
thiết-lập các Hội-đồng duyệt sách giáo-khoa.

**Tổng-Trưởng Phụ-Tá Thủ-Tướng**  
**Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo Dục**

Chiều . . . . .

**NGHỊ - ĐỊNH :**

**Điều thứ 1** — Các Hội-đồng địa-phương duyệt sách thiết-lập do nghị-định số 15u-bis-GD/ND ngày 20-8-1951 gồm có những nhân-viên cốt cứ theo đề-nghị của Giám-Đốc Học-Chính mỗi phần, sau khi đã có thỏa - hiệp của Thủ - Hiến sở-quan.

**Điều thứ 2.**— Hội - đồng địa - phương duyệt sách Bắc-Việt đặt dưới quyền chủ-tọa của Giám-Đốc Học-Chính Bắc-Việt, gồm có 25 hội-viên chia làm 2 ban như sau :

A) Ban duyệt xét các tác-phần thuộc bậc trung-học gồm có :

a — Tiểu ban văn-chương :

- 1 — Cô Mai Thị Từ, giáo-sư văn-chương Hội-viên
- 2 — Ô.Ô. Ngô văn Bắc, nt —
- 3 — Nguyễn như Loan nt —
- 4 — Nguyễn văn Lộc, giáo-sư sinh-ngữ Hội-viên
- 5 — Lưu văn Minh, giáo-sư văn-chương, Thanh-tra Trung-học Hội-viên
- 6 — Phạm đình Ngọc, giáo-sư sinh-ngữ
- 7 — Nguyễn tương Phương, giáo-sư văn-chương Hội-viên
- 8 — Đào văn Trinh nt —

b — Tiểu-ban khoa-học :

- 1 — Ô.Ô. Hoàng đình Ân, giáo-sư khoa học Hội-viên
- 2 — Vũ Chú nt —
- 3 — Đỗ tri-Lễ nt —
- 4 — Bùi Phùng nt —
- 5 — Bùi đình Tiên nt —

6 — Vũ đức Thận nt —  
B) — Ban duyệt xét các tác - phẩm thuộc bậc tiểu-học và bình-dân giáo-dục gồm có :

- 1 — Bà Nguyễn thị G.éc, nữ giáo-viên Hội-viên
- 2 — Bà Nguyễn thị Sáng nt —
- 3 — Ô.Ô. Tô Đường, giáo-viên —
- 4 — Ngô văn-Minh, tòng sự tại Nha Học-Chính Bắc-Việt Hội-viên
- 5 — Ô.Ô. Mai đình Niễn, giáo-viên Hội-viên
- 6 — Tống từ Ninh nt —
- 7 — Nguyễn duy N;hiêm nt —
- 8 — Bùi đình Tiên, giáo-sư —
- 9 — Phạm xuân Thái, giáo viên —
- 10 — Lê văn Trọng nt —
- 11 — Đào văn Trường nt —

**Điều thứ 3** — Hội-đồng địa-phương duyệt sách Nam-Việt đặt dưới quyền chủ-tọa của Giám-Đốc Học-Chính Nam-Việt gồm có 57 hội-viên chia làm 2 ban như sau :

A) Ban duyệt xét các tác-phần thuộc bậc trung-học gồm có :

a — Tiểu-ban văn-chương :

- 1 — Bà Bà Nguyễn thị Châu, giáo-sư văn-chương Hội-viên
- 2 — Châu thị Giới, giáo viên —
- 3 — Nguyễn thị Hằng, giáo-sư văn-chương Hội-viên
- 4 — Lê thị Hạnh giáo-viên —
- 5 — Ô.Ô. Nguyễn văn Bường, giáo-viên Hội-viên
- 6 — Trương văn Cao, giáo-sư văn-chương Hội-viên

- 7 — Nguyễn bá Cường nt —
- 8 — Huỳnh văn Hai nt —
- 9 — Nguyễn trì Hữu nt —
- 10 — Lê văn Kiên nt —
- 11 — Nguyễn văn Kiệt nt —
- 12 — Phạm văn Lược, giáo-viên —
- 13 — Bùi văn Mạnh nt —
- 14 — Marcel, giáo-sư âm-nhạc —

15— Đinh cẳng Nguyễn, giáo-sư văn chương Hội-viên

16— Nguyễn văn Nho nt —

17— Huỳnh văn Phước nt —

18— Nguyễn văn Sơn giáo-sư hội-học Hội-viên

19— Nguyễn văn Tâm, giáo-sư văn-chương Hội-viên

20— Nguyễn cao Thăng nt —

21— Nguyễn văn Thơ nt —

22— Phạm văn Thuật, giáo-sư sinh-ngữ Hội-viên

23— Bửu Trí nt —

24— Hồ văn Kỳ-Trần nt —

25— Trương đình Ý, giáo-sư hội-học Hội-viên

b — Tiểu-ban khoa-học :

1 — Bà Nguyễn bình Minh, giáo-sư khoa-học Hội-viên

2 — Cô Phạm thị Mỹ nt —

3 — ô.ô. Trần văn Ất nt —

4 — Chu văn Dưỡng, giáo-viên —

5 — Lê quang Nghĩa, giáo-sư khoa-học Hội-viên

6 — Nguyễn văn Phôi, giáo-sư khoa-học Hội-Viên

7 — Phan ngọc Phương nt —

8 — Lê bực Sáng nt —

9 — Nguyễn băng Tuyết nt —

10 — Trương hữu Tường nt —

11 — Nguyễn văn Trọng nt —

B) Ban duyệt xét các tác-phẩm thuộc bậc tiểu-học và Bình-dân giáo-đục gồm có :

1 — Bà Bà Nguyễn thị Biều nữ giáo-viên Hội-viên

2 — Lưu thị Dâu nt —

3 — Châu Hảo nt —

4 — Ngô kim Liêng nt —

5 — Phạm thị Nữ nt —

6 — Ngô thị Tý nt —

7 — ô.ô. Huỳnh văn Danh, giáo-viên Hội-viên

8 — Huỳnh văn Đô nt —

9 — Nguyễn thành Giáo nt —

10— Nguyễn văn Hoài nt —

11— Nguyễn văn Nghệ nt —

12— Trần văn Nhường nt —

13— Nguyễn văn Phác nt —

14— Lâm bá Phước nt —

15— Nguyễn văn Phước nt —

16— Phạm văn Tịnh nt —

17— Phan văn Thọ nt —

18— Nguyễn hữu Thông nt —

19— Đặng hòa Võ nt —

20— Nguyễn thành Xuân nt —

21— Nguyễn văn Xuân nt —

Điều thứ 4 — Hội-đồng địa phương duyệt sách Trung-Việt đặt dưới quyền chủ-tọa của Giám-độc Học-chính Trung-Việt gồm có 13 hội-viên chia làm 2 ban như sau :

A) Ban duyệt xét các tác-phẩm thuộc bậc Trung học gồm có

a — Tiểu-ban văn-chương :

1 — Cô Hồ thị Thanh, giáo-sư văn-chương Hội - Viên

2 — ô. Huỳnh Hòa nt —

3 — Linh-mục Cao văn Luận nt —

4 — ô. Đái đức Tuấn nt —

5 — Linh-mục Nguyễn văn Thích, giáo-sư hán-tự Hội - Viên

b — Tiểu-ban khoa học :

1 — Linh-mục Nguyễn văn Lập, giáo-sư khoa-học Hội - Viên

2 — ô.ô. Bạch văn Ngà nt —

3 — Bùi Tấn nt —

B) Ban duyệt xét các tác-phẩm thuộc bậc tiểu-học và Bình-Dân giáo-đục gồm có :

1 — ô.ô. Trương tiểu Du, Tư học tại Nha Học-Chính Trung-việt Hội - Viên

2 — Trần Đình, Phòng-trưởng tại Nha Học-Chính Trung-Việt Hội - Viên

3 — Lê cao Phan, Tư-học tại Ty Tiểu-học Thừa-Thiên Hội - Viên

4 — Lâm Toại, Phòng-trưởng tại Nha Học-Chính Trung-Việt Hội - Viên

5 — Trần Tiêu Tư-học tại Nha Học-Chính Trung Việt Hội - Viên

Điều thứ 5. — Kể từ nay nghị-định này đăng lên Công-Báo, các sách giáo khoa và tác-phẩm thuộc loại giáo-khoa để trình duyệt, đều phải gửi tới Hội-đồng địa-phương sở-quan.

Điều thứ 6. — Đông-Lý Văn-Phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và Giám-Độc Học-Chính Bắc, Nam, Trung-Việt chiêu nghị-định thi-hành.

Saigon, ngày 7 tháng 2 năm 1952

Ký tên : **VƯƠNG-QUANG-NHƯỜNG**

**Thông cáo về việc duyệt sách giáo-khoa**

Kể từ ngày đăng Thông-cáo này trở đi, các sách gửi đến Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục trình-duyệt, cần phải gửi tới các Sở Giám-Độc Học-Chính Phần để trao « Hội-đồng duyệt sách địa-phương » xét trước rồi đệ lên Bộ sau. Nếu soạn-giả ở Bắc-Việt thì gửi sách đến Sở Học-Chính Bắc-Việt, ở Trung-Việt thì gửi đến Sở Học-Chính Trung-Việt, ở Nam-Việt thì gửi đến Sở Học-Chính Nam-Việt.

Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

Nghị-định số 63 ND/GD ngày 13-4-52 thiết-lập cuộc thi văn-chương Việt-Nam kể từ năm 1952

**Tổng-trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-đục và Thanh-niên**

NGHỊ - ĐỊNH

Chiều.

Điều thứ 1. — Nghị định số 46 ND/GD ngày 30-5-1950, từ nay bãi bỏ và được thay thế bằng những điều khoản sau đây :

Điều thứ 2. — Nay thiết lập, kể từ năm 1952, một cuộc thi văn chương gọi là « Cuộc thi Văn chương Việt-Nam ». Cuộc thi đó có mục đích góp phần vào việc

chấn hưng nền văn học nước nhà, bằng cách tặng thưởng mỗi năm, ba văn-phẩm xuất sắc nhất trong năm, và thuộc riêng về một loại văn do Bộ Quốc-Gia Giáo-đục ấn-định trước.

Điều thứ 3. — Cuộc thi văn chương Việt-Nam gồm có ba giải thưởng như sau :

a) giải nhất : 6.000\$00

b) giải nhì : 4.000\$00

c) giải ba : 2.000\$00

Các giải thưởng sẽ phát mỗi năm một lần vào hạ tuần tháng chạp.

Nếu một hay nhiều trong ba giải này không được tặng thưởng, vì không có văn phẩm xuất sắc, thì ban Giám-Khảo có thể cấp một hay hai giải khuyến-kích, mỗi giải là một ngàn đồng (1.000\$00) cho một hay hai văn-phẩm đáng được khích-lệ.

Điều thứ 4. — Chỉ những tác giả có quốc tịch Việt-Nam mới có thể được dự cuộc thi văn chương Việt-Nam. Ngoài điều kiện đó ra, không có hạn tuổi, không phân biệt nam nữ.

Điều thứ 5. — Tác phẩm đưa ra dự thi phải là những văn phẩm viết bằng Việt ngữ, thuộc loại văn do Bộ Quốc-gia Giáo-đục sẽ ấn định mỗi năm, chưa xuất bản hay mới xuất bản trong vòng một năm trước ngày hết hạn nộp tác phẩm định sau đây.

Tác phẩm dự thi không được trái với tinh thần luân lý và tinh thần quốc-gia.

Điều thứ 6. — Các tác phẩm đưa ra dự thi phải gửi làm 5 bản in hay đánh máy tới Bộ Quốc-gia Giáo-đục (Sở Văn Hóa Mỹ Thuật) tại Hà-Nội, trước ngày 1 tháng 8 mỗi năm. Các bản đánh máy phải chưa số trang và đóng thành tập.

Điều thứ 7. — Ban Giám khảo đặt dưới quyền chủ tọa của Tổng Trưởng Bộ Quốc gia Giáo-đục hay vị đại diện, gồm hai tiểu ban :



— Tiêu-ban sơ-khảo

— và Tiêu-ban phúc-khảo.

Tiêu-ban sơ-khảo có 6 nhân viên, trong số đó, mỗi phần Trung, Nam, Bắc, sẽ có hai Đại diện.

Tiêu-ban phúc-khảo ở Trung-ương có 6 nhân viên.

Các nhân viên trong hai tiêu-ban đều do Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục chỉ định mỗi năm, trong hàng các bậc trí thức có thâm quyền về vấn đề văn chương.

Ông Chánh-sự-vụ Sở Văn-Hóa Mỹ-thuat Bộ Quốc-gia Giáo-dục đương nhiên là một trong sáu nhân viên Tiêu-ban phúc-khảo.

Tiêu-ban phúc-khảo sẽ đệ trình ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục những đề nghị của ban Giám khảo, kèm theo những vấn đề đã trúng giải hay không trúng giải. Các đề nghị ấy chỉ được coi là kết quả của cuộc thi, sau khi có sự chuẩn ý của Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

**Điều thứ 8.** — Giải thưởng sẽ phát do quyết nghị của Tổng Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục. Số tiền thưởng sẽ trả cho người trúng giải bằng ngân phiếu.

**Điều thứ 9.** — Số tiền để cấp các giải thưởng văn chương Việt-Nam trong mỗi năm, sẽ tính vào ngân sách quốc-gia Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

**Điều thứ 10.** — Ông Đổng Lý Văn Phòng Bộ Quốc-gia Giáo-dục chiêu nghị định thi hành.

Sài-gòn, ngày 13 tháng 4 năm 1952  
ký tên: NGUYỄN-THÀNH-GIUNG

#### THÔNG - CÁO

Cuộc thi Văn chương Việt - Nam năm 1952 do Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh Niên tổ chức,

Cuộc thi Văn chương Việt - Nam năm 1952 do Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh Niên tổ chức, nhằm mục đích góp phần vào việc chấn hưng văn học nước nhà,

#### Thê-lệ dự-thi

1) **Quốc-lich** — Tác giả phải có quốc-lich Việt-Nam ;

2) **Nội-dung** — Tác phẩm dự thi :

a) Phải viết bằng Việt ngữ thuộc loại « tiểu thuyết lịch sử » ;  
b) Không được trái với tinh thần luân lý và quốc-gia ;

c) Chưa xuất bản hay mới xuất bản trong vòng 1 năm trước ngày hết hạn nộp ;

3) **Số trang hoặc số câu** — Mỗi tác phẩm dự thi thì ra phải đủ :

a) 100 trang viết tay, giấy học trò, khổ 30 x 22, hoặc 120 trang đánh máy đồng đôi, khổ giấy 27 x 21, nếu là văn xuôi ;  
b) 1.000 câu nếu là văn vần.

4) **Số bản thảo và hạn gửi** — Tác phẩm dự thi phải gửi 5 bản, cần đánh dấu rõ ràng, đánh số trang và mỗi bản đóng thành một tập.

Hạn gửi: Riêng năm 1952, vì cuộc thi mở chậm, nên hạn nộp cuối cùng ấn định vào trước ngày 1-10-1952 ; tác phẩm sẽ gửi tới Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh Niên (Hà-Nội).

5) **Giải thưởng** — Giải nhất : 6.000\$, giải nhì : 4.000\$, giải ba : 2.000\$.

Muốn biết rõ thêm các chi tiết, xin hỏi Văn Phòng Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh-niên (Sài-gòn hay Hà-nội), Sở Học-Chính mỗi Phần, các trường Trung-học và các Ty Tiểu-học.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh-niên

#### Thông - cáo

Về thê lệ cuộc thi sáng-tác sách Giáo-khoa, Truyện ngắn, Kịch và Nhạc cho ngành Bình-dân Giáo-dục

Để cung cấp những sách giáo khoa và những tác phẩm văn nghệ dành riêng cho các Thư viện Bình dân và các lớp Bình-dân Bồ-túc, Nha Thanh-niên và Bình-dân Giáo-dục Bắc-Việt đã được Bộ Quốc-Gia Giáo-dục chuẩn ý cho phép mở một cuộc thi lấy tên là cuộc thi sáng tác sách giáo khoa, truyện ngắn, kịch, nhạc cho ngành Bình-dân Giáo-dục. Dưới đây là thê lệ của cuộc thi :

#### Thê-lệ riêng cho từng loại

I — Sách Giáo-khoa.

a) **Thê** : Theo chương trình các lớp bồ-túc : mỗi khóa 3 tháng chia làm 12 bài học ;

b) **Đề thi** : Một trong 5 môn : sử ký, địa lý, công dân giáo dục, toán pháp thực hành, vệ sinh thường thức (chương trình có đề tại Nha Thanh-niên và Bình dân Giáo-dục, các vị nào cần đến xin viết thư hỏi).

c) **Giải thưởng** : Nhất 1.000\$, — Nhì 500\$00 — Ba 300\$00.

II — Truyện ngắn. —

a) **Thê** : Bài ít nhất là 30 trang giấy học sinh, viết một mặt.

b) **Đề tài** : Truyện giải trí, giáo dục hoặc xã hội hợp với trình độ Bình-dân.

c) **Giải thưởng** : Nhất : 1 000\$ -- Nhì 500\$00 — Ba : 300\$00.

III — Kịch.

a) **Thê** : Văn xuôi hay thơ — dài ít nhất là 30 trang giấy viết một mặt.

b) **Đề tài** : Một đầu đề có tính cách cổ động bài trừ thất học và khích lệ người đi học.

c) **Giải thưởng** : Nhất : 1.000\$00, Nhì 500\$00, Ba ; 300\$00,

IV — Nhạc. —

a) **Thê** : Đồng ca.

b) **Đề tài** : Có tính cách tuyên truyền cho Bình-dân Giáo-dục để dùng làm bản ca chính thức cho ngành Bình-dân Giáo-dục.

c) **Giải thưởng** : Nhất : 1.000\$00, Nhì 500\$00, Ba : 300\$00.

B) **Thê-lệ chung cho các cuộc thi**

a) Những tác phẩm dự thi phải chưa từng xuất bản và đăng báo.

b) Những tác phẩm trúng cách sau khi được Bộ Quốc-gia Giáo-dục duyệt ý sẽ do Nha Thanh-niên và Bình-dân Giáo-dục tự đánh lấy quyền xuất bản và tác giả sẽ được hưởng một số tiền về bản quyền do Nha ấn-định sau.

c) Những tác phẩm không trúng cách sẽ không được trả lại bản thảo.

d) Những bản dự thi chỉ được ký bằng bút hiệu. Riêng của ai biết. Tên thực và địa chỉ cùng với bút hiệu đó sẽ đề riêng vào một phong bì dán kín gửi kèm theo với tác phẩm. Tất cả cùng bỏ vào một phong bì lớn đề : Dự thi Bình-dân Giáo-dục loại kịch, hoặc truyện... và gửi về trụ-sở Nha Thanh-niên và Bình Dân Giáo-dục, số 33 đại lộ Hùng-vương Hà-nội (phòng Chuyên-môn B.D.G.D.).

e) Hạn nhận bài đến 15 tháng 6 năm 1952 là hết.

g) Hội đồng giám-khảo sẽ do Nha Thanh-niên và B.D.G.D.B.V. đề nghị và Bộ Quốc-gia Giáo-dục lựa chọn. Danh sách nhân viên Hội-đồng sẽ công bố sau ngày 15 tháng 6.

h) Trong trường hợp các bạn dự thi không có bản nào trúng cách được giải nhất, nhì hay ba, số tiền dành cho những giải đó, Hội đồng sẽ tùy nghi phân chia làm nhiều giải khuyến-kích.

l) Trong trường hợp 1 trong 4 loại kể trên không có người dự, hay dự thi mà không ai trúng cách, số tiền thưởng sẽ lưu lại để tổ-chức một lần thư hai riêng cho loại ấy.

Mong rằng các văn nghệ sĩ và các nhà giáo dục hằng lưu tâm đến nền Bình-dân Giáo dục dự thi cho đồng, để cuộc thi có được một kết quả mong đợi.

Nha Thanh Niên và Bình Dân Giáo Dục Bắc Việt

## B. — Tin trong nước

# Bức thư của Đức Quốc-Trưởng

Nhân dịp lễ phát thưởng cuối niên học 1951-52, Đức Quốc-Trưởng đã gửi bức thư sau đây cho nam-nữ học-sinh toàn-quốc và hải-ngoại:

Các em,

Nhân ngày mãn niên-học của các em hôm nay, Đức Quốc-Trưởng của các em, cũng như mọi năm, lại có vài lời nhắn nhủ hết thầy nam nữ học-sinh nước Việt.

Em lớn, em nhỏ, trò gái, trò trai, các em là đại gia-đình con cháu của tôi.

Tôi mừng cho học-sinh nào được sống cùng cha mẹ trong cảnh yên-đàn. Tôi thương-xót cho các học sinh nào còn phải ở các vùng chưa giải-thoát.

Tôi cũng không quên các học-sinh và các sinh-viên ở nơi hải-ngoại. Đối với hết thầy các em, tôi chỉ có một lòng triu-mến.

Học sinh nào giỏi, chăm-chỉ, tôi đã ban phần thưởng. Học-sinh nào kém siêng-năng, tôi khuyên phải cố gắng.

Nhưng tôi không phải dạy bảo các em nhiều về việc học-hành. Vì vấn-đề này đã có thầy giáo, cô giáo, và lớp trên thì có các giáo-sư các em chăm lo.

Hôm nay đây, tôi muốn dẫn các em ra ngoài lớp học, để các em vượt khỏi

những bức tường ngăn hằng ngày, mà lùa vào tầm con mắt phong-cảnh bao-la của xứ-sở.

Phong cảnh ấy là những đồng-áng phi nhiều, những vườn ruộng tươi tốt. Là những khu rừng rậm-rạp, là những khúc sông quanh co. Và cũng là những phố-phường nhộn-nhip, những cơ-xưởng đóng-đúc, những nơi mà bao nhiêu triệu đồng-bào làm việc khó-nhọc quanh năm.

Phong-cảnh ấy, hồi các nam-nữ học-sinh, là đời sống của nước Việt-Nam yêu-quý của chúng ta.

Các nguồn sinh-lực kia, cũng như sự hoạt động chung quanh các em, ấy chính là những vật-liệu và những lực-lượng để xây dựng nền độc-lập vinh-quang Tổ quốc.

Hết thầy các em nam nữ học-sinh, các em hãy khủ tự-hào là con đất Việt. Các em hãy khủ tự-hào vì sứ-mệnh lịch-sử đang chờ các em.

Ai sẽ là những người, sau này bồi đắp giang-sơn cho thêm phần tươi đẹp? Ai sẽ

là những người tạo cho nước Việt-Nam sau này một nền văn-minh tiến-bộ như các nước Âu-Mỹ?

Chỉ là các em mà thôi.

Nhưng các em muốn làm tròn sứ-mệnh, muốn đạt những hy-vọng lớn-lao,

thì các em ngay từ bây giờ, phải đi vào con đường chân-chính.

Có một đường của những kẻ rung phá-hoại, luôn luôn nuôi ý-tưởng căm-hờn đối với chính những người cùng nòi cùng giống.

Có một đường của những người Việt-Nam chỉ muốn kiến-thiết quốc-gia, trong sự đoàn-kết trong-thân tương-ái. Những người ấy chẳng những nhất định giữ vững nền độc-lập, mà hơn nữa, họ còn muốn nền độc-lập này về-vang. Họ muốn là quốc-kỳ tráng-lệ của nước Việt-Nam phấp-phới bốn bề năm châu, ngang hàng với những lá cờ các Đại cường quốc.

Các em tuy phần đông còn nhỏ tuổi, nhưng tất các em cũng nhận thấy phải theo con đường nào.

Lẽ cố nhiên, con đường thứ hai này, con đường do tôi chỉ-dẫn, sẽ chẳng dễ-dàng đâu. Các em sẽ phải khó-nhọc, phải kiên gan, phải tránh xa những lý-thuyết phỉnh-phờ giả-dối.

Nhưng tôi tin rằng các em sẽ có đủ nghị lực để noi theo con đường của tôi.

Vậy, hồi nam nữ học-sinh, các em trước khi tạm biệt nhà trường và thầy giáo, cô giáo thân yêu, các em hãy nhận định bốn phận, quã-quyết không bao giờ dờn bỏ ý chí:

Xây dựng Quốc Gia Việt-Nam độc-lập và hùng cường.

Đức Quốc-Trưởng các em chúc các em nghị hê vui-vẻ.

● Bộ Quốc-Gia giáo-dục vừa tiếp được thư của văn-phòng Đức Quốc-Trưởng tại Đà-Lạt cho hay rằng: như niên-học trước 1950 — 1951, năm nay Đức Quốc-Trưởng cũng ban đặc-ân cho một số giáo-chức yếu sức, nhất là các giáo-viên tiểu-học và sơ cấp, được đi nghỉ mát một tháng tại Đà-Lạt trong kỳ nghỉ hè này, từ 19 tháng 7 đến 18 tháng 8 dương-lịch.

Các giáo-chức đáng hưởng đặc-ân ấy sẽ khởi-hành trước ngày 19 tháng 7 dương-lịch, và sẽ được một ban tổ-chức do văn-phòng Đức Quốc-Trưởng Đà-Lạt cất-cử sẵn-sức sức khỏe và trù liệu các cuộc giải-tri, để các giáo-chức đã mỏi mệt vì tận tâm với nghĩa-vụ, được bồi dưỡng thể-chất lần tinh-thần, hầu có thể trong niên-học tới háng hui tiếp tục làm

tròn sứ mạng cao cả là đào-tạo những tinh-hoa đất nước.

Tin này làm cho giáo-giới một lần nữa được cảm thấy lòng quảng-đại của Đức Quốc-Trưởng.

● Ngày 10.4.52, Bộ Q.G.G.D. đã tổ chức tại Giảng-Đường Trường Đại-Học, Hà-nội, cuộc diễn thuyết hàng tháng về « Đạo đức với nghệ thuật ». Diễn-giã, ông Ngô thục Địch, Khoa Trưởng Trường Đại Học Văn Khoa, đã căn-cứ vào hai quan-niệm « Thiên » và « Mỹ » để tìm mối liên quan giữa Đạo-đức và Nghệ Thuật.

Sau khi đã xét lập-trường của các triết-gia và các trào-lưu nghệ-thuật qua các thời đại, diễn-giã đã kết luận: nghệ



thuật có một phạm-vi riêng biệt, nhưng vẫn có ảnh hưởng sâu-xa đến đạo-đức và luân-lý. Diễn-giả đã được công-chúng rất hoan-nghênh.

Bản báo sẽ đăng ở một số sau bài diễn-văn đặc sắc này.

• Buổi Phát-Thanh dành riêng cho Bộ Q.G.G.D. vào ngày chủ nhật tại Sài-gòn và Hà-nội, đã nói về những vấn-đề văn hóa và giáo-dục.

Từ đầu tháng ba đến cuối tháng sáu 1952, đã có những bài bình-luận sau đây:

- 1) Tiểu sử Ô.Louis Braille, người tìm ra lối chữ nổi dạy người mù.
- 2) Lược-khảo về đình.
- 3) Hướng-nghiệp
- 4) Một vài đặc-điểm về kỹ thuật học trong trường Quốc-gia Mỹ-nghe.
- 5) Bảo tồn Không-học.
- 6) Quan niệm về giáo-dục xưa và nay.
- 7) Hoạt động thanh-niên trong chương trình Tiểu học.
- 8) Cảm tưởng về môn học quốc-văn.
- 9) Thi-ca và giáo-dục
- 10) Lời khuyên học trò của một giáo-sư nhân dịp nghỉ hè.
- 11) Cách giáo huấn bằng màn ảnh.

• Tại Bắc-Việt, áp dụng chương-trình Y-tế Đại chúng của Viện-trợ Mỹ, người ta đã đào được hơn 300 giảng nước.

Vấn-đề tiếp-tế nước ăn cho dân quê, nhờ công cuộc này, đã tạm giải-quyết được. Theo một dự án mới của sở quản trị Viện Trợ Mỹ Bắc-Việt, số giếng phải đào sẽ còn nhiều hơn thế nữa.

## C. — Tin các nước

• Kể từ 1-2-1952, các học bổng cấp cho du học sinh Việt-Nam tại ngoại quốc, đã được tăng lên như sau:

• Cuộc thi văn chương về « Cá tính Quốc-Gia Việt-Nam », do văn phòng Đức Quốc-Trưởng tổ-chức, trước kia đã ấn-định hạn nộp luận-án cuối cùng vào ngày 25-5-1952, thì nay đã hoãn lại tới ngày 8-10-1952, tức là 20 tháng 8, ngày kỷ-niệm Đức Trần Hưng Đạo.

Luận án phải viết ít nhất là 50 trang đánh máy, cách 2 dòng, không được đề ngày, tháng và không được ký tên.

Tên thật hay biệt hiệu riêng phải để trong thư riêng, kèm với địa chỉ rõ ràng.

• Một cuộc Triền-Lãm tranh vẽ của họa sĩ Trung Hoa Ta Pe Tao, đã được tổ chức tại Nha Thông-Tin Bắc-Việt, dưới quyền chủ tọa của ông Thủ-Hiển Phạm-vân-Bình.

Có rất nhiều bức họa về sơn thủy, điều thú, thảo mộc và nhân vật theo lối Đông-Phương.

Họa-sĩ trưng-bày cả những câu đối và thơ, phú, viết theo lối chữ « thảo » và « lệ ».

• Nha Học-Chính Bắc-Việt đã tổ-chức ngày, chủ nhật 15-6-1952 hồi 8 giờ sáng, tại Nhà Hát Lớn thành phố Hà-nội, lễ long trọng phát thưởng cho học-sinh các trường Tiểu-học và Trung-học công, tư, Hà-nội, dưới quyền chủ-tọa của ông Thủ-Hiển Bắc-Việt.

Bản-báo sẽ trích đăng ở số sau bài diễn-văn của ông Thủ-Hiển.

Buổi lễ đã phát ngót hai trăm phần-thưởng, và đã bế mạc vào hồi 10 giờ 30.

— Sinh-viên tổng học ở Ba-lê, Marseille và ngoại quốc khác, trước được 180.000 quan một năm, nay được 204.000 quan.

— Sinh viên tổng học tại các tỉnh khác ở Pháp, trước được 160.000 quan một năm, nay được 180.000 quan.

• Chính Phủ Quốc-gia Việt-Nam đã nhận lời tham dự cuộc Triền-Lãm Mỹ-Thuật tại Venise năm 1952. Triền lãm này cử hai nam lại tổ-chức một lần.

Các họa-sĩ vẽ lụa hay vẽ sơn dự thi cuộc Triền-Lãm năm 1952, đã gửi tác phẩm đến viện Blanchard de la Brosse tại

Saigon, kèm theo tiểu sử của mình dài nhất là một trang đánh máy.

Một Hội đồng gồm có các vị đại biểu của ba phần và có thẩm quyền về vấn đề này, lựa chọn những tác phẩm có giá trị nhất để tặng thưởng. Giải nhất 15.000 đồng sẽ do Chính Phủ mua.

Những tác phẩm được lưu lại, sẽ do Chính Phủ gửi đi trưng bày và sau đó sẽ hoàn lại tác giả.

## Bộ Quốc - gia Giáo - dục đã xuất - bản :

### a. — Bậc Trung-học

|                                                                             |       |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------|
| — Hóa-học lớp Đệ-Tứ của Nguyễn-đình-Phú (in lần thứ hai) . . . . .          | 6\$00 |
| — " " Đệ-Ngũ " " . . . . .                                                  | 5.00  |
| — " " Đệ-Lục " " . . . . .                                                  | 5.00  |
| — " " Đệ-Thất " " . . . . .                                                 | 4.00  |
| — Vật lý-học lớp Đệ-Tứ " Nguyễn-hữu-Tài . . . . .                           | 10.00 |
| — " " Đệ-Ngũ " " . . . . .                                                  | 10.00 |
| — " " Đệ-Lục " " . . . . .                                                  | 9.00  |
| — " " Đệ-Thất " " . . . . .                                                 | 7.00  |
| — Việt-Nam thi-văn hợp-tuyển của Dương-quảng-lâm (in lần thứ hai) . . . . . | 14.00 |
| — Việt-Nam văn học sử-yếu " " . . . . .                                     | 23.00 |

### b. — Bậc Tiểu-học

|                                                               |       |
|---------------------------------------------------------------|-------|
| — Sử Việt-Nam (lớp nhì) của Bùi-đình-San . . . . .            | 10.00 |
| — Khoa-học thường-thức (lớp ba) của Nguyễn-đình-Huê . . . . . | 6.00  |
| — Sách học quốc-văn (lớp ba) (in lần thứ hai) " . . . . .     | 2.50  |
| — " " (lớp tư) " . . . . .                                    | 5.00  |
| — Vệ-sinh (lớp tư và lớp năm) " . . . . .                     | 1.50  |

### c. — Thông-tin-bạ

|                                                   |      |
|---------------------------------------------------|------|
| — Thông-tin-bạ bậc Trung-học đệ-nhi-cấp . . . . . | 3.00 |
| — " " " đệ-nhất-cấp . . . . .                     | 2.00 |
| — " " Tiểu học . . . . .                          | 2.00 |

# Từ-ngữ hành-chính

(Pháp-Việt đối-chiếu)

(Tiếp theo Văn-Hóa số 2)

- Adresser, — gửi cho, đệ.  
 Adresser une demande : đệ đơn.  
 Adresser en retour dossier composé de.... pièces : đính hoàn hồ sơ nguyên giao gồm.... bản.  
 Adrogation : sự nuôi kế tử.  
 Adrogation cultuelle : sự lập tự.  
 Adulateur : kẻ gian nịnh, siểm nịnh, siểm my.  
 Aduler : siểm nịnh, phỉnh phờ, phỉnh nịnh, siểm my, siểm nịnh.  
 Adulte : tráng dĩnh, trưởng thành.  
 Adultération : sự làm giả, giả mạo, ngụy tạo.  
 Adultération d'un texte : sự giả mạo văn kiện.  
 Adultère : ngoại tình, ngoại dâm, gian thông, thông dâm, thông gian, hòa gian, phạm gian.  
 Accuser d'adultère : cáo gian, cáo dâm.  
 La femme adultère et son complice, couple adultère : gian phu, dâm phụ.  
 Adultérin, enfant adultérin : con ngoại tình.  
 Ad valorem : chiếu giá (đánh thuế quan),  
 Taxe ad valorem : thuế chiếu giá.  
 Adversaire : bên địch, địch thủ, đối phương, đối thủ, đối tụng, tương kháng, đấu thủ.  
 Adversaire politique : chính địch.  
 Adverse. — thuộc về bên địch, đối phương, đối thủ.  
 Partie adverse : đối phương, bên địch.  
 Avocat adverse : luật sư bên đối phương.  
 Adversité : nghịch cảnh, nghịch vận, họa-hoạn, tuần bỉ, vận bỉ, vận xuy, đảo vận, gian truân.  
 Etre aux prises avec l'adversité : bị hãm vào nghịch cảnh, vận hạn.  
 Aérien. — thuộc về hạng không. thuộc về không gian, ở trong không gian.  
 Navigation aérienne : hàng không.  
 Transport aérien : vận tải hàng không.  
 Ligue aérienne : đường hàng không.  
 Défense aérienne : không trung phòng thủ, phòng không.  
 Police de la navigation aérienne : cảnh sát hàng không.  
 Espace aérien : không phận, không tể, không trung.  
 Aéronaute : phi hành gia.  
 Aéronautique : môn hàng không, thuật hàng không. Aéronautique civile : dân dụng hàng không.

- Aéronautique militaire : quân dụng hàng không.  
 Aéronef : phi cơ, phi đĩnh.  
 Affaiblir : làm yếu đi, giảm đi, tước nhược, giảm sức, bại liệt.  
 Affaire : sự vụ, vụ kiện công việc, sự kiện, sự hạng, sự loại, công cuộc.  
 Affaire civile : vụ kiện dân sự, dân sự vụ.  
 Affaire militaire : binh vụ, quân vụ, quân sự.  
 Affaire pénale : vụ kiện, hình sự, hình vụ.  
 Affaire judiciaire : án vụ, án sự.  
 Affaire courante : công việc hàng ngày, thường vụ.  
 Affaire d'état : quốc sự, quốc vụ, việc nước.  
 Affaire publique : công vụ, việc công.  
 Affaire principale : tiền vụ, việc chính.  
 Affaire urgente : việc khẩn, cấp khẩn vụ, cấp sự, cấp vụ.  
 Affaire importante : việc quan hệ, trọng yếu, vụ vụ quan trọng.  
 Affaire en instance : việc đương xét, việc đợi giải quyết, sĩ hành.  
 Affaire pendante : việc chưa xong, chưa giải quyết, việc sĩ cứu.  
 Affaire tranchée : việc đã xét xong, đã quyết định.  
 Affaire conclue : việc đã thanh khoản, đã kết liễu.  
 Affaire confidentielle : việc mật, việc kín.  
 Affaire en cours : việc đương xét, hiện hành.  
 Affaire réservée : việc dành riêng, để riêng, việc cần nhiệm.  
 Affaire secrète : việc bí mật, mật sự.  
 Affaires diverses : việc vặt, tạp sự, tạp vụ.  
 Affaire de simple police : việc vi cảnh.  
 Affaire manquée : việc không thành, bại sự.  
 Affaire ébruitée : việc tiết lộ, bại lộ.  
 Chiffre d'affaires : doanh nghiệp xuất, tổng số mậu dịch.  
 Affaires connexes : việc liên can với nhau; liên khiên sự vụ, tương liên sự vụ.  
 Homme d'affaires : nhà doanh nghiệp.  
 Examiner une affaire : xét một việc.  
 Classer une affaire : định cứu một việc.  
 Affectation. — sự sung dụng, quy dụng, sự bổ nhiệm, bổ dụng, ủy nhiệm, sự kiều sức.  
 Affecter. — Bổ nhiệm, bổ dụng, kiểu sức, sung dụng, cầm động, Affecter à : chuyên dùng về.  
 Affecter des fonds à une dépense : dùng tiền vào một khoản tiêu.  
 Affecter un fonctionnaire : bổ nhiệm một viên chức.



- Affecter un édifice à un usage : *sung tòa nhà vào việc gì, dùng tòa nhà về việc gì.*
- Affecter au culte : *chuyên dùng về lễ tự.*
- Affectueux : *thân ái* Pensées affectueuses : *luyện niệm, tư niệm luyện ái.*
- Souvenir affectueux : *kỷ niệm thân ái.*
- Afférent. — *sở thuộc.*
- Part afférente à quelqu'un : *phần sở thuộc về ai.*
- Affermage : *sự lĩnh canh, cho lĩnh canh, cho lĩnh trung.*
- Affermage des marchés : *sự cho trưng thuế chợ.*
- Affermataire : *người lĩnh canh, lĩnh trung.*
- Affermateur : *người cho lĩnh canh, cho trưng.*
- Affermer : *lĩnh canh ; lĩnh trưng, cho lĩnh canh, canh trưng, trưng thầu, trưng lĩnh.*
- Affermer des rizières : *trưng điền, trưng ruộng, lĩnh canh.*
- Affichage : *yết thị, niêm yết, quảng cáo, chiêu đãi.*
- Vacation à l'affichage : *sự thuê người niêm yết, yết thị.*
- Droits des vacations à l'affichage : *tiền thuê người niêm yết, yết thị.*
- Par voie d'affichage : *bằng cách yết thị, dùng cách quảng cáo.*
- Affichage interdit : *chỗ không được dán quảng cáo, yết thị.*
- Affichage électorale : *bá cáo về việc bầu cử.*
- Affiche : *giấy quảng cáo, yết thị, cáo thị, giấy niêm yết, chiêu đãi, chiêu bài, bài thi.*
- Tableau à affiches : *bảng cáo thị bằng yết thị.*
- Affiche électorale : *giấy yết thị, cáo thị về việc bầu cử.*
- Afficher : *yết thị, niêm yết, chiêu đãi, quảng cáo, bá cáo, cáo thị.*
- Afficher un tableau : *phóng bảng, treo bảng, ra bảng, yết bảng.*
- Afficher au marché : *tieu thị.*
- Afficher le nom : *tiêu danh, dương danh, phổ danh.*
- Affiliation : *sự gia nhập, vào hội.*
- Affinité : *tình ân gia ; mối liên quan, sự phù hợp ; tình thanh khí.*
- Affirmatif : *có tính cách xác thực, quyết đoán.*
- Affirmation : *sự xác nhận, sự quyết đoán.*
- Affirmer : *xác nhận, tất định, khẳng định, quyết đoán.*
- Affirmer catégoriquement : *nhất quyết, quyết đoán.*
- Afflictif : *thuộc về thân thể.*
- Peine afflictive : *thề hình.*
- Affligé : *ưu li, ưu phiền, khổ não.*
- Affluent : *chi lưu, chi thủy, hợp lưu.*
- Affranchir : *giải phóng, trả bưu phí.*
- Affranchir une propriété : *miễn thuế tư sản.*

- Affréter : *thuê thuyền, thuê tàu.*
- Affréter une barque : *thuê thuyền.*
- Affréteur : *người thuê thuyền, thuê tàu.*
- (Fréteur : *người cho thuê thuyền, thuê tàu.*)
- A fortiori : *cổ nhiên, phương chi, hưởng chi, hưởng hồ, hà hưởng, hưởng thả.*
- Age : *tuổi, thời đại.*
- Age présumé : *tuổi ước chừng, tuổi ước lượng, tuổi ước đoán, ước đoán.*
- Age de la puberté : *tuổi cập kê, tuổi lấy vợ, lấy chồng ; tuổi dậy thì.*
- Agence : *nhà đại lý, chỉ điểm phân cục, chi quán.*
- Agence de commerce : *thương cục.*
- Agence de publicité : *sở quảng cáo.*
- Agence de placement : *sở tìm việc.*
- Agence d'information : *sở thông tin.*
- Agence de presse : *thông tấn xã.*
- Agence d'affaires : *biện sự phòng.*
- Agence économique : *kinh tế cục, sở đại diện kinh tế.*
- Agence télégraphique : *điện báo thông tin xã, sở thông tin điện báo.*
- Agence matrimoniale : *hôn nhân giới thiệu sở.*
- Agence générale : *tổng cục, đại ti, tổng ti.*
- Agence spéciale : *đặc ngành cục (về ngân khố).*
- Agent. — *động nhân, nguyên động lực, người đại diện cho một công sở, một hãng, một hội buôn, một nhà công nghệ v.v.*
- Agent de l'Administration : *viên chức, công chức.*
- Agent d'affaires : *người chạy việc, biện sự viên.*
- Agent agronome : *nông chính cán sự, nông chính chuyên nghiệp.*
- Agent commercial : *người đại lý thương mại.*
- Agent comptable : *kế toán viên, viên kế toán.*
- Agent de change : *hối đoái viên.*
- Agent électorale : *người vận động tuyển cử.*
- Agent d'exécution : *người thừa hành.*
- Agent de paiement : *phát ngân viên.*
- Agent de poursuite : *truy nặc viên, bộ khoái, mã khoái.*
- Agent de la police judiciaire : *tư pháp cảnh sát viên.*
- Agent diplomatique : *viên chức ngoại giao.*
- Agent consulaire : *viên chức lãnh sự.*
- Agent forestier : *viên chức kiểm lâm.*
- Agent technique : *cán sự chuyên môn, viên chức chuyên môn.*
- Agent voyer : *cán sự đạo lộ.*
- Agent de liaison : *liên lạc viên.*

Agent sanitaire : *viên chức y tế, viên chức vệ sinh.*  
 Agent secret : *trình sát viên, thám tử.*  
 Agent assermenté : *nhân viên tuyên thệ, đoan thệ.*  
 Agent de police : *linh cảnh sát, cảnh binh, cảnh bị.*  
 Agent de sûreté : *thám tử, trình sát viên.*  
 Agent de la police municipale : *cảnh binh thành phố, linh cảnh bị thị xã.*  
 Agent de la police rurale : *phu tuần, cảnh binh hương thôn.*  
 Agent des mœurs : *đội con gái.*  
 Agent des Douanes et Régies : *linh đoan.*  
 Agents spéciaux du trésor : *đặc ngân viên.*  
 Agglomération : *quần tụ.*  
 Grande agglomération : *thống đô đại ấp, nơi đô hội, thị trấn lớn.*  
 Aggravant : *gia trọng, làm nặng thêm.*  
 Circonstances aggravantes : *tình trạng gia trọng, tình trạng gia tội, tăng tội, trường hợp gia đặng.*  
 Aggravation : *sự gia trọng.*  
 Aggravation de peine : *gia đặng tội, gia tội.*  
 Atténuation et aggravation de peine : *sự gia giảm tội.*  
 Aggraver. — *gia đặng, gia trọng.*  
 Aggraver la situation : *làm cho*

*lình thế thêm nghiêm trọng, gia trọng tình thế.*  
 Agio : *tiền các (đổi bạc).*  
 Agioter : *đầu cơ về hối đoái.*  
 Agiotage : *sự đầu cơ về hối đoái.*  
 Agir : *hành động, vận động.*  
 Agir au nom et à la place de : *đại diện thay thế ai mà hành động.*  
 Agir en justice : *thưa kiện, tố tụng, kiện tụng.*  
 Agir civilement : *kiện về hộ.*  
 Agir en l'acquit de : *thay mặt ai mà trả.*  
 Agir suivant le cas : *lựa việc; hành động tùy trường hợp.*  
 Agir avec discernement : *hành động có ý thức, biết phải trái.*  
 Agir sans discernement : *hành động vô ý thức, không biết phải trái.*  
 Agitateur : *kẻ phiến loạn, phiến động.*  
 Agiter : *giao động, lay động, chấn động, chấn giao.*  
 Agité : *xáo động.*  
 Agonie : *lâm chung, lâm tử, hấp hối.*  
 Agraire : *thuộc về ruộng đất, điền thổ.*  
 Lois agraires : *luật phân điền, quân điền pháp, phép quân điền.*  
 Mouvement agraire : *nông dân vận động.*  
 Socialisme agraire : *chủ nghĩa xã hội nông nghiệp.*

Réformes agraires : *cải cách chế độ điền thổ.*  
 Agrandir : *phóng to ra, mở mang thêm, khai thác, hoành khai, khuếch đại, phóng đại, khuếch trương, mở rộng.*  
 Agréable : *mĩ duyệt, thích ý, lý thú.*  
 Agréé : *đại diện thương sự tổ tụng, thương sự đại tụng.*  
 Agréer : *nhận, bằng lòng, hiệp ý, gia nạp.*  
 Expert agréé : *giám định viên công nhận.*  
 Agrégé : *thạc sĩ. Agrégé d'enseignement secondaire : thạc sĩ trung học.*  
 Agrégé d'enseignement supérieur : *thạc sĩ đại học.*  
 Agrément : *sự chuẩn hứa, ưng chuẩn.*  
 Art d'agrément : *du nghệ.*  
 Agrément préalable : *chuẩn hứa trước.*  
 Agresseur : *người gây dựng, gây hấn, xâm lược, xâm kích, xâm phạm, kẻ xâm lăng.*  
 Agression : *sự gây sự, gây hấn, xâm lược, xâm kích, công kích, xâm dả, xâm phạm, xâm lăng.*  
 Politique d'agression : *chính sách xâm lược, gây hấn.*  
 Politique de non-agression : *chính sách bất khai hấn.*  
 Guerre d'agression : *chiến tranh xâm lược.*  
 Agricole : *thuộc về canh nông—Travaux agricoles : nông tác.*  
 Agriculteur : *điền gia, điền hộ, nông gia, nhà làm ruộng.*  
 Agriculture : *nông nghiệp, nông nghệ.*  
 Agronome : *thuộc về nông chính.*  
 Agent agronome : *nhà chuyên môn nông chính, nông chính chuyên nghiệp gia.*  
 Agronomie : *nông học, nông khoa.*  
 Association agricole : *nông dân hiệp hội.*  
 Zoologie agricole : *nông nghiệp động vật học.*  
 Banque agricole : *nông nghiệp ngân hàng.*  
 Aide : *phù trợ, viện trợ, bảo trợ, tán trợ, tế hiệp, trợ lực, người giúp việc, bang thủ, phù tá, tá dịch, viện thủ.*  
 Aide financière : *tiền tuất trợ, tiền trợ cấp.*  
 Aide, secours et assistance : *sự phù trợ, cứu mang, tiếp viện cứu tế.*  
 Venir en aide : *tư cấp, trợ cấp.*  
 Aide de camp : *tùy-viên sĩ-quan.*  
 Aide mutuelle : *trợ tế. Aide extérieure : ngoại viện.*  
 Aide-mémoire : *bản bị-vong, bản ghi đề nhớ.*  
 Aide pécuniaire : *trợ ngân.*  
 Aider : *phù trợ, giúp việc, bảo trợ, bồi trợ, tá dẫn, tán trợ, tế hiệp, tế phù, tuất trợ, tư giúp, tư phù, tư trợ, viện trợ.*  
 Aile : *cánh — Aile droite : hữu quân, hữu dực — Aile d'un bâtiment : dực thất, cái trái.*



- Aile gauche : *tả quân, tả dực.*
- Air—Ecole en plein air : *lộ thiên học đường.*
- Airain. đồng thau. Loi d'airain : *luật thép.*
- Aïnesse. Droit d'aïnesse : *trưởng tử kế thừa pháp, trưởng tử kế thừa quyền.*
- Aïsansce : *phong lưu.*
- Ajournement : *sự hoãn lại, giấy đòi ra tòa, sự triển kỳ.*
- Ajourner : *hoãn lại, trì hoãn, diên các, diên hoãn, đình hoãn, hoãn ngày, khoan hoãn, triển hoãn, triển kỳ.*
- Ajourner le paiement d'une dette : *khất nợ*
- Ajourner à huitaine : *hoãn lại một tuần.*
- Ajourner à quinzaine : *hoãn lại nửa tháng.*
- Ajourner sine die : *hoãn lại không kỳ hạn,*
- Ajourner un candidat : *loại một thí sinh.*
- Candidat ajourné : *thí sinh bất cập cách, thí sinh bị loại.*
- Ajouter. — *Thêm, viết thêm, tục vào, gia thêm.*
- Ajusteur : *thợ nguội.*
- Approuvé un mot ajouté : *nhận thêm một chữ, di một chữ (đồ, di câu, cải).*
- Ajustement : *sự định chính, định toán, lắp đúng, sự lắp máy, lắp mộng, điều chuẩn.*
- Ajustement d'une pièce : *sự lắp đúng một bộ phận.*
- Ajustement du tir : *cách điều chuẩn sự bắn.*
- Alambic : *máy cất.*
- Alarme : *cảnh báo. Sonnette d'alarme : chuông cảnh báo, báo động.*
- Aléa : *may rủi, bấp bênh, không chắc.*
- Aléatoire : *có sự may rủi, bấp bênh, không chắc.*
- Contrat aléatoire : *khế ước bấp bênh, khế ước không chắc, khế ước may rủi, kiêu hạnh khế ước.*
- Alcoomètre : *từ tinh biểu, từ tinh kế, thước đo rượu.*
- Alerte : *báo động, cảnh báo.*
- Alerte aérienne : *báo động phòng không, phòng không cảnh báo.*
- Etat d'alerte : *trình thế báo động.*
- Alerter : *báo, cấp báo.*
- Alerter les autorités : *cấp báo nhà chức trách.*
- Alésage : *thống thủy.*
- Aleser : *chữa thông thủy.*
- Alibi : *chứng cứ tỏ bị cáo vắng mặt nơi việc đã xảy ra, sự viện chứng ngoại diện trường số.*
- Aliénable : *có thể bán được, nhượng được, chuyển dịch được.*

- Droit aliénable : *quyền có thể chuyển dịch, nhượng được.*
- Bien aliénable : *tài sản có thể chuyển dịch, nhượng được.*
- Aliénataire : *người thụ nhượng.*
- Aliénateur : *người nhượng dữ.*
- Aliénation : *sự bán, nhượng dữ, chuyển dịch.*
- Droit d'aliénation : *quyền nhượng dữ, chuyển dịch.*
- Aliénation volontaire : *tự quyền chuyển dịch, nhượng dữ ; tự ý phát mại.*
- Aliénation gratuite : *sự, vật cho không.*
- Aliénation à titre onéreux : *hữu thường nhượng dữ, chuyển dịch mất tiền ; hữu tòn chuyển dịch.*
- Aliénation à titre gratuit : *vô thường nhượng dữ, chuyển dịch không mất tiền, vô tòn chuyển dịch.*
- Aliénation mentale : *trình thần thác loạn ; diên cuồng, cuồng võng.*
- Aliéné : *kể diên rồ, loạn óc.*
- Asile des aliénés : *nhà thương điên.*
- Aliéner : *nhượng dữ, chuyển dịch.*
- Alignement : *sự xây thẳng đường, sự làm nhà theo lề đường.*
- Maison frappée d'alignement : *nhà phải xén theo lề đường.*
- Alignement d'une politique : *sự phù hợp một chính sách.*
- Alimentaire : *thuộc về đồ ăn ; thuộc về sự cấp dưỡng, tư dưỡng, tư cấp.*
- Obligation alimentaire : *nghĩa vụ cấp dưỡng.*
- Dette alimentaire : *nghĩa vụ cấp dưỡng, cấp dưỡng trái.*
- Pension alimentaire : *cấp dưỡng phi tiền thực cấp, tiền cấp dưỡng.*
- Denrées alimentaires : *đồ ăn, thực phẩm.*
- Alimenter. — *cho ăn, nuôi sống, khiến được sinh tồn, tồn tại, duy trì.*
- Alimenter une caisse : *bổ sung ngân quỹ, sung ngân quỹ, cung cấp ngân quỹ.*
- Alimenter le budget : *bổ sung, cung cấp ngân sách.*
- Alinéa : *đoạn.*
- Aliquote : *phân ước.*
- Partie aliquote : *ước số, phân số đúng.*
- Allégation : *sự tố bầy, thanh minh, trưng ra, trần thuật, dẫn lý, dẫn chứng, viện ra, lời doan.*
- Fausse allégations : *niết xưng, nguy chứng.*
- Allégation mensongère : *trá ngôn, tạo ngôn, trá ngữ, sự viện lý man.*
- Allégeance : *lòng trung quân, trung với quốc dân ; sự giám nhệ.*
- Serment d'allégeance : *tuyên thệ trung quân (Anh cát lợi).*

- Alléger : làm cho nhẹ bớt.  
 Alléger un impôt : giảm thuế  
 Alléger les charges du budget : giảm gánh nặng cho ngân sách, giảm kinh phí cho ngân sách.  
 Alléguer : tỏ bày, thanh minh, chứng minh, trần thuật, viện lý, dẫn chứng.  
 Alléguer un précédent : dẫn lệ, viện cựu lệ.  
 Alléguer des raisons : viện lý.  
 Alléguer des excuses : thác từ.  
 Alléguer un fait : viện một lẽ.  
 Alliance : đồng minh, hội minh, liên minh, liên ước, liên kết, giao hiếu, tiền hợp, kết hôn, thông gia, thông hiếu, họ nhà vợ, họ nhà chồng, họ bên vợ, bên chồng, liên thuộc, thân thích.  
 Trait d'alliance : hiệp ước liên minh, hiệp ước, đồng minh, điều ước.  
 Quadruple alliance : tứ giác đồng minh; tứ quốc liên minh.  
 Alliance de deux familles : hai họ kết liên, giao hiếu, hai nhà kết thân.  
 Alliance en ligne directe : thích thuộc trực hệ, liên thuộc trực hệ.  
 Parent par alliance : liên nhân, ăn gia, nhân gia.  
 S'allier : đồng minh, hợp tưng, liên hội, liên hợp, giao hiếu...  
 Allié : liên hiệp, liên minh, đồng minh, thông gia, thích thuộc, họ bên vợ, họ bên chồng, ngoại thân, ngoại thuộc, ngoại thích, thân gia.  
 Les troupes alliées : quân đồng minh, liên quân.  
 Pays allié : nước đồng minh.  
 Argent allié : bạc pha.  
 Familles alliées : liên nhân.  
 Alliés et amis : hôn hữu; thân gia, bằng hữu.  
 Allivrement : thuế xuất.  
 Allocataire : người được hưởng trợ cấp, phụ cấp.  
 Allocation : tiền trợ cấp, phụ cấp, bổng cấp, cấp khoản.  
 Allocation familiale : tiền trợ cấp gia đình.  
 Allocation forfaitaire : lãnh khoản phụ cấp.  
 Allogène : dị chủng, dị loại, biệt chủng.  
 Allonyme : mạo danh, tác giả mạo danh.  
 Allotif : chia thành lô, thành phần, quân cấp.  
 Allotissement de rizières et terrains communaux : quân cấp công điền công thổ.  
 Allouer : cho, cấp phát, trợ cấp, chi cấp, chế cấp (một món tiền), Allouer un crédit : cấp kinh phí, cấp một khoản tiền.  
 Allouer une indemnité : bồi thường, cấp tiền bồi thường,

- Allure suspecte : bộ điệu khả nghi, bộ dạng khả nghi.  
 Allusion : diềm cổ. Faire allusion à : ám chỉ  
 Alluvial -- Alluvionnaire : thuộc về đất bồi, phù sa.  
 Banc de terrain alluvionnaire : châu thổ.  
 Terrains alluviaux : đất phù sa.  
 Alluvion -- đất bồi, phù sa, đất xung tích.  
 Terre d'alluvion : đất bồi, đất bãi.  
 Alluvionnement : sự bồi đất, đất bồi chuyển di.  
 Almanach : lịch thư.  
 Altération : sự hư hỏng, biến đổi, giả mạo, ngụy tạo, biến tạo.  
 Alpiniste : kẻ du sơn; người thích chơi núi.  
 Addition ou altération des clauses : tăng gia hay ngụy tạo những điều khoản, tăng thêm hoặc man trá điều khoản.  
 Altérer : làm hư hỏng, sai hỏng, biến đổi, biến tính, biến chất, làm giả, ngụy tạo, biến tạo, cải biến, biến hoại.  
 Altérer la vérité : làm sai sự thật, biến cải sự thật.  
 Altérer un texte : biến đổi văn thư, ngụy tạo văn thư.  
 Altérer la monnaie : biến tạo tiền tệ, ngụy tạo tiền tệ.  
 Alternatif : đắp đổi, biến canh, đổi thay.  
 Choses alternatives : vật hạng, sự vật đắp đổi, canh thế, đổi thay.  
 Obligations alternatives : nghĩa vụ đắp đổi, đổi thay.  
 Courant alternatif : điện đổi chiều, xoay chiều, dòng điện giao lưu.  
 Altimètre : cao độ kế.  
 Altruisme : lợi nhân, lợi tha, ái tha, vị tha chủ nghĩa.  
 Amasser : súc tích, thu tích, thu trữ, thu lưu, trữ súc, dồn tích.  
 Ambassade : sứ bộ, sứ quán.  
 Amasser des richesses : tích tài.  
 Personnel d'ambassade : nhân viên tòa sứ quán, toà đại sứ.  
 Attaché d'ambassade : tùy viên đại sứ. Hôtel d'ambassade : sứ quán, công sứ tùy viên.  
 Ambassadeur : đại sứ, sứ thần, quốc sứ.  
 Ambassadeur plénipotentiaire : toàn quyền đại sứ.  
 Ambassadeur extraordinaire : đặc sứ.  
 Ambiance : ngoại cảnh,  
 Ambigu : hàm hồ, mơ hồ, tối nghĩa, nước đôi, hối nghĩa.  
 Texte ambigu : văn thư tối nghĩa, hàm hồ.  
 Clause ambiguë : điều khoản tối nghĩa, nước đôi, hồ đồ.  
 Ambulance : xe bệnh viện chở bệnh nhân. Bệnh viện lưu động của quân đội.  
 Ambulance médicale : lưu động y viện.



- Corps d'ambulance : *đội quân y.*  
 Ambulant. — *đi rong.*  
 Marchand ambulante : *người bán hàng rong, thương lữ.*  
 Âme : *linh hồn, tâm hồn.* Se dévouer corps et âme : *cúc cung tận tụy, tận trung.*  
 Améliorer : *gia hảo, tu bổ, làm tinh tiến, cải thiện.*  
 Améliorer le sort de : *cải thiện số phận, thân phận.*  
 Améliorer la situation : *cải thiện tình trạng, tình thế, tình cảnh, địa vị, trạng huống.*  
 Aménage. — Amenée : *sự chuyên chở, vận tải.*  
 Frais d'aménage : *cước phí.*  
 Aménagement : *bố trí, kiến tạo, sửa sang, sắp đặt, tu bổ.*  
 Taxe d'aménagement des routes : *thuế sửa đường.*  
 Aménager : *sắp đặt, sửa sang, tu bổ bố trí, kiến tạo.*  
 Amende : *tiền phạt, phạt bạc, phạt tiền, phạt ngân, phạt kim.*  
 Amende retenue sur les appointements : *phạt bằng, tiền phạt, khấu trừ vào lương.*  
 Peine d'amende : *phạt kim hình.*  
 Amende civile : *dân sự phạt khoản.*  
 Amende transactionnelle : *điều giải phạt khoản, điều sự phạt khoản.*  
 Faire amende honorable : *công khai, nhận lỗi, tạ lỗi, phạt tạ, bồi lễ.*  
 Amendement : *cải thiện, cải lương, tu bổ, tu chính.*  
 Amendement à la constitution : *tu chính hiến pháp.*  
 Amendement à un projet de loi : *tu chính luật án.*  
 Amender : *sửa cho tốt thêm, cải lương, cải thiện, kiểu chính, tu chính, tu bổ, tu cải, tu đĩnh.*  
 Amender un projet de loi : *tu chính luật án.*  
 Amender les mœurs : *cải lương phong-tục.*  
 Amender une terre : *bón đất.*  
 S'amender : *sửa mình, sửa tinh nết, sửa lỗi, cải quá, hối cải tự tân, tu thiện, cải thiện.*  
 Amener : *đưa, dẫn, đem đến, diu dắt đến, gây ra.*  
 Mandat d'amener : *trát nã, trát bắt, trát thân dẫn, thời dẫn, câu phiêu.*  
 Amener ses voiles : *hạ buồm.*  
 Amener le drapeau : *dầu hàng, hạ cờ.*  
 Amener des complications : *gây ra phiền phức, thác tạp.*  
 Ameublir : *động sản nóa, coi như một động sản, biến thành động sản.*  
 Amiable : *thỏa thuận.*  
 Arrangement amiable : *đều đĩnh thỏa thuận, dàn xếp ổn thỏa.*  
 Divorce amiable : *ly hôn thỏa thuận.*  
 Partage amiable : *phân sản thỏa thuận, thỏa thuận chia của.*

- Liquidation amiable : *sự thỏa thuận, thanh lý, thỏa thuận thanh toán, hiệp nghị thanh toán, sự thanh thỏa.*  
 A l'amiable : *hai bên thỏa thuận, hiệp hải.*  
 Régler à l'amiable : *điều đình.*  
 Vente à l'amiable : *bán thỏa thuận, thỏa mại, chằm chước thỏa mại.*  
 Amical : *thân thiện, thân hữu.*  
 Amicale : *ái-hữu hội, hội ái-hữu.*  
 Amiral commandant la flotte : *hải quân tổng tư lệnh, hải quân thượng tướng.*  
 Contre-amiral : *hải quân thiếu tướng.*  
 Vice-amiral : *hải quân trung tướng.*  
 Amiral : *thủy sư đô đốc.*  
 Amirauté : *hải quân tư lệnh bộ, hải quân bộ, hải quân tài phán sở.*  
 Conseil d'amirauté : *hội nghị tư lệnh hải quân.*  
 Amitié : *lan tình, tình bằng hữu, tình hữu nghị.*  
 Vieille amitié : *khế nghị, thế nghị, nghĩa thâm giao.*  
 Amnistiant : *xá miễn, đại xá.*  
 Grâce amnistiant : *đại ân xá.*  
 Amnistie : *xá miễn, đại xá.*  
 Proclamation de l'amnistie : *tuyên xá.*  
 Amnistier : *phóng xá, tuyên xá.*  
 Amodiataire : *người thuê ruộng đất hoặc mỏ.*  
 En amont : *mạn trên.*  
 Amoindrir : *khinh giảm.*  
 Amodiateur : *người cho thuê ruộng đất hoặc mỏ.*  
 Amodiation : *sự cho thuê ruộng đất hoặc mỏ.*  
 Amodier : *cho thuê đất hoặc mỏ.*  
 Amoral : *vô luân lý; phi luân.*  
 Amorce : *mồi.*  
 Amorce des armes à feu : *bọc quản, hột kíp.*  
 Amortir : *trừ dần, trả dần, làm yếu dần.*  
 Amortir une dette : *trả nợ dần, giảm trái.*  
 Amortir le capital : *thu dần lại vốn.*  
 Amortir un matériel : *thu dần tiền mua dụng cụ.*  
 Amortissable. — *có thể trả dần, thu dần về.*  
 Rente amortissable : *niên kim trả dần được.*  
 Amortissement : *tiêu khước cơ kim, giảm trái cơ kim, sự trả dần, bù dần, hoàn dần vốn, sự hủy giá dần dần, trả dần cho đến khi hết.*  
 Caisse d'amortissement : *quỹ giảm trái.*  
 Amortissement annuel : *số trừ dần hàng năm, số trả hàng năm.*

- Fonds d'amortissement des dettes: *giảm trái cơ kim.*
- Fonds d'amortissement: *giảm trái cơ kim, tiêu khước cơ kim, chiết cụ cơ kim.*
- Amortissement de matériel: *trừ hao mòn, dụng cụ chiết cụ.*
- Amortissement d'une dette: *sự trừ dần một món nợ.*
- Amovible: *có thể di dịch, có thể chuyển chuyển, chuyển hoán, có thể tháo ra được.*
- Juge amovible: *thẩm phán có thể chuyển hoán.*
- Pièce amovible: *phần tháo ra được.*
- Ampliation, acte ampliatif: *bản thêm, phúc bản, phó bản, bản sao lục.*
- Alphabétisme: *nạn mù chữ, nạn thất học.*
- Analyse: *phân tách, phân giải, giải thích, phân tích.*
- Analyse des pièces: *phân tích văn kiện, liệt kê văn kiện.*
- Analyse chimique: *hóa phân.*
- Analyse des matières suspectes: *hóa phân nghi vật.*
- Analytique: *thuộc về phân tích.*
- Table analytique: *tổng mục loại chí, bản tổng kê.*
- Conclusion analytique: *phân tích chung đoán.*
- Anarchie: *chế độ vô chính-phủ, sự hỗn độn, hỗn loạn.*
- Anarchisme: *thuyết vô chính phủ, chủ nghĩa vô chính phủ, vô chính phủ chủ nghĩa.*
- Anarchisme organisé: *vô chính phủ có tổ chức.*
- Anarchisme révolutionnaire: *cách mệnh vô chính phủ chủ nghĩa.*
- Anarchisme communiste: *cộng sản vô chính phủ chủ nghĩa.*
- Anarchiste. — *thuộc về phái vô chính phủ, vô chủ. Doctrine anarchiste: chủ nghĩa vô chính phủ.*
- Anatocisme: *phép phức lợi, lãi đắp lên gốc.*
- Ancêtres. — *Culte des ancêtres: thờ phụng tổ tiên.*
- Premier ancêtre: *thủy tổ.*
- Autel; temple des ancêtres: *từ đường.*
- Temple des ancêtres de l'Empereur: *tôn miếu, thái miếu.*
- Ancien: *cũ, cựu, nguyên, thâm niên.*
- Histoire ancienne: *cổ sử.*
- Ancien ministre: *cựu tổng trưởng, nguyên tổng trưởng.*
- Ancien combattant: *cựu chiến sĩ, cựu chiến binh.*
- Ancienneté: *niên-cách, thâm-niên.*
- Ordre d'ancienneté: *thứ tự theo niên-cách, thứ tự thâm-niên.*
- Pension d'ancienneté: *hưu bổng thâm niên.*
- Avancement à l'ancienneté: *thăng trật thâm niên, định niên.*

- Annéantir: *tiêu diệt, tuyệt diệt, diệt vong, hủy diệt, hủy hoại.*
- Anesthésie: *sự làm tê liệt.*
- Animateur: *thủ xưởng, động nhân.*
- Annales: *biên niên sử.*
- Année: *năm, niên.*
- Année en cours — Année courante: *đương niên, bản niên, lưu niên, hành niên.*
- Année passée: *năm ngoái, khứ niên.*
- Année écoulée: *năm đã qua, khứ niên.*
- Année prochaine: *năm sau, lai niên, minh niên.*
- Année bissextile: *năm nhuận.*
- Année révolue: *táp niên, năm tròn.*
- Année lunaire: *năm âm lịch.*
- Année solaire: *năm dương lịch.*
- Annexe: *phụ thuộc, phụ thêm, phụ sở, chi điểm, phụ kim.*
- Pièces annexes: *phụ kiện, bản phụ, bản phụ kèm.*
- Annexion: *sự sáp nhập, thôn tính, chiếm đoạt.*
- Annihiler: *tiêu hủy, hủy bỏ.*
- Annihiler un acte: *hủy bỏ văn thư, thủ tiêu một văn kiện.*
- Anniversaire — Anniversaire de la naissance: *ngày thọ đản, ngày sinh nhật.*
- Anniversaire de la mort: *ngày húy, húy nhật, ngày kỵ, ngày giỗ.*
- Annonces: *bá cáo, thông cáo, quảng cáo.*
- Annonces légales: *pháp định bá cáo, pháp định cáo bạch.*
- Annonces judiciaires: *tư pháp bá cáo.*
- Annoncer: *báo, khai cáo, khai sự.*
- Annotation: *lời chú thích, chú giải, phụ chú, ghi chú, phê bình, chú dẫn, biên chú, bổ chú, tiêu chú.*
- Annotation en marge. Annotation marginale: *bàng chú.*
- Annotation impériale: *châu phê, ngự phê.*
- Annoter: *chú dẫn, biên chú, bổ chú, phê phó.*
- Annuaire: *niên thư, niên biên, niên phá, niên giám.*
- Annualité: *tính cách hàng năm — Principe de la l'annualité: niên khóa nguyên tắc.*
- Annuel: *hàng năm, năm một, từng năm.*
- Compte annuel: *tuế kế.*
- Recettes annuelles: *khảo thu hàng năm, tuế nhập.*
- Dépenses annuelles: *khảo chi hàng năm, niên phí, tuế phí, trữ xuất, món tiêu hàng năm.*
- Solde annuelle: *niên bằng.*
- Gestion annuelle: *niên khóa.*



- Rapport annuel : *tờ trình hàng năm, báo cáo hàng năm.*
- Récolle annuelle : *luế thành.*
- Annuellement : *đệ niên.*
- Annuité : *tiền trả góp hàng năm, cả vốn lẫn lãi, tiền trả từng năm một, niên khoản, niên ngạch, niên kim.*
- Annuité fixe : *niên kim cố định ngạch.*
- Annuité variable : *niên - kim thay đổi.*
- Annuité à vie : *chung-thân niên-kim.*
- Annulable : *có thể hủy bỏ, thủ tiêu, phế chỉ, triệt tiêu.*
- Acte annulable : *chứng thư có thể thủ tiêu.*
- Annulation : *sự hủy bỏ, phế chỉ, thủ tiêu, tiêu hủy, thủ tiêu nguyên án.*
- Annulation d'un mariage : *thủ tiêu hôn nhân, hôn thư.*
- Annulation d'un contrat : *thủ tiêu khế ước.*
- Droit d'annulation : *thủ tiêu quyền, quyền thủ tiêu.*
- Chambre d'annulation : *viện tiêu án.*
- Recours en annulation : *xin thủ tiêu nguyên án.*
- Annulation dans l'intérêt de la loi : *thủ tiêu lợi cho pháp luật, chính lý thủ tiêu.*
- Annulation avec ou sans renvoi : *tiêu án hồi giao án vụ, tiêu án bất hồi giao án vụ.*
- Certificat d'annulation : *thủ tiêu chứng chỉ (về kế toán).*
- Annulement : *sự triệt tiêu, thủ tiêu tiêu hủy.*
- Arrêt d'annulement : *thủ tiêu phán quyết.*
- Annuler : *hủy bỏ, phế chỉ, thủ tiêu, triệt tiêu, tiêu hủy.*
- Annuler un contrat : *thủ tiêu khế ước.*
- Annuler le mariage : *thủ tiêu hôn nhân, hôn thư, tiêu hôn.*
- Anonyme : *nặc danh, vô danh, ẩn danh.*
- Dénonciation anonyme : *nặc danh đầu cáo.*
- Société anonyme : *công-ty vô danh, vô danh hội xã.*
- Lettre anonyme : *thư nặc danh, nặc danh đầu thư, phi thư.*
- Requête anonyme : *đơn nặc danh.*
- Anormal : *vi thường, lệ ngoại.*
- Anse de panier (architecture) : *khuôn nguyệt.*
- Antagoniste : *tương địch, tương phản, trái nhau, đối thủ.*
- Antebellum : *trước khi có chiến tranh.*
- Antécédent : *trước, tiền lệ.*
- Antécédents : *lại lịch.*
- Antécédents judiciaires : *tiền án, án tich.*

- Etablir un antécédent : *lập lệ.*
- Sans antécédents judiciaires : *chưa can án.*
- Antécédents chargés : *những lần can án, lũy án.*
- Antérieurs : *số tiền có từ trước (kế toán)*
- Antennes de TSF : *giây xúc giác V.T.B.*
- Antichrèse : *sự cất quyền bất động sản, sự cầm bất động sản cho chủ nợ có quyền thu hoa lợi.*
- Anthropologie : *nhân chủng học, nhân loại học.*
- Anticipation : *sự làm trước kỳ hạn, làm trước, dự liệu, dự đoán, sự tiên đoán; lấy trước — sự xâm lấn, xâm chiếm.*
- Anticipation de paiement : *trả trước, nộp trước (kế toán).*
- Anticipation sur la voie publique : *lấn ra đường công, lấn ra công lộ.*
- Par anticipation : *trước kỳ hạn.*
- Envoyer par anticipation : *gửi trước.*
- Paiement par anticipation : *trả tiền trước kỳ hạn.*
- Anticiper : *làm trước kỳ hạn, làm trước, dự liệu, dự đoán, tiên đoán, xâm lấn, xâm chiếm.*
- Anticonceptionnel : *tị nhậm, phòng chỉ, tịụ nhậm, tránh thụ thai.*
- Anticonstitutionnel : *vi hiến, trái hiến pháp —*
- Antidater : *điền tiền ngày tháng.*
- Anti-gouvernemental : *phản đối chính phủ.*
- Anti-impérialisme : *thuyết phản đế quốc, chống đế quốc, bài đế quốc.*
- Antilégal : *trái pháp luật, phi pháp, trái luật.*
- Anti-libéral : *phản tự do.*
- Anti-militariste : *phi chiến, phi quân, phản quân phiệt.*
- Anti-militarisme : *chủ nghĩa phi quân, chủ nghĩa chống quân phiệt.*
- Antipathie : *ác cảm.*
- Anti-permal : *thuộc về tài sản của chồng cho vợ trong hôn ước, hôn ước tặng sản.*
- Anti-politique : *phản chính trị.*
- Anti-populaire : *mất lòng dân, thất dân tâm, thất chúng.*
- Anti-progressiste : *phản tiến hóa.*
- Anti-prohibitionniste : *phản cấm chế, phản đối chế độ cấm nhập cảng.*
- Anti-protectionniste : *phản chế độ bảo hộ, phản bảo hộ mậu dịch.*
- Antiquité : *cổ đại, thời lỗi cổ.*
- Anti-règlementaire : *trái quy tắc.*
- Anti-républicain : *phản cộng hòa.*
- Anti-révolutionnaire : *phản cách mệnh.*
- Anti-socialiste : *phản chủ nghĩa xã hội.*

- Anti constitutionnel : *bất hợp hiến pháp, phản đối hiến pháp.*
- Anthropologie : *nhân loại học.*
- Apanage : *vật đặc hữu, phần riêng, đặc quyền.*
- Apaiser : *trấn tĩnh, trấn phủ, chiêu an.*
- Aperçu : *đại cương, đại lược, đại khái, khái yếu, nhất lãm.*
- Apogée : *tuyệt đỉnh, cực điểm, tuyệt đỉnh*
- Apogée de la gloire : *chỗ tuyệt đỉnh của vinh quang.*
- A posteriori : *đi từ quả đến nhân.*
- Vérification à posteriori : *kiểm soát bằng kinh nghiệm, nghiệm về sau.*
- Apostille : *phụ chú, bàng chú, mi phê, lời chua thêm.*
- Apothéose : *sự tôn sùng, sùng bái, sùng tôn, tán tụng.*
- Appareil : *nghi khí.*
- Apparaître : *lộ hiện.*
- Apparence : *bề ngoài. S'attacher à l'apparence : chú trọng bề ngoài, vụ ngoại, hình thức, bề ngoài, mặt ngoài, ngoại biểu, biểu diện, biểu hiệu, biểu ký, hình trạng, hình tượng,*
- Apparent : *hiện thế, ngoại hiện, biểu hiện, hiện diện, hiển nhiên, biểu lộ.*
- Héritier apparent : *kế thừa, hiện diện ; người biểu hiện kế thừa.*
- Vice apparent : *ti-tích biểu hiện, hiện ti.*
- Servitude apparente : *địa dịch hiển hiện.*
- Appendice : *phụ lục.*
- Appert. — Il appert que ; rõ ràng là, dĩ nhiên là.
- Appel : *gọi, kháng cáo, kháng án, chống án, thượng tố.*
- Faire appel : *kháng cáo, không cáo, không khiếu, không tố.*
- Faculté de faire appel : *quyền năng không cáo.*
- Acte d'appel : *giấy chống án, kháng cáo*
- Cour d'appel : *tòa thượng thẩm.*
- Appel à minima : *sự thượng tố của công-tổ-viện đối với án xử quá nhẹ; sự chống-án của công-tổ-viện đề tăng án.*
- Interjeter appel : *chống án, kháng án, thượng không, thượng cáo, thượng tố.*
- Déclaration d'appel : *đơn xin kháng án, chống án.*
- Jurisdiction d'appel : *viện kháng tố ; tòa kháng án.*
- Appel d'offres : *gọi thầu.*
- Appel de fonds : *gọi vốn, gọi cổ phần, chiêu cổ.*
- Offre d'appel (militaire) : *giấy gọi nhập ngũ.*
- Faire appel à : *kêu gọi đến — Appel du matin (militaire) : điểm mào.*
- Appel de volontaires : *tuyển mộ.*
- Faire l'appel : *điểm danh, gọi tên, xưng danh, xưng tịch.*
- Appel aux armes : *chiêu binh, chiêu quân.*

(Kỳ sau đăng tiếp)